Public Disclosure Authorized

UBND TỈNH YÊN BÁI **NGÂN HÀNG THẾ GIỚI**

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TÁI ĐỊNH CƯ
(Báo cáo cuối cùng)

DỰ ÁN PHÁT TRIỂN TỔNG HỢP CÁC ĐÔ THỊ ĐỘNG LỰC
TIỂU DỰ ÁN THÀNH PHỐ YÊN BÁI – TỈNH YÊN BÁI

YÊN BÁI, 2019

Public Disclosure Authorized

MỤC LỤC

PHẦN 1: MÔ TẢ DỰ ÁN 11
1.1. Thông tin chung về dự án 11
1.2. Tiểu dự án thành phố Yên Bái 11
PHẦN 2: PHẠM VI THU HỒI ĐẤT VÀ TÁI ĐỊNH CƯ 14
2.1. Số hộ bị ảnh hưởng 14
2.2. Tác động về đất 15
2.3 Ảnh hưởng nhà/vật kiến trúc và tài sản khác 16
2.4. Ảnh hưởng cây cối và hoa màu 18
2.5. Ảnh hưởng đến tài sản công cộng 18
2.6. Ảnh hưởng tạm thời 18
2.7. Các biện pháp giảm thiểu tác động 18
PHẦN 3: MỤC TIÊU CỦA KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TÁI ĐỊNH CƯ 19
PHẦN 4: THÔNG TIN KINH TẾ-XÃ HỘI KHU VỰC DỰ ÁN 20
4.1. Mục tiêu và phương pháp khảo sát KT-XH 20
4.2. Điều kiện kinh tế-xã hội thành phố Yên Bái 21
4.2.1. Điều kiện văn hóa-xã hội 21
4.2.2. Điều kiện kinh tế 22
4.3. Thông tin kinh tế-xã hội của hộ bị ảnh hưởng 24
4.3.1. Đặc điểm nhân khẩu học 24
4.3.2. Giáo dục 25
4.3.3. Nghề nghiệp, việc làm 25
4.3.4. Thu nhập và chi tiêu của hộ gia đình 25
4.3.5. Tình trạng vệ sinh, sức khỏe cộng đồng và dịch vụ y tế 26
4.3.6. Tình trạng sở hữu tài sản của các hộ bị ảnh hưởng 26
4.3.7. Tình trạng vay và sử dụng vốn vay 26
4.3.8. Sự tham gia vào các mạng lưới xã hội ở địa phương 26
4.4. Tình trạng sử dụng đất của các hộ bị ảnh hưởng 27
4.5. Vấn đề về giới 27
PHẦN 5: KHUNG CHÍNH SÁCH TÁI ĐỊNH CƯ 29
5.1. Chính sách Tái định cư không tự nguyện OP4.12 của NHTG. 29
5.2. Cơ sở pháp lý của Việt Nam về bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư 30

5.3. Những khác biệt giữa chính sách tái định cư của NHTG với chính sách của pháp luật Việt Nam và giải pháp áp dụng cho dự án **32**
5.4. Ngày khóa sổ **36**
PHẦN 6: CHÍNH SÁCH BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ CỦA DỰ ÁN **37**
6.1. Tiêu chuẩn hợp lệ **37**
6.2. Các nguyên tắc tái định cư **37**
6.3.1. Chính sách bồi thường cho đất nông nghiệp 38
6.3.2. Bồi thường đối với đất phi nông nghiệp và đất kinh doanh 39
6.3.3. Chính sách bồi thường đất ở 39
6.3.4. Chính sách bồi thường nhà và công trình 40
6.3.5. Chính sách bồi thường cây cối hoa mầu 41
6.3.6. Bồi thường đối với các tài sản khác 42
6.3.7. Chính sách bồi thường cho tài sản công cộng bị ảnh hưởng 42
6.3.8. Chính sách bồi thường cho các tác động tạm thời trong thời gian thi công 42
6.3.9. Bồi thường chi phí di chuyển tài sản 42
6.3.10. Chính sách hỗ trợ phục hồi thu nhập và ổn định cuộc sống 42
PHẦN 7. CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI THU NHẬP **62**
7.1. Mục tiêu **62**
7.2. Đối tượng tham gia chương trình **62**
7.3. Các hoạt động của chương trình **62**
7.4. Cơ quan thực hiện **63**
7.5. Kinh phí thực hiện **63**
7.6. Kế hoạch thực hiện **63**
7.7. Giám sát đánh giá **64**
PHẦN 8: CHUẨN BỊ TÁI ĐỊNH CƯ **65**
8.1. Nguyên tắc lựa chọn tái định cư **65**
8.2. Phát triển khu tái định cư **65**
8.2.1. Đánh giá nhu cầu tái định cư của dự án 65
8.2.2. Tham vấn cộng đồng về khu Tái định cư 65
8.2.3. Xây dựng các khu Tái định cư 66
8.2.4. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSDĐ) 67
PHẦN 9: SỰ THAM GIA VÀ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG **68**
9.1. Mục tiêu của phổ biến thông tin và tham vấn cộng đồng **68**
9.2. Cơ chế phổ biến Thông tin, Tham vấn và Tham gia của Cộng đồng **68**
9.2.1. Tham vấn cộng đồng trong giai đoạn chuẩn bị dự án 68
9.2.2. Tham vấn cộng đồng trong giai đoạn thực hiện dự án 72

9.2.3. Phương pháp tham vấn 72
Phương pháp tham vấn **73**
Nội dung tham vấn **73**
PHẦN 10: CƠ CHẾ KHIẾU NẠI **75**
10.1. Trách nhiệm giải quyết khiếu nại **75**
10.2. Cơ chế khiếu nại và giải quyết khiếu nại **75**
PHẦN 11: TRÁCH NHIỆM THỂ CHẾ **77**
11.1. Đánh giá năng lực của các bên liên quan trong thực hiện Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ và tái định cư **77**
11.2 Trách nhiệm các cơ quan **78**
PHẦN 12: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN **81**
12.1 Các hoạt động chính **81**
12.2 Kế hoạch thực hiện **81**
PHẦN 13: DỰ TOÁN NGÂN SÁCH **83**
13.1. Khảo sát giá thay thế **83**
13.2. Đánh giá nhanh giá thay thế **83**
13.3. Dự toán nguồn kinh phí **84**
PHẦN 14: GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ **87**
14.1. Mục tiêu giám sát **87**
14.2. Giám sát nội bộ **87**
14.3. Giám sát độc lập **88**
PHỤ LỤC **90**
PHỤ LỤC 1: CÁC CHỈ SỐ GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ **90**
PHỤ LỤC 2: ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU ĐỀ XUẤT CHO TƯ VẤN GIÁM SÁT ĐỘC LẬP **92**
PHỤ LỤC 3: BIÊN BẢN HỌP THAM VẤN CỘNG ĐỒNG **95**
PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI DỰ AN **100**

MỤC LỤC BẢNG

Bảng 1: Quy mô đầu tư của Hợp phần 1 12
Bảng 2: Tóm tắt và phân loại hộ BAH 14
Bảng 3: Phạm vi ảnh hưởng đất 16
Bảng 4: Ảnh hưởng kiến trúc tại mỗi hạng mục 16
Bảng 5: Ảnh hưởng cây cối, hoa màu 18
Bảng 6: Dân số của thành phố Yên Bái 21
Bảng 7:Tình trạng nghèo của thành phố Yên Bái 22
Bảng 8: Tỉ lệ lao động qua các năm của thành phố Yên Bái 24
Bảng 9: Tỉ lệ giải quyết việc làm, tỉ lệ thất nghiệp thành phố Yên Bái 24
Bảng 10:Trình độ học vấn của chủ hộ 25
Bảng 11:Phương tiện sinh hoạt của hộ gia đình 26
Bảng 12: Sự khác nhau giữ chính sách của Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng thế giới áp dụng cho dự án .....
Bảng 13:Bảng ma trận quyền lợi 46
Bảng 14: Tiến độ dự kiến thực hiện chương trình phục hồi thu nhập 63
Bảng 15: Nhu cầu tái định cư theo từng hạng mục của dự án 65
Bảng 16:Tham vấn cộng đồng về thu hồi đất và tái định cư 69
Bảng 17: Kết quả họp tham vấn cộng đồng tại khu vực dự án 70
Bảng 18:Kế hoạch thực hiện 81
Bảng 19: Dự toán kinh phí kế hoạch tái định cư 85

MỤC LỤC HÌNH

Hình 1: Bản đồ tổng thể các hạng mục đầu tư 13
Hình 2: Diễn biến thay đổi dân số thành phố Yên Bái 21
Hình 3: Cơ cấu kinh tế thành phố Yên Bái năm 2016 23
Hình 4: Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế giai đoạn 2012 – 2016 23
Hình 5: Sơ đồ thực hiện Kế hoạch tái định cư 78

TỪ VIẾT TẮT

BAH	Các hộ bị ảnh hưởng bởi dự án
HĐBTHT-TĐC	Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Sở NN và PTNT	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
DTTS	Dân tộc thiểu số
GQKN	Cơ chế giải quyết khiếu nại
IDA	Cơ quan phát triển quốc tế
IMA	Cơ quan giám sát đốc lập
KĐTH	Kiểm đếm thiệt hại
Trung tâm PTQĐ	Trung tâm phát triển quỹ đất
Giấy CNQSDĐ	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Bộ/Sở LĐTBXH	Bộ/Sở Lao động Thương binh và Xã hội
Bộ TNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
NGO	Tổ chức phi chính phủ
UBND	Ủy ban nhân dân
Ban QLDA	Ban quản lý dự án
RCS	Khảo sát giá thay thế
KHHĐTĐC	Kế hoạch hành động tái định cư
SIA	Đánh giá tác động xã hội
USD	Đô la Mỹ
VND	Việt Nam đồng
NHTG	Ngân hàng Thế giới

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Người Bị ảnh hưởng (BAH): Những cá nhân, hộ gia đình, tổ chức hay cơ sở kinh doanh bị ảnh hưởng trực tiếp về mặt xã hội và kinh tế bởi việc thu hồi đất và các tài sản khác một cách bắt buộc do dự án mà Ngân hàng Thế giới tài trợ, dẫn đến: (i) di dời hoặc mất chỗ ở; (ii) mất tài sản hoặc sự tiếp cận tài sản; hoặc (iii) mất các nguồn thu nhập hay những phương tiện sinh kế, cho dù người bị ảnh hưởng có phải di chuyển tới nơi khác hay không. Ngoài ra, người bị ảnh hưởng là người có sinh kế bị ảnh hưởng một cách tiêu cực bởi việc hạn chế một cách bắt buộc sự tiếp cận các khu vực được chọn hợp pháp và các khu vực được bảo vệ.

Kiểm kê thiệt hại(KKTH): Là quá trình trong đó toàn bộ tài sản cố định (ví dụ như đất được sử dụng để ở, thương mại, nông nghiệp, bao gồm ao, đơn vị ở, quầy hàng và cửa hàng; cấu trúc thứ cấp, như hàng rào, lăng mộ, giếng, cây có giá trị thương mại, v.v.) và các nguồn thu nhập và sinh kế đi cùng của Dự án được xác định, đo lường, xác định chủ sở hữu, vị trí chính xác được xác định chính xác và chi phí thay thế của chúng được tính toán. Ngoài ra, mức độ ảnh hưởng của các tài sản bị ảnh hưởng và mức độ nghiêm trọng của tác động đến sinh kế và năng lực sản xuất của các hộ gia đình sẽ được xác định

Ngày khóa sổ kiểm kê (NKSKK): Là ngày chính quyền địa phương thông báo thu hồi đất của những hộ bị ảnh hưởng. Những người bị ảnh hưởng và các cộng đồng địa phương sẽ được thông báo về ngày khóa sổ kiểm kê của từng hợp phần dự án, và bất kỳ ai chuyển tới và/hoặc bất kỳ tài sản nào được tạo ra trong vùng dự án sau ngày này sẽ không được quyền được bồi thường và hỗ trợ từ dự án.

Tính hợp lệ: Các tiêu chí để được nhận các quyền lợi bồi thường hay hỗ trợ theo chương trình tái định cư trong dự án.

Quyền lợi: Là quyền nhận được bao gồm bồi thường và hỗ trợ cho những người bị ảnh hưởng tùy thuộc vào loại hình bị ảnh hưởng và mức độ tác động.

Sinh kế: Các hoạt động kinh tế và tạo thu nhập, thường do tự lao động, lao động được trả lương bằng sức lao động và vật tư của chính bản thân (cả con người và vật chất) để tạo đủ nguồn để đáp ứng các yêu cầu của bản thân và gia đình một cách bền vững.

Khôi phục (sinh kế) thu nhập: Là những hoạt động nhằm để cung cấp tới những người bị ảnh hưởng do việc mất nguồn thu nhập hoặc sinh kế nhằm phục hồi thu nhập và mức sống bằng hoặc tốt hơn trước khi có dự án.

Giá thay thế:

số tiền cần thiết để thay thế một tài sản bị ảnh hưởng mà không khấu hao hoặc khấu trừ đối với các vật liệu có thể cứu vãn được, đã bao gồm thuế và / hoặc chi phí giao dịch. Phải được tính toán trước khi thay thế như sau :

a. Đất sản xuất (nông nghiệp, ao nuôi cá, vườn, rừng) dựa trên giá thị trường phản ánh doanh số bán đất gần đây của đất tương đương trong thành phố và các khu vực lân cận khác, hoặc không có doanh thu gần đây, dựa trên giá trị sản xuất của đất;

b. Đất thổ cư dựa trên giá thị trường phản ánh các giao dịch gần đây của đất thổ cư tương đương trong huyện và các khu vực lân cận khác hoặc, nếu không có các giao dịch đất gần đây, dựa trên các giao dịch ở các địa điểm khác có chất lượng tương tự;

c. Nhà ở và các cấu trúc liên quan khác dựa trên giá thị trường hiện tại của vật liệu và lao động mà không khấu hao hoặc khấu trừ cho vật liệu xây dựng được tận dụng cộng với phí để có được giấy tờ sở hữu;

Cây và động vật nuôi dựa trên giá trị thị trường hiện tại của cây / động vật tại thời điểm thu hồi đất;

Tái định cư: Theo thuật ngữ của Ngân hàng Thế Giới trong Chính sách Tái định cư bắt buộc (OP 4.12), tái định cư bao hàm tất cả những thiệt hại (i) di dời hoặc mất chỗ ở; (ii) mất tài sản

hoặc quyền tiếp cận tài sản; hoặc (iii) mất các nguồn thu nhập, phương tiện sinh kế, dù người bị ảnh hưởng có phải di chuyển đến một vị trí khác hay không.

Người bị ảnh hưởng nặng: là tất cả những người bị ảnh hưởng (i) mất từ 20% (đối với hộ nghèo và hộ dễ bị tổn thương là 10%) trở lên diện tích đất sản xuất và tài sản (tạo thu nhập), và/hoặc (ii) phải tái định cư do thực hiện Dự án.

Các bên có liên quan: Bất kỳ và tất cả các cá nhân, nhóm, tổ chức, và các định chế có quan tâm đến dự án, có khả năng bị ảnh hưởng bởi dự án, hoặc có thể ảnh hưởng đến dự án.

Nhóm dễ bị tổn thương: Các nhóm đối tượng đặc biệt có khả năng phải chịu tác động không tương xứng hoặc có nguy cơ bị bần cùng hóa hơn nữa do tác động của tái định cư, bao gồm: (i) phụ nữ làm chủ hộ (không có chồng, góa hay chồng mất sức lao động) có người phụ thuộc, (ii) người tàn tật (không còn khả năng lao động), người già không nơi nương tựa, (iii) người nghèo theo tiêu chí của Bộ LĐTB-XH, (iv) người không có đất đai, và (v) người dân tộc thiểu số.

TÓM TẮT BÁO CÁO

Giới thiệu

Kế hoạch hành động tái định cư này được lập cho tiểu dự án thành phố Yên Bái, tỉnh yên Bái thuộc Dự án phát triển tổng hợp các đô thị động lực được tài trợ bởi Ngân hàng thế giới. Dự án bao gồm 2 hợp phần chính:

* Hợp phần 1: Giải pháp kết cấu - Cải tạo, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị (Tổng vốn 51,68 triệu USD, trong đó vốn vay WB 37,41 triệu USD, vốn đối ứng 14,27 triệu USD):

Một loạt các khoản đầu tư sẽ được tài trợ cho tiểu dự án để cải thiện khả năng tiếp cận và chất lượng của các dịch vụ cơ sở hạ tầng đô thị quan trọng, bao gồm cả các dịch vụ quản lý môi trường đô thị, giao thông đô thị và tiện ích đô thị và không gian công cộng. Các hạng mục đề xuất của Dự án bao gồm: i) Cải tạo 3 hồ Nam Cường; ii) Xây dựng kè chống lũ trên suối Cầu Dài; iii) Xây dựng kè chống lũ trên suối Hào Gia iv) Xây dựng đường nối từ đường Điện Biên đến đường nối cầu Bách Lẫm đến cầu Văn Phú; (v) Xây dựng đường nối từ cầu Bách Lẫm đến cầu Văn Phú; (vi) Xây dựng đường nối đường Nguyễn Tất Thành đến đường Âu Cơ; (vii) Xây dựng các khu tái định cư.

* Hợp phần 2: Giải pháp phi kết cấu - Hỗ trợ kỹ thuật và thực hiện đầu tư. (Tổng vốn 7,1 triệu USD, trong đó vốn vay WB 2,06 triệu USD, vốn đối ứng 5,05 triệu USD)

Một gói toàn diện về hỗ trợ thực kỹ thuật và thực hiện dự án sẽ được cung cấp cho Ủy ban Nhân dân tỉnh (PPC), cũng như PMU để tăng cường năng lực của họ cho quy hoạch không gian và kinh tế tổng hợp. Cung cấp: (a) hỗ trợ phân tích và kỹ thuật để tăng cường năng lực thể chế cho: (i) xây dựng hoặc cập nhật các kế hoạch phát triển đô thị chiến lược tích hợp; (ii) xây dựng các chiến lược và kế hoạch phát triển giao thông công cộng; và (b) Hỗ trợ thực hiện Dự án, bao gồm: (i) phát triển các thiết kế kỹ thuật cho các khoản đầu tư kết cấu trong Dự án; và (ii) giám sát và quản lý xây dựng, giám sát độc lập các biện pháp bảo vệ môi trường và xã hội, kiểm toán tài chính độc lập và giám sát và đánh giá.

Trong 2 thành phần, hợp phần 1 yêu cầu thu hồi đất và giải phóng mặt bằng.

Kế hoạch này bao gồm kết quả kiểm kê sơ bộ về thiệt hại, khảo sát kinh tế xã hội, quyền lợi của người dân và đánh giá về tác động tích cực và tiêu cực dự án bị ảnh hưởng. Kế hoạch cũng đề cập đến các lựa chọn tái định cư, chương trình phục hồi sinh kế, kế hoạch và chi phí để thực hiện RAP. Một cơ chế Khiếu nại được thiết lập trong RAP để đảm bảo rằng tất cả các mối quan tâm và khiếu nại của Người ảnh hưởng sẽ được tiếp nhận và giải quyết kịp thời và thỏa đáng.

Phạm vi thu hồi và giải phóng mặt bằng

Theo thiết kế sơ bộ dự án, các hạng mục đề xuất bao gồm: Hợp phần 1 Tổng diện tích đất dự kiến phải thu hồi khoảng **621.634** m2; trong đó diện tích đất ở là **36.609** m2; **142.580** m2 đất hằng năm , **129.288** m2 đất trồng cây lâu năm, **212.287** m2 đất rừng; **17.133** m2 đất nuôi trồng thủy sản và **82.687** m2 đất công. Tổng số hộ BAH của dự án là 915 hộ. Trong đó 626 hộ bị ảnh hưởng nặng đất nông nghiệp, 115 hộ phải tái định cư; 67 hộ dễ bị tổn thương. Bên cạnh đó tiểu dự án còn ảnh hưởng đến nhà/ công trình kiến trúc, cây cối của người dân.

Biện pháp giảm thiểu

Trong quá trình thiết kế Dự án, Ban Quản lý Dự án đã phối hợp chặt chẽ với Đơn vị tư vấn lập dự án và các chuyên gia Tái định cư, các hộ gia đình bị ảnh hưởng thông qua cáccuộc họp, các cuộc khảo sát va tham vấn nhằm tránh hoặc giảm thiểu và hạn chế sao

cho quy mô thu hồi đất là ít nhất và mức độ tác động tái định cư là thấp nhất ở tất cả các hạng mục công trình của dự án. Các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực của dự án được tiến hành thông qua nghiên cứu các phương án thiết kế dự án nhằm mục tiêu phát huy tính hiệu quả đầu tư của dự án đồng thời hạn chế thấp nhất việc thu hồi đất.

Việc lựa chọn các phương án tái định cư cũng đã được thảo luận với hộ BAH nhằm giảm thiểu tác động và bảo đảm phục hồi kinh tế bị ảnh hưởng. Đồng thời, kế hoạch giảm thiểu các tác động tạm thời trong giai đoạn thi công cũng đã được nghiên cứu và đề xuất, nhằm tránh và/hoặc giảm thiểu tối đa các tác động này trong quá triển khai dự án.

Khung chính sách

Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho tiểu dự án được chuẩn bị dựa trên chính sách hoạt động của Ngân hàng Thế giới về tái định cư không tự nguyện (OP.4.12) và pháp luật Việt Nam về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Kế hoạch tái định cư được xây dựng trên OP4.12, pháp luật và các quy định của Chính phủ và các quy định / quyết định của UBND tỉnh Yên Yên về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư áp dụng cho tỉnh .

Mục tiêu chính của Kế hoạch hành động TĐC nhằm lập kế hoạch đền bù, hỗ trợ cho các hộ bị ảnh hưởng trên nguyên tắc giá thay thế. Các hộ BAH sẽ được cung cấp các hỗ trợ để ổn định cuộc sống.

Chương trình phục hồi thu nhập

Chương trình phục hồi sinh kế là một hoạt động quan trọng của kế hoạch bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Chính sách của dự án hướng tới ổn định cuộc sống và các nguồn thu nhập của người bị ảnh hưởng (BAH) ít nhất bằng hoặc cao hơn so với trước khi bị ảnh hưởng bởi Dự án. Chương trình phục hồi thu nhập sẽ được thực hiện dành cho 626 hộ BAH đủ điều kiện dựa trên khảo sát đánh giá nhu cầu hỗ trợ. Các hoạt động đề xuất bao gồm (i) đào tạo nghề; ii) Vay vốn và iii) Tạo việc làm.

Thể chế

Công tác bồi thường hỗ trợ và tái định cư của dự án sẽ nằm dưới sự quản lý và giám sát của tỉnh Yên Bái triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai, các tổ chức thực hiện cần có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng, chính quyền phường, xã và cộng đồng dân cư trên địa bàn dự án để đảm bảo công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được thực hiện công khai, minh bạch và đúng tiến độ và tuân thủ theo RAP đã được phê duyệt.

Kế hoạch thực hiện

Kế hoạch tái định cư sẽ được thực hiện trong sự phối hợp chặt chẽ với tiến độ thực hiện các hạng mục xây dựng. Các hộ gia đình bị ảnh hưởng sẽ được bồi thường trước khi giải phóng mặt bằng, dự kiến sẽ bắt đầu từ quý II năm 2020.

Tham vấn cộng đồng và sự tham gia

Đối tượng bị ảnh hưởng và cộng đồng bị ảnh hưởng đã được cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin, được tham vấn về các phương án tái định cư và được tạo cơ hội tham gia lập kế hoạch, triển khai và giám sát tái định cư. Cơ chế giải quyết khiếu nại phù hợp và khả thi cũng được thiết lập cho các đối tượng này.

Để đạt được mục tiêu đó, trong quá trình thiết kế dự án, chính quyền địa phương, các tổ chức quần chúng địa phương và toàn bộ các hộ dân BAH đã được tham vấn, được công khai thông tin trong giai đoạn chuẩn bị dự án. Ngoài ra, còn có 732 hộ dân bị ảnh hưởng đã được khảo sát thông qua phiếu điều tra bằng bảng hỏi. Các thông tin thu được trong quá trình tham vấn không chỉ hữu ích trong việc xây dựng chính sách tái định cư của dự

án mà còn hỗ trợ trong việc xây dựng các phương án bồi thường trong quá trình triển khai thực hiện.

Giám sát và đánh giá

Kế hoạch tái định cư này sẽ được thực hiện dưới sự giám sát của ban QLDA tỉnh Yên Bái. Đồng thời, Ban QLDA cũng tuyển dụng một đơn vị/ cá nhân giám sát độc lập để giám sát việc thực hiện kế hoạch tái định cư.

Sau khi hoàn thành dự án, Đơn vị giám sát độc lập sẽ đánh giá để xác định xem mục tiêu của chính sách tái định cư có đạt được hay không và đặc biệt là đánh giá điều kiện sống, khả năng phục hồi sinh kế của các hộ dân bị ảnh hưởng sau khi tái định cư. Trong trường hợp kết quả đánh giá cho thấy những mục tiêu này chưa đạt được thì Ban QLDA sẽ đề xuất các biện pháp tiếp theo làm cơ sở để Ngân hàng Thế giới tiếp tục giám sát đến khi NHTG thấy phù hợp.

Khiếu nại và giải quyết khiếu nại

Dự án sẽ thành lập một ban Giải quyết khiếu nại độc lập với các cơ quan hỗ trợ giải quyết và giám sát các quá trình liên quan đến khiếu nại, phàn nàn và các thắc mắc như một kết quả của sự can thiệp của dự án. Một cơ chế giải quyết khiếu nại được thiết lập bởi dự án này nhằm cho phép người bị ảnh hưởng khiếu nại (nếu có) và nhận được trả lời khiếu nại kịp thời. Cơ chế giải quyết khiếu nại sẽ được thông báo đầy đủ cho người dân bị ảnh hưởng bằng các biện pháp thích hợp trong quá trình thực hiện RAP. .

Tài chính

Tổng chi phí ước tính cho việc thực hiện Kế hoạch TĐC này khoảng **211.816.000.000** đồng. Chi phí này bao gồm đền bù đất đai, kiến trúc và tài sản khác cũng như những hỗ trợ, chi phí cho chương trình phục hồi thu nhập, chi phí cho việc giám sát, đánh giá và chi phí thành lập hội đồng bồi thường. Chi phí tái định cư sẽ được cập nhật tại thời điểm bồi thường. Nguồn ngân sách cho việc thực hiện RAP sẽ đến từ vốn đối ứng của UBND tỉnh Yên Bái

PHẦN 1: MÔ TẢ DỰ ÁN

1.1. Thông tin chung về dự án

1. Chính phủ đã phê duyệt đề xuất dự án "Phát triển tổng hợp các đô thị động lực" – Tiểu dự án thành phố Yên Bái ngày 14/3/2017 tại Văn bản số 2318/VPCP-QHQT; Quyết định số 298/QĐ-TTg ngày 09/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chủ trương đầu tư cho Dự án phát triển tổng hợp các đô thị động lực – tiểu dự án thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái" bằng nguồn vốn IDA Ngân hàng thế giới.

2. Dự án đề xuất được thực hiện tại thành phố Yên Bái (Tỉnh Yên Bái)

3. Để đạt được mục tiêu trên, dự án có 02 hợp phần. Hợp phần 1: Giải pháp kết cấu - Cải tạo, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị; Hợp phần 2: Giải pháp phi kết cấu hỗ trợ thực hiện và hỗ trợ kỹ thuật.

4. Thời gian thực hiện dự án " Phát triển tổng hợp các đô thị động lực" dự kiến là 5 năm từ năm 2019-2025

1.2. Tiểu dự án thành phố Yên Bái

5. Song song với sự phát triển nhanh về kinh tế thì sự phát triển không đồng đều của hạ tầng kỹ thuật đã gây ra rất nhiều sự bất cập trong quy hoạch của cácThành phố tại Việt Nam nói chung và thành phố Yên Bái nói riêng. Điều đó đã và đang tiềm ẩn các nguy cơ gây ô

nhiễm môi trường, mất cân bằng trong việc giữ gìn và duy trì môi trường đô thị trong lành vốn có. Dự án Phát triển các Đô thị động lực - Tiểu dự án Thành phố Yên Bái – tỉnh Yên Bái sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững, cải thiện đời sống và điều kiện vệ sinh môi trường, mở rộng mạng lưới giao thông, từng bước hoàn thiện đồng bộ cơ sở hạ tầng của thành phố.

6. **Mục tiêu dự án**

Mục tiêu tổng thể

Nhằm tăng khả năng tiếp cận với cơ sở hạ tầng đô thị và cải thiện quy hoạch đô thị tích hợp trong thành phố dự án..

Mục tiêu cụ thể

- Giảm thiểu ngập lụt cho thành phố Yên Bái bằng các biện pháp kè, nạo vét suối và xây dựng, cải tạo hồ điều hòa;

- Cải thiện giao thông thành phố và tăng cường kết nối bằng việc xây dựng 3 tuyến đường tổng chiều dài khoảng 10km;

- Xây dựng các khu tái định cư tổng diện tích khoảng 3,1ha hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng của dự án;

- Hỗ trợ phát triển đô thị bền vững trên cơ sở nâng cao chất lượng lập kế hoạch chiến lược phát triển, năng lực quản lý đô thị và chiến lược phát triển giao thông công cộng;

7. Hợp phần của tiểu dự án: Tiểu dự án bao gồm hai hợp phần chính sau:

12.1. Hợp phần 1: *Giải pháp kết cấu – Cải tạo, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị*

8. Các hạng mục đề xuất của tiểu dự án bao gồm: i) Cải tạo 3 hồ Nam Cường; ii) Xây dựng kè chống lũ trên suối Cầu Dài; iii) Xây dựng kè chống lũ trên suối Hào Gia iv) Xây dựng đường nối từ đường Điện Biên đến đường nối cầu Bách Lẫm đến cầu Văn Phú; (v) Xây dựng đường nối từ cầu Bách Lẫm đến cầu Văn Phú; (vi) Xây dựng đường nối đường Nguyễn Tất Thành đến đường Âu Cơ; (vii) Xây dựng các khu tái định cư.

Bảng 1: Quy mô đầu tư của Hợp phần 1

TT	Hạng mục	Phường/ xã	Quy mô	Thông số kĩ thuật
1	Cải tạo 3 hồ sinh thái Nam Cường	Nam Cường	- DT cải tạo :27,2 ha - Chiều dài kè: 4246m	- Kè tường đứng mái nghiêng - Chân kè: xây tường bê tông trọng lực M150 - Thân kè: có hệ thống thoát nước đầy đủ - Mái kè: trồng cỏ trong khung bê tông - Cơ kè: kết hợp đường dạo, mặt đường kết cấu bê tông M250. - Đỉnh kè: Kết hợp đường giao thông và đường quản lý vận hành
2	Xây dựng kè chống lũ suối Cầu Dài	Yên Ninh, Minh Tân, Đồng Tâm	- L =3.755m	- Lòng suối: Nạo vét lòng suối với bề rộng đáy trung bình 8 - 15m. - Bảo vệ bờ suối với kết cấu: Kè mái nghiêng. - Chân kè: Hộ chân kè bằng cọc bê tông cốt thép M250 - Mái kè: Bảo vệ mái bằng BT M200 dày 15cm, dưới là lớp BT M100 dày 5cm - Đỉnh kè: Bố trí đường giao thông 2 bên, bề rộng lòng đường 6m, 2 bên đường bố trí rãnh thu nước

TT	Hạng mục	Phường/ xã	Quy mô	Thông số kĩ thuật
3	Xây dựng kè chống lũ suối Hào Gia	Đồng Tâm, Yên Thịnh	- L =1.510m	- Nạo vét lòng suối với bề rộng đáy trung bình 7-9m. - Loại 1: Kè tường đứng kết cấu bê tông cốt thép M250. Tường kè cao 4,5m. - Loại 2: Kè mái nghiêng, hộ chân kè bằng cọc BTCT M300 tiết diện 20x20cm dài 5m, Đỉnh kè làm đường bê tông, đường bờ trái rộng 6m, đường bờ phải rộng 3m.
4	Xây dựng đường nối từ đường Điện Biên đến đường nối cầu Bách Lẫm - cầu Văn Phú	Yên Ninh, Minh Tân	- L =1.035m	- Chiều rộng mặt đường: 10,50m - Chiều rộng vỉa hè: 2x5.00 = 10.00m - Bề rộng nền đường: 20,5m
5	Xây dựng đường nối từ cầu Bách Lẫm đến cầu Văn Phú	Văn Phú, Yên Ninh	Khoảng 4.964,34m	- Chiều rộng mặt đường: 10,50m - Chiều rộng vỉa hè: 2x5.00 = 10.00m
6	*Xây dựng đườngnối Nguyễn Tất Thành - Âu Cơ*	Tân Thịnh	- L =4.200m	- Chiều rộng mặt đường: 10,50m - Chiều rộng vỉa hè: 2x5 = 10.00m
7	Khu tái định cư số 1	Yên Ninh	S = 1,6 ha	- 64 lô
8	Khu tái định cư số 2	Văn Phú	S = 0,37 ha	- 15 lô
9	Khu tái định cư số 3	Tân Thịnh	S = 0,44 ha	- 18 lô
10	Khu tái định cư số 4	Yên Ninh	S = 0,40 ha	- 22 lô
11	Khu tái định cư số 5	Yên Ninh	S = 0,31 ha	- 17 lô

1.22.. Hợp phần 2: *Giải pháp phi kết cấu- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật và thực hiện đầu tư*

9. 9. Hỗ trợ kỹ thuật bao gồm: tư vấn và hỗ trợ sử dụng vốn đối ứng như: (i) xây dựng hoặc cập nhật các kế hoạch phát triển đô thị chiến lược tích hợp; (ii) xây dựng chiến lược phát triển giao thông công cộng; và (b) Hỗ trợ thực hiện Dự án, bao gồm: (i) phát triển các thiết kế kỹ thuật cho các khoản đầu tư kết cấu trong Dự án; và (ii) giám sát và quản lý xây dựng, giám sát độc lập các biện pháp bảo vệ môi trường và xã hội, kiểm toán tài chính độc lập và giám sát và đánh giá. .

Hình 1: Bản đồ tổng thể các hạng mục đầu tư

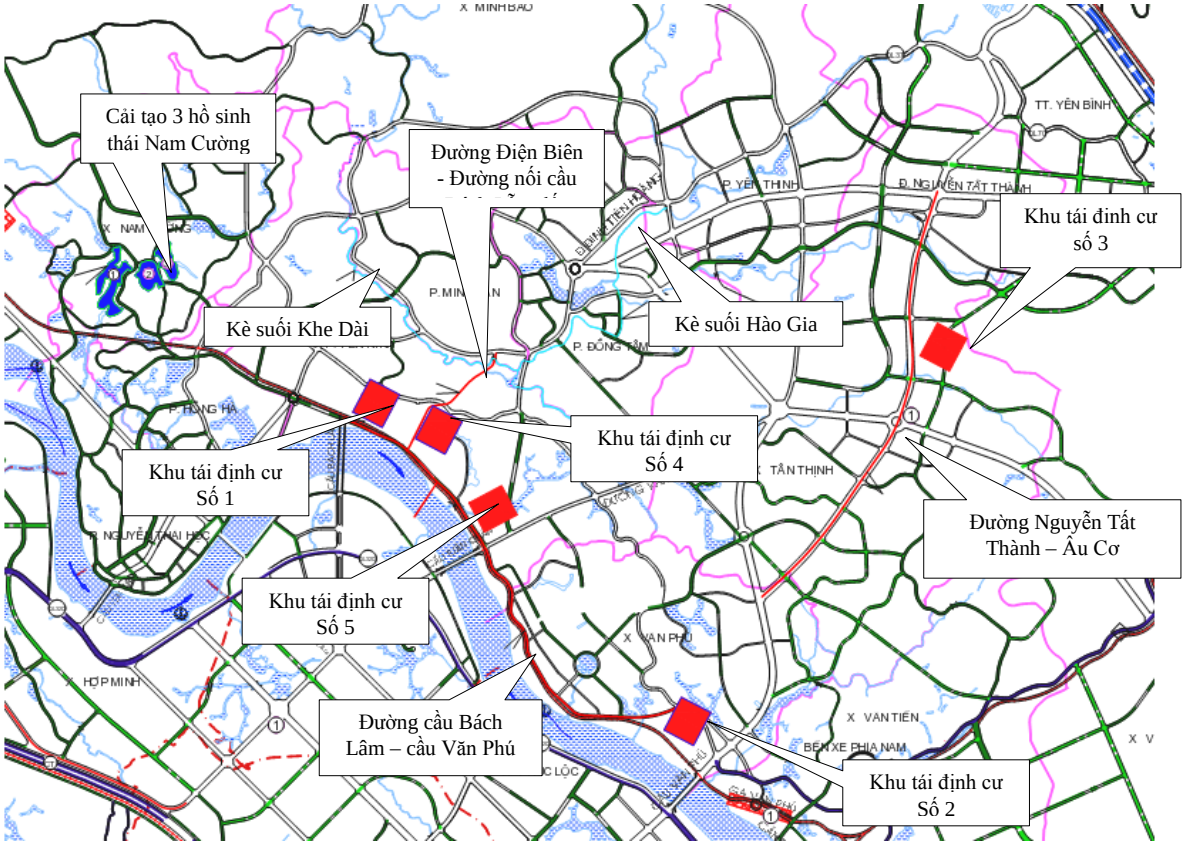

10. Phạm vi dự án: Dự án được thực hiên trên địa bàn 6 phường và 1 xã bao gồm: Yên Ninh, Minh Tân, Đồng Tâm, Yên Thịnh, Tân Thịnh và xã Văn Phú

PHẦN 2: PHẠM VI THU HỒI ĐẤT VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

11. Hợp phần 1 sẽ yêu cầu thu hồi đất. Chi tiết về tác động này đối với các hộ gia đình được xác định dựa trên việc kiểm kê và đánh giá như sau:

2.1. Số hộ bị ảnh hưởng

12. Công tác khảo sát thiệt hại sơ bộ được thực hiện từ tháng 4 đến tháng 8 năm 2017 với 100% các hộ BAH.

13. Tiểu dự án sẽ ảnh hưởng đến 915 hộ gia đình, trong đó có 67 hộ dễ bị tổn thương (14 hộ chính sách xã hội, 42 hộ nghèo và 18 hộ có phụ nữ làm chủ hộ), 798 hộ bị ảnh hưởng đất nông nghiệp, 364 hộ bị ảnh hưởng đất ở và 115 hộ thuộc diện phải tái định cư. Không có hộ kinh doanh bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án. Kết quả điều tra cho thấy không có hộ dân tộc thiểu số ở thành phố Yên Bái bị ảnh hưởng bởi việc triển khai dự án.

Bảng 2: Tóm tắt và phân loại hộ BAH

TT	Hạng mục	Các hộ bị ảnh hưởng nặng			Số hộ dễ bị tổn thương	Số hộ gia đình bị ảnh hưởng nhẹ	Tổng số hộ bị ảnh hưởng và số người bị ảnh hưởng	
		Số hộ tái định cư	Từ 20% trở lên và từ 10% đối với hộ DBTT	Tổng cộng			Số hộ bị ảnh hưởng	Số người bị ảnh hưởng
1	Giảm thiểu ngập lụt và an toàn đô	51	196	247	29	291	397	995

TT	Hạng mục	Các hộ bị ảnh hưởng nặng			Số hộ dễ bị tổn thương	Số hộ gia đình bị ảnh hưởng nhẹ	Tổng số hộ bị ảnh hưởng và số người bị ảnh hưởng	
		Số hộ tái định cư	Từ 20% trở lên và từ 10% đối với hộ DBTT	Tổng cộng			Số hộ bị ảnh hưởng	Số người bị ảnh hưởng
	thị (Cải tạo ba hồ Nam Cường; Kè chống lũ cầu Dai và Hào Gia)							
2	Cải thiện giao thông đô thị, tăng cường kết nối (Đường nối đường Điện Biên với đường nối cầu Bách Lẫm với cầu Văn Phú; đường nối cầu Bách Lẫm và Văn Phú; đường nối Nguyễn Tất Thành với đường Auu Cơ)	64	410	474	34	213	449	1317
3	Tái định cư	0	20	20	4	32	69	192
	Tổng	**115**	**626**	**741**	**67**	**836**	**915**	**2504**

2.2. Tác động về đất

14. Tổng diện tích đất dự kiến phải thu hồi khoảng 621.634 m2; trong đó diện tích đất ở là 36.609 m2; 142.580 m2 đất hằng năm , 129.288 m2 đất trồng cây lâu năm, 212.539 m2 đất rừng; 17.133 m2 đất nuôi trồng thủy sản và 82.687 m2 đất công.

15. Đất bị ảnh hưởng chủ yếu là đất nông nghiệp chiếm 80,7%. Thông tin về các loại đất bi ảnh hưởng được thể hiện chi tiết trong bảng dưới đây.

Bảng 3: Phạm vi ảnh hưởng đất

TT	Hạng mục	Đất thổ cư (m2)	Đất nông nghiệp (m2)				Đất do cơ quan quản lý (m2)	Đất công (m2)	Tổng số (m2)
			Đất cây hàng năm	Cây lâu năm	Đất rừng	Nuôi trồng thủy sản			
1	*Giảm thiểu ngập lụt và an toàn đô thị (Kè hồ Nam Cường, Kè suối Cầu Dài, Kè suối Hào Gia)*	14.577,3	32.760,9	39.086,0	24.972,5	879,5	778,8	29.852,5	142.927,4
2	*Cải thiện giao thông đô thị, tăng cường kết nối (Đường Điện Biên đến đường nối cầu Bách Lẫm đến cầu Văn Phú; Đường nối đường NTT đến Âu Cơ; đường nối Cầu Bách Lẫm đến cầu Văn Phú)*	21.559,0	109.819,2	88.940,7	160.500,1	15.984,2	0,0	50.927,4	447.730,7
2	*Tái định cư*	472,5	0,0	1.261,1	27.066,0	269,1	0,0	1.906,9	30.975,6
	Tổng cộng	**36.609**	**142.580**	**129.288**	**212.539**	**17.133**	**779**	**82.687**	**621.634**

2.3 Ảnh hưởng nhà/vật kiến trúc và tài sản khác

16. Tiểu dự án đã lựa chọn phương án thiết kế tối ưu để tránh và giảm tối thiểu việc ảnh hưởng bất lợi do thu hồi đất và đến các hộ gia đình, tuy nhiên không thể tránh khỏi các tác động thu hồi đất và GPMB.

17. Kết quả kiểm kê cho thấy tiểu dự án ảnh hưởng đến nhà ở và cấu trúc của các hộ gia đình địa phương như được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 4: Ảnh hưởng kiến trúc tại mỗi hạng mục

Hạng mục	Diện tích nhà ở BAH (m^2)	Khối lượng vật kiến trúc bị ảnh hưởng								
		Bếp (m2)	Nhà vệ sinh (m2)	Chuồng trại chăn nuôi (m2)	Tường kè đá (m^2)	Tường gạch (m^2)	Sân (m^2)	Cổng (cái)	Bể nước (cái)	Giếng (cái)
Giảm thiểu ngập lụt và an toàn đô thị (Kè hồ Nam Cường, Kè suối Cầu Dài, Kè suối Hào Gia)	2260,4	616	251	185	251	1292	312	81	6	20

Cải thiện giao thông đô thị, tăng cường kết nối (Đường Điện Biên đến đường nối cầu Bách Lẫm đến cầu Văn Phú; Đường nối đường NTT đến Âu Cơ; đường nối Cầu Bách Lẫm đến cầu Văn Phú)	1978,8	774	338	761	0	1537,6	601	104	16	37
Tái định cư	175	45	14	120	0	0	0	0	0	1
Tổng	**4414,2**	**1435**	**603**	**1067**	**251**	**2830**	**913**	**185**	**22**	**58**

2.4. Ảnh hưởng cây cối và hoa màu

18. Theo kết quả kiểm kê sơ bộ, có 12.686 cây ăn quả các loại (sấu, nhãn, bưởi, chuối...); 11.385 cây lấy gỗ, tre các loại, ngoài ra có khoảng 96.412 m^2 hoa màu (lúa, ngô và rau) bị ảnh hưởng bởi dự án. Dưới đây là bảng tổng hợp khối lượng cây cối và hoa màu BAH bởi Tiểu dự án:

Bảng 5: Ảnh hưởng cây cối, hoa màu

TT	Hạng mục	Ảnh hưởng về cây cối, hoa màu			
		Cây ăn quả (cây)	Cây lấy gỗ (Cây)	Cây loại khác	Hoa màu (m^2)
1	*Giảm thiểu ngập lụt và an toàn đô thị (Kè hồ Nam Cường, Kè suối Cầu Dài, Kè suối Hào Gia)*	17.648	17.648	17.648	17.648
2	*Cải thiện giao thông đô thị, tăng cường kết nối (Đường Điện Biên đến đường nối cầu Bách Lẫm đến cầu Văn Phú; Đường nối đường NTT đến Âu Cơ; đường nối Cầu Bách Lẫm đến cầu Văn Phú)*	5.931	7.600	2.324	55.274
3	*Tái định cư*	3.294	1.616	1.874	23.490
	Tổng	**12.686**	**11.385**	**5.827**	**96.412**

2.5. Ảnh hưởng đến tài sản công cộng

19. Dự án cũng sẽ ảnh hưởng đến các công trình công cộng như vỉa hè, cột điện (283 cột), dây điện (14.869m), cây xanh. Khi khảo sát TĐC, không có công trình văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo nào bị ảnh hưởng

2.6. Ảnh hưởng tạm thời

20. Không có diện tích bị ảnh hưởng tạm thời, các diện tích đều nằm trong phạm vi thu hồi các hạng mục của công trình dự án.

2.7. Các biện pháp giảm thiểu tác động

21. Để đảm bảo giảm thiểu và/hoặc hạn chế tối đa tái định cư bắt buộc, khi lựa chọn hạng mục công trình cho Hợp phần 1 những nguyên tắc chính sau đây đã được thống nhất với NHTG và các tỉnh tham gia dự án: (i) hạng mục công trình đề xuất được xây dựng trên đất hiện có hoặc đất công; (ii) giảm thiểu tối đa thu hồi đất và tái định cư bằng cách áp dụng các biện pháp thiết kế thay thế; (iii) trong trường hợp không thể tránh được thu hồi đất, cần lập Kế hoạch hành động tái định cư theo Chính sách OP4.12 của NHTG liên quan đến tái định cư bắt buộc để đảm bảo tài sản và hộ bị ảnh hưởng được tích hợp trong Kế hoạch hành động tái định cư và được bồi thường theo giá thay thế cũng như được hỗ trợ phục hồi sinh kế và mức sống ít nhất bằng mức trước khi có dự án. Theo đó, trong giai đoạn nghiêm cứu khả thi, các tiêu chí sau đã được áp dụng để lựa chọn hạng mục công trình nhằm giảm thiểu những tác động tái định cư không mong muốn:

- ✓ Tránh các khu vực dân cư đông, các khu du lịch, di tích lịch sử văn hóa(nghĩa địa, nhà thờ, đình chùa, miếu): Ban quản lý dự án đã phối hợp chặt chẽ với tư vấn thiết kế và chính quyền địa phương để đưa ra phương án cải tạo hồ Nam Cường mà không ảnh hưởng đến đình, đền, chùa.
- ✓ Kết hợp thuận tiện với hệ thống giao thông địa phương hiện có: Các hạng mục đường được đề xuất sẽ góp phần kết nối hai bên tả hữu song hồng, tăng tính kết nối và thuận

tiện trong giao thông . Đường nối từ đường Điện Biên đến đường Cầu Bách Lẫm đến cầu Văn Phú sẽ kết nối trung tâm chính trị và hành chính với đường nối từ NR37 và đường cao tốc Nội Bài-Lào Cai, nối với đường ven sông bên trái sông Hồng và hình thành một hành lang kinh tế ven sông của thành phố Yên Bái. Con đường từ cầu Bách Lẫm đến cầu Văn Phú, cùng với đường đi bộ của thành phố Yên Bái, được xây dựng để tạo thành một tuyến đường bảo vệ thành phố trong mùa lũ. Con đường từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Âu Cơ sẽ đóng vai trò là con đường huyết mạch nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai với trung tâm thành phố Yên Bái và các khu vực lân cận.

- ✓ Hài hòa với quy hoạch hiện hữu và quy hoạch đang triển khai: Các hạng mục được đề xuất được thiết kế dựa trên quy hoạch tổng thể của thành phố Yên Bái cụ thể: Quyết định số 1154 / QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2012 về việc điều chỉnh kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Yên Bái đến năm 2020; Quyết định số 2598/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt kế hoạch xây dựng tỉnh Yên Bái đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt kế hoạch xây dựng thành phố Yên Bái và các khu vực lân cận
- ✓ Sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình nghiên cứu thay thế và lựa chọn: Ban quản lý dự án phối hợp cùng đơn vị tư vấn chính quyền địa phương tham gia vào các hoạt động của giai đoạn chuẩn bị dự án như khảo sát sơ bộ thiệt hại, khảo sát kinh tế xã hội. Ngoài ra, BQL đã tham khảo ý kiến của các chuyên gia liên quan như Trung tâm phát triển quỹ đất, Văn phòng quản lý đất đai, Sở Xây dựng, v.v. về khung chính sách áp dụng cho tiểu dự án

22. Trong giai đoạn thực hiện dự án, các biện pháp dưới đây cần được áp dụng để giảm thiểu các tác động tiêu cực tới người dân địa phương:

- ✓ Thông báo cho người bị ảnh hưởng ít nhất 90 đến 180 ngày trước khi thu hồi đất nông nghiệp, đất ở;
- ✓ Bồi thường và hỗ trợ đầy đủ cho người bị ảnh hưởng trước khi thu hồi đất;
- ✓ Xây dựng và triển khai các biện pháp phục hồi sinh kế cho các hộ bị ảnh hưởng nặng để đảm bảo người bị ảnh hưởng có thể phục hồi hoặc cải thiện thu nhập và sinh kế so với mức trước khi thực hiện dự án;
- ✓ Xây dựng các khu tái định cư tại các phường/xã dự án cho các hộ phải di dời để đảm bảo họ có thể duy trì sinh kế và ràng buộc xã hội và hưởng lợi ích từ dự án.
- ✓ Áp dụng cơ chế giải quyết khiếu nại để giải quyết khiếu nại của người bị ảnh hưởng một cách kịp thời và thỏa đáng.

PHẦN 3: MỤC TIÊU CỦA KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TÁI ĐỊNH CƯ

23. Kế hoạch hành động tái định cư được chuẩn bị cho tiểu dự án Yên Bái dựa trên Chính sách hoạt động của Ngân hàng Thế giới (OP 4.12) về tái định cư không tự nguyện và luật pháp và các quy định của Chính phủ Việt Nam về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đai và các quy định / quyết định của tỉnh Yên Bái về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định .. KHTĐC này đảm bảo tiểu dự án có thể (i) tránh Tái định cư không tự nguyện; (ii) giảm thiểu Tái định cư không tự nguyện bằng các giải pháp thiết kế; (iii) cải thiện tốt hơn hoặc ít nhất khôi phục điều kiện sống của người dân ngang bằng như trước khi có dự án; và (iv) cải thiện điều kiện sống cho người nghèo và các nhóm hộ dễ bị tổn thương.

24. Dựa trên các nguyên tắc này mục tiêu chính của KHTĐC gồm:

- Đảm bảo xác định đúng và đầy đủ, chính xác các ảnh hưởng, thiệt hại về đất đai, nhà cửa, công trình và các tài sản khác của tất cả các cá nhân và tổ chức bị ảnh hưởng.
- Đảm bảo chuẩn bị đầy đủ khu tái định cư cho các hộ gia đình di dời.
- Thực hiện các chương trình hỗ trợ nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất những khó khăn cho các hộ gia đình trong và sau khi di dời, đảm bảo mục tiêu cuộc sống của các hộ gia đình sau khi di dời phải được "tốt hơn hoặc ít nhất là bằng" so với trước khi thực hiện dự án.
- Đảm bảo nguồn kinh phí đầy đủ và kịp thời để thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ cho những người bị ảnh hưởng.
- Đảm bảo thu hồi đất và bàn giao mặt bằng để triển khai thi công công trình đúng thời gian và tiến độ chung của toàn dự án. Thúc đẩy sự tham gia của những người và cộng đồng bị ảnh hưởng trong việc chuẩn bị, thực hiện và giám sát kế hoạch hành động tái định cư.
- Thiết lập cơ chế giải quyết khiếu nại để đảm bảo mọi khiếu nại của người bị ảnh hưởng sẽ được giải quyết kịp thời, thỏa đáng và minh bạch .
- Thiết lập cơ chế tham vấn, tham gia và giám sát những người bị ảnh hưởng.

25. Kế hoạch TĐC này xây dựng dựa trên thiết kế cơ bản của Tiểu dự án. Kết quả tổng hợp của Kế hoạch TĐC được đưa vào Nghiên cứu khả thi để đảm bảo phân bổ nguồn vốn của Chính phủ cho việc thực hiện dự án. Kế hoạch TĐC này sẽ tiếp tục được cập nhật sau khi hoàn thành thiết kế chi tiết, kiểm đếm chi tiết thiệt hại và điều tra giá thay thế (nếu cần). Kế hoạch tái định cư được cập nhật sẽ được cơ quan thẩm quyền phía Việt Nam và Ngân hàng Thế giới rà soát, và được công khai lại tại Ngân hàng Thế giới và địa phương bằng tiếng Việt.

PHẦN 4: THÔNG TIN KINH TẾ-XÃ HỘI KHU VỰC DỰ ÁN

4.1. Mục tiêu và phương pháp khảo sát KT-XH

26. Mục tiêu của khảo sát KT – XH hộ BAH khu vực dự án nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu dự án phục vụ phân tích xây dựng chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xây dựng chương trình phục hồi thu nhập nhằm giúp các hộ BAH nặng và di dời sớm phục hồi cuộc sống ít nhất bằng như cũ hoặc tốt hơn trước khi chưa có dự án. Thông tin KT –XH đồng thời là cơ sở dữ liệu cho công tác giám sát đánh giá mục tiêu dự án và mục tiêu chương trình TĐC của dự án.

27. Đánh giá tác động xã hội (SIA) được tiến hành tại các xã /phường khu vực dự án. SIA bao gồm điều tra dân số và kiểm đếm thiệt hại (IOL) đối với các hộ bị ảnh hưởng và khảo sát kinh tế - xã hội (SES) của các bên liên quan trong khu vực dự án. Thêm vào đó, một nghiên cứu nhanh về chi phí thay thế cũng được thực hiện.

28. Điều tra kinh tế - xã hội (SES): Được thực hiện thông qua thu thập thông tin kinh tế - xã hội của các hộ bị ảnh hưởng (bao gồm: nhân khẩu học, thu nhập và đời sống, thành phần dân tộc, trình độ học vấn, khả năng tiếp cận các dịch vụ cơ sở hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ xã hội của người dân khu vực dự án và các mỗi quan tâm của họ) thông qua phỏng vấn trực tiếp bằng bảng hỏi. Thời gian thực hiện khảo sát từ tháng 4 đến tháng 8 năm 2017. Đối tượng khảo sát bao gồm: (i) 100% các hộ ảnh hưởng nặng do bị thu hồi đất nông nghiệp và bị di dời, 15% các hộ BAH nhẹ. Tổng cỡ mẫu khảo sát và phân tích là 732 hộ, số phiếu thu được là 570 phiếu. Trong đó: 305 người trả lời là nam giới, 265 người trả lời là nữa giới.

29. Ngoài ra, tư vấn cũng thực hiện nghiên cứu tài liệu liên quan như Niên giám thống kê, các báo cáo kinh tế-xã hội hằng năm của tỉnh, thành phố và các phường nhằm tìm kiếm những thông tin cơ bản của địa bàn dự án.

30. Các phương pháp định tính cũng được áp dụng triển khai trên địa bàn tiểu dự án với những nhóm đối tượng sau:

Phương pháp	Số lượng
Thảo luận nhóm	3
Phỏng vấn sâu	
- Chủ tịch/phó Chủ tịch/ Bí thư	12
- Tổ trưởng/ trưởng thôn	14
- Đại diện hội phụ nữ	7
- Đại diện hội Nông dân	3
- Đại diện Mặt trận tổ quốc	12
- Hộ tái định cư	18
- Đại diện BQLDA	4

4.2. Điều kiện kinh tế-xã hội thành phố Yên Bái

4.2.1. Điều kiện văn hóa-xã hội

Dân Số

31. Dân số thành phố Yên Bái tăng đều qua các năm và duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ năm 2012 đến năm 2017 ở mức ổn định. Dân số năm 2017 là 102.425 tăng khoảng hơn 6081 người so với năm 2012.

Năm	Dân số
2012	96.344
2013	97.907
2014	8.774
2015	99.844
2016	101.059
2017	102.425

Bảng 6: Dân số của thành phố Yên Bái

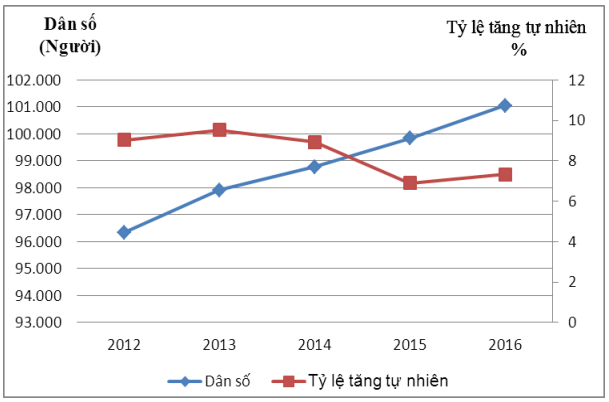

Hình 2: Diễn biến dân số thành phố Yên Bái

Nguồn: Niên giám thống kê Yên Bái 2016;2017

32. Đánh giá: Dân số thành phố Yên Bái liên tục tăng trong những năm gần đây trong khi tỷ lệ tăng tự nhiên giảm nguyên nhân chủ yếu là do tỉnh và thành phố đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, tăng cường đầu tư phát triển các khu, cụm công nghiệp; nhiều dự án thương mại, công nghiệp được đầu tư triển khai, nhiều nhà máy, dự án bắt đầu đi vào hoạt động vì vậy thu hút lao động ở các địa phương khác đến sinh sống và làm việc, xét ở một khí cạnh nào đó việc di cư đã tạo ra những tác động tích cực như: bổ sung nguồn lao động cho thành phố, góp phần tạo nên sự đa dạng văn hóa trong dân cư thành thị, góp phần tạo nên sự năng động trong nền

kinh tế….. Tuy nhiên việc di cư đã và đang gây sức ép lên cơ sở hạ tầng, y tế, giáo dục …..Do đó, Một hệ thống cơ sở hạ tầng phù hợp với yêu cầu bền vững và khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu là một yêu cầu tiên quyết để nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và tăng trưởng bền vững của thành phố nói riêng và toàn tỉnh Yên Bái nói chung.

Tỷ lệ nghèo:

33. **Tỷ lệ nghèo**Tỷ lệ nghèo của thành phố đã giảm dần qua các năm và thấp hơn tỷ lệ nghèo của toán tỉnh khá nhiều. Tính đến cuối năm 2016, tỷ lệ hộ nghèo của thành phố là 4,2%. Trong 7 phường/xã dự án, chỉ có 3 phường là có tỷ lệ nghèo thấp hơn tỷ lệ nghèo của thành phố còn lại đều là trên 4,2%; xã Văn Phú có tỷ lệ hộ nghèo là 12,7%.

Bảng 7:Tình trạng nghèo của thành phố Yên Bái

TT	Đơn vị	Tổng số hộ nghèo	Tỷ lệ (%)
1	Phường Yên Thịnh *	101	4,2
2	Phường Yên Ninh *	64	1,9
3	Phường Minh Tân *	56	2,1
4	Phường Nguyễn Thái Học	70	1,9
5	Phường Đồng Tâm *	40	1,2
6	Phường Nguyễn Phúc	43	1,9
7	Phường Hồng Hà	32	1,3
8	Phường Nam Cường *	66	6,8
9	Phường Hợp Minh	69	5,8
11	Xã Minh Bảo	75	7,7
12	Xã Tuy Lộc	106	8,3
13	Xã Tân Thịnh*	86	10,0
14	Xã Âu Lâu	102	7,7
15	Xã Giới phiên	63	11,0
16	Xã Văn Tiến	118	13,7
17	Xã Phúc Lộc	52	10,7
18	Xã Văn Phú *	69	12,7

(*): Phường/xã có hạng mục đầu tư của dự án

(Nguồn: Niên giám thống kê thành phố Yên Bái năm 2016)

4.2.2. Điều kiện kinh tế

34. Cơ cấu kinh tế thành phố Yên Bái chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp và giảm dần ngành nông nghiệp. Theo số liệu thống kê, năm 2016, ngành nông nghiệp chiếm 4,4%, công nghiệp và xây dựng chiếm 43,4% và ngành dịch vụ chiếm 52,2%. Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong giai đoạn 2012-2016 được thể hiện trong biểu đồ sau:

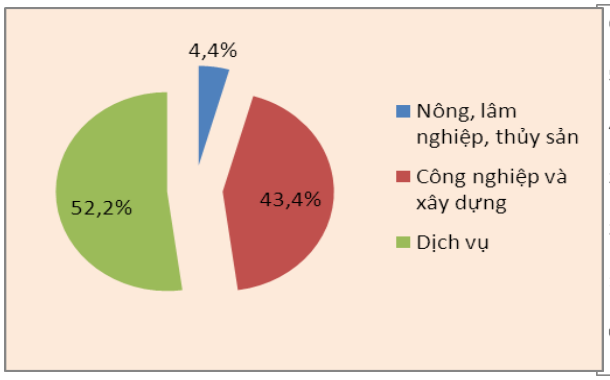

Hình 3: Cơ cấu kinh tế thành phố Yên Bái năm 2016

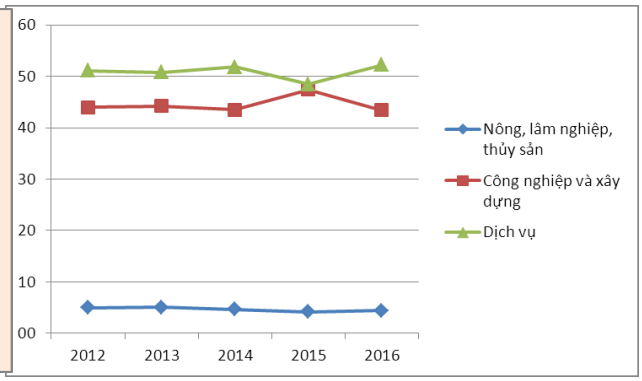

Hình 4: Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế giai đoạn 2012 – 2016

(Nguồn: Niên giám thống kê thành phố Yên Bái năm 2016)

35. Như vậy, xu hướng cơ cấu kinh tế của thành phố đang đi đúng định hướng nhưng tình hình tăng trưởng kinh tế của thành phố có xu hướng chững lại. Cần thiết phải có những nỗ lực thúc đẩy để tiệm cận mục tiêu về phát triển ngành du lịch, công nghiệp và xây dựng, trong đó có các nỗ lực về cải thiện cơ sở hạ tầng để giúp phát huy tiềm năng của thành phố.

36. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Yên Bái không có nhiều tiềm năng về khoáng sản, nguồn nguyên liệu để chế biến, nhưng thành phố lại là trung tâm, có hạ tầng giao thông, khu công nghiệp (KCN), nguồn lao động lớn… nên đặc biệt thuận lợi cho việc thu hút các dự án đầu tư sản xuất, chế biến mà nguyên liệu lại từ chính những địa phương giàu tiềm năng như Yên Bình, Trấn Yên. Do vậy, việc dành nguồn lực mở rộng các KCN, đầu tư hạ tầng kỹ thuật sẽ góp phần thúc đẩy thành phố Yên Bái phát triển.

37. Năm 2016, Giá trị sản xuất Công nghiệp-Tiểu thủ công nghiệp (giá so sánh năm 2010) trên địa bàn đạt 2.761,3 tỷ đồng, phần thành phố quản lý dự kiến đạt 1661 tỷ đồng = 100,7%KH. Giá trị sản xuất ngành xây dựng trên địa bàn (giá so sánh 2010) đạt 1.230 tỷ đồng; tăng 7% so với năm 2015, = 100%KH.

38. Thương mại, dịch vụ: Trong năm 2016, Tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 6850 tỷ đồng = 95%KH. Giá trị xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn ước đạt 23 triệu USD = 85%KH; phần thành phố quản lý ước đạt 12 triệu USD = 120%KH. Thu ngân sách ước đạt 420 tỷ đồng đạt 100%KH.

39. Du lịch: Hiện nay, Yên Bái có 54 cơ sở lưu trú, 4 công ty du lịch và hàng chục đại lý, văn phòng đại diện công ty du lịch. Những năm qua cả triệu lượt du khách đã về với Yên Bái để tham quan các công trình văn hóa tâm linh, vãn cảnh các danh thắng và dự lễ hội Du lịch về nguồn. doanh thu dịch vụ lưu trú và du lịch lữ hành trong năm 2016 đạt 750 tỷ, giá trị xuất khẩu hàng hóa ước đạt 750 tỷ đồng = 107%KH.

40. Về sản xuất nông - lâm nghiệp: Giá trị sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản năm 2016 đạt 423 tỷ đồng (giá so sánh 2010), tăng 6,3% so với thực hiện năm 2015, đạt 100%KH. Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn (giá so sánh 2010) đạt 2820 tỷ đồng, = 94%KH. Phần thành phố quản lý đạt 1.661 tỷ đồng, =100,6%KH. Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2016 đạt 78 triệu đồng= 93,97%KH.

41. Về Lao Động: Trong năm 2016 thành phố đã giải quyết việc làm mới và ổn định việc làm cho 3.196 lao động, đạt 101% kế hoạch; Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70,9%; tỷ lệ lao

động qua đào tạo nghề đạt 35,3%; tỷ lệ công nhân kỹ thuật có bằng nghề đạt 51,2%; đạt 100%KH.

Bảng 8: Tỉ lệ lao động qua các năm của thành phố Yên Bái

Thời gian	Dân số (người)	Lao động (người)	Tỷ lệ lao động (%)
Năm 2012	96.344	48.005	49,8
Năm 2013	97.907	48.697	49,7
Năm 2014	98.774	49.650	50,3
Năm 2015	99.844	51.235	51,3
Năm 2016	101.059	52.543	52,0

Nguồn: Niên giám thống kê thành phố Yên Bái năm 2016

42. Như trên đã đề cập, năng suất lao động, số lượng lao động là các yếu tố quan trọng cấu thành GDP. Tuy nhiên, theo số liệu thống kê, số lao động việc làm ổn định được tạo ra hằng năm còn quá ít so với nhu cầu. Tỷ lệ có việc làm thường xuyên còn có xu hướng giảm xuống qua các năm. Năm 2016, thành phố đã tạo giải quyết việc làm cho khoảng 4,9% số lao động. Tỷ lệ thất nghiệp của thành phố hiện vào khoảng 19,6%. Bảng dưới đây thể hiện số liệu thống kê qua các năm về vấn đề lao động-việc làm trong 5 năm từ 2011-2016 của thành phố.

Bảng 9: Tỉ lệ giải quyết việc làm, tỉ lệ thất nghiệp thành phố Yên Bái

Năm	Giải quyết việc làm hằng năm (người)	Số lao động từ 15 tuổi trở lên	Lao động đang làm việc	Tỷ lệ thất nghiệp
2011	2.473	59.794	47.417	20,7
2012	2.921	60.098	48.005	20,1
2013	3.172	60.956	48.697	20,1
2014	2.915	61.715	49.650	19,5
2015	3.115	63.567	51.235	19,4
2016	3.196	65.349	52.543	19,6

Nguồn: Niên giám thống kê thành phố Yên Bái năm 2016

43. Các con số thống kê cho thấy, tỷ lệ lao động thất nghiệp vẫn còn và có xu hướng tăng lên qua các năm. Bên cạnh đó, năng lực tạo việc làm của chính quyền thành phố chưa có nhiều đột biến. Hiện chưa có số liệu thống kê về lao động trên 15 tuổi được đào tạo của riêng thành phố. Tuy nhiên, theo số liệu thống kê, lao động đô thị trên 15 tuổi đã qua đào tạo chiếm trên 50%. Điều này cho thấy, thành phố Yên Bái cần có chiến lược để tận dụng ưu thế của nguồn lao động trẻ, đặc biệt chú trọng công tác đào tạo nguồn lao động để tạo việc làm ổn định, bền vững.

4.3. Thông tin kinh tế-xã hội của hộ bị ảnh hưởng

4.3.1. Đặc điểm nhân khẩu học

44. Theo số liệu khảo sát từ 570 hộ gia đình bị ảnh hưởng trực tiếp (một phần hoặc toàn bộ), hộ tái định cư ở các hạng mục của dự án, trung bình mỗi hộ gia đình BAH trong khu vực dự án có 3,62 khẩu/hộ và số lao động chính trung bình của mỗi hộ là 2,4 người. Toàn bộ các hộ BAH đều là người Kinh, không có sự hiện diện của bất kỳ người dân tộc thiểu số nào nằm trong khu vực dự án.

4.3.2. Giáo dục

45. Theo số liệu khảo sát trong khu vực dự án cho thấy hầu hết các chủ hộ đều có trình độ học tương đối cao: 27%, chủ hộ tốt nghiệp THPT; 30,5% số chủ hộ tốt nghiệp THCS, số chủ hộ tốt nghiệp cao đẳng/đại học và trên đại học chiếm 12,6% và tỉ lệ mù chữ/không đi học là 9,6 %.

Bảng 10:Trình độ học vấn của chủ hộ

STT	Trình độ học vấn của Chủ hộ	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Mù chữ	55	9,6
2	Tốt nghiệp tiểu học	83	14,6
3	Tốt nghiệp THCS	174	30,5
4	Tốt nghiệp THPT	154	27,0
5	Cao đẳng/Đại học	72	12,6
6	Trên đại học	32	5,6
	Tổng	570	100

Nguồn: Khảo sát Kế hoạch Tái định cư, tháng 8/2017

4.3.3. Nghề nghiệp, việc làm

46. Theo kết quả điều tra, trong tổng số 570 hộ BAH được khảo sát có 206 chủ hộ (chiếm 36,1%) làm nghề nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi) ; 103 hộ bị ảnh hưởng (chiếm 18,1%) có chủ hộ làm cán bộ công chức nhà nước, ngoài ra còn có một số chủ hộ làm các ngành nghề khác như làm thuê, công nhân…và chỉ có 1% số chủ hộ được khảo sát là đang thất nghiệp, số hộ có chủ hộ làm nghề kinh doanh, buôn bán là 126 hộ (chiếm 22,1%);

47. Nói chung, nghề nghiệp của các chủ hộ gia đình cũng có sự phân hoá rất khác nhau theo từng hạng mục của dự án. Ở các hạng mục như Xây dựng đường nối từ cầu Bách Lẫm đến cầu Văn phú và đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến nút giao đường Âu Cơ thì nghề nghiệp chủ yếu của các hộ BAH là làm nông nghiệp, còn ở các tuyến kè suối và đường nối từ đường Điện Biên đến đường nối cầu Bách Lẫm đến cầu Văn Phú, nhiều hộ gia đình do nằm ở vị trí mặt đường nên rất thuận lợi cho việc kinh doanh, buôn bán; do vậy, các hộ chủ yếu làm nghề kinh doanh buôn bán.

4.3.4. Thu nhập và chi tiêu của hộ gia đình

Thu Nhập:

48. Theo kết quả khảo sát kinh tế xã hội các hộ gia đình bị ảnh hưởng, mức thu nhập của các hộ dân bị ảnh hưởng chủ yếu nằm ở nhóm có thu nhập từ 1,3 – 2 triệu đồng/người/tháng (chiếm 59,3%). Tiếp đó là tỷ lệ hộ có mức thu nhập trên 2 triệu đồng/người/tháng (chiếm 25,8%); tỷ lệ các hộ có mức thu nhập dưới 1,3 triệu/người/tháng chiếm 14,9%, đây chính là những hộ nghèo, hỗ cận nghèo, hộ người già neo đơn…

49. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, mức thu nhập trung bình của các hộ dân bị ảnh hưởng trong khu vực dự án khoảng 52,1 triệu đồng/hộ/năm, theo quy mô hộ gia đình trung bình 3,62 người/hộ thì trung bình mỗi khẩu sẽ có thu nhập khoảng 1.200.000 đồng/tháng trở lên.

Chi tiêu:

50. Theo kết quả điều tra, mức chi tiêu của các hộ dân tập trung cao nhất ở mức từ 40 - 60 triệu đồng/hộ/năm (chiếm tỷ lệ 49,5%); tiếp theo đến mức chi tiêu trên 60 triệu đồng/hộ/năm (chiếm tỷ lệ 26,4%); từ 20 – 40 triệu đồng/hộ/năm chiếm 19,8%, chỉ có 4,4% số hộ có mức

chi tiêu dưới 20 triệu/đồng/hộ/năm.Với mức thu nhập và chi tiêu như vậy, phần lớn các hộ được khảo sát cho biết họ không có có tiền để dành tích lũy.

4.3.5. Tình trạng vệ sinh, sức khỏe cộng đồng và dịch vụ y tế

51. Nguồn nước: Trong khu vực dự án không còn trường hợp sử dụng nước ao, sông hồ cho sinh hoạt và ăn uống. Có 3 nguồn nước chính các hộ dân đang sử dụng là nước máy (chiếm 41,3%), nước giếng đào (chiếm 8,5%); nước giếng khoan (chiếm 27,8%) và nước mưa (chiếm 22,4%).

52. Vệ sinh: 100% hộ gia đình đã có nhà vệ sinh đảm bảo vệ sinh. Đa số các hộ dân đã sử dụng nhà vệ sinh tự hoại trong gia đình, chiếm khoảng 67,6%; số hộ sử dụng nhà vệ sinh hai ngăn chiếm 33,4%. Không có trường hợp sử dụng nhà vệ sinh công cộng hoặc không có nhà vệ sinh.

53. Năng lượng: Theo kết quả tham vấn, 100% hộ được khảo sát sử dụng lưới điện nhà nước với công tơ riêng, tiền điện trung bình tiêu thụ của một hộ gia đình khoảng 212.000 đồng/hộ/tháng.

4.3.6. Tình trạng sở hữu tài sản của các hộ bị ảnh hưởng

54. Phương tiện sinh hoạt: Có thể thấy xe đạp, xe máy, ti vi màu, điện thoại ...là phương tiện mang tính phổ biến, chính vì vậy có tới 75,4% số hộ sở hữu xe máy; 96,5% số hộ sở hữu ti vi màu; tủ lạnh 69,3%... Tình trạng sở hữu đồ dùng của các hộ gia đình được thể hiện chi tiết trong bảng dưới đây:

Bảng 11:Phương tiện sinh hoạt của hộ gia đình

STT	Tiện nghi sinh hoạt	Số hộ	Tỷ lệ (%)
1	Bàn ghế gỗ cao cấp	257	45,1
2	Xe máy	430	75,4
3	Xe đạp	382	67,0
4	Đài	12	2,1
5	Tivi màu	550	96,5
6	Tủ lạnh	395	69,3
7	Máy giặt	358	62,8
8	Điện thoại	479	84,0
9	Điều hòa	315	55,3
10	Ô tô	114	20,0

Nguồn: Khảo sát Kế hoạch Tái định cư, tháng 8/2017

4.3.7. Tình trạng vay và sử dụng vốn vay

55. Có 26% các hộ hiện đang còn ít nhất 1 khoản vay ngân hàng hoặc người thân. Mức trung bình các khoản vay là 1,3 triệu đồng. Mức vay cao nhất là 500 triệu đồng và mức vay thấp nhất là 200 ngàn đồng. Mục đích vay của các hộ gia đình là 37,1% để sửa chữa nhà cửa. 25,7% là chi cho mục đích học tập của con cái, 20% vay để chữa bệnh, ngoài ra còn có các mục đích khác như mua sắm tài sản, đồ dùng trong gia đình và chi tiêu hàng ngày.

4.3.8. Sự tham gia vào các mạng lưới xã hội ở địa phương

56. Theo như tìm hiểu của nhóm tư vấn tại khu vực dự án các tổ chức chính trị - xã hội như: Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Hội người cao tuổi, Hội nông dân tập thể là những hội có lực lượng hội viên đông đảo và cơ cấu đến từng tổ dân phố/thôn.

57. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết các hộ đều tham gia vào các tổ chức chính trị - xã hội này: có 48,7% số hộ tham gia vào Đoàn thanh niên; Hội nông dân tập thể là hội thu hút

đông đảo hội viên tham gia nhất với 67,3% số hộ tham gia và; Hội phụ nữ là nhóm hộ dành riêng cho nữ giới với 61,3% số hộ tham gia; Hội cựu chiến binh với 19,3% số hộ tham gia và 24% số hộ tham gia vào hội người cao tuổi.

4.4. Tình trạng sử dụng đất của các hộ bị ảnh hưởng

58. Trong 7 phường/xã thuộc dự án, xác định, xác định hiệu lực giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện tại xã BAH cho thấy tại thời điểm kiểm đếm sơ bộ tất cả các hộ gia đình BAH đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4.5. Vấn đề về giới

59. Các khía cạnh Giới được đề cập trong báo cáo này bao gồm thực tế phân công lao động trong gia đình, tham gia các hoạt động cộng đồng và ra quyết định chung.

- Phân công lao động:
    - 71,2% trả lời phụ nữ là người nội trợ chính và làm các công việc nhà như quét dọn, chăm sóc con cái và người già.
    - Đối với các hoạt động đem lại thu nhập tại khu vực dự án phụ nữ thường làm nông nghiệp ngoài ra nữ giới thích hợp với các công việc buôn bán, dịch vụ nhỏ (bán tạp hóa, buôn bán ngoài chợ, hay các dịch vụ làm tóc…) 69,7% người làm công việc này là phụ nữ. Nam giới chủ yếu đi làm thuê (xây dựng, khuôn vác hay xuất khẩu lao động…) Nữ giới đóng góp khoảng 30% tổng thu nhập của hộ gia đình. Những phân tích này cho thấy cơ hội việc làm và khả năng thích nghi với sự thay đổi nghề nghiệp là một trở ngại đối với phụ nữ trong khu vực. Trong trường hợp phải tái định cư, chuyển chỗ ở, phụ nữ là đối tượng bị ảnh hưởng nhiều hơn so với nam giới, đặc biệt là những người phụ nữ trung niên sống đơn thân.
- Tham gia các cuộc họp cộng đồng:
    - Khảo sát về việc tham gia các hoạt động cộng đồng, tham gia các tổ chức tại địa phương cho thấy không có sự khác biệt nhiều về giới. 69,4% người trả lời phỏng vấn nói rằng cả hai giới đều tham gia các cuộc họp cộng đồng lẫn địa phương.
- Ra quyết định các vấn đề trong gia đình:
    - Đối với các quyết định trong gia đình, kết quả cho thấy chủ yếu trong các gia đình cả nam-nữ tham gia bàn bạc và cùng đưa ra quyết định. Tỷ lệ này đối với công việc mua sắm, cho con cái đi học lần lượt là 46% và 69,3%. Đối với các quyết định về chuyển đổi nghề nghiệp, vay vốn làm ăn và đứng tên quyền sở hữu nhà đất và các tài sản khác thì nam giới thường là người đóng vai trò trụ cột và quyết định chính trong gia đình.
- Ảnh hưởng của dự án đến giới
    - Các hạng mục của tiểu dự án được triển khai sẽ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng dân cư (cải thiện vệ sinh môi trường, giao thông đi lại thuận tiện, hạn chế ngập úng...), khía cạnh này ảnh hưởng đến nam giới và nữ giới là như nhau.
    - Hệ thống đường giao thông sau khi đưa vào sử dụng sẽ thuận lợi trong công việc buôn bán, trao đổi hàng hóa. Đây là một công việc lý tưởng cho những người phụ nữ muốn dành nhiều thời gian cho gia đình. Họ sẽ không cần di chuyển xa mà vẫn có thể kiếm tiền và chăm sóc con cái, đồng thời tạo cơ hội để nâng cao vị thế của người phụ nữ và tăng cường sự tham gia của họ vào các hoạt động cộng đồng.
    - Tiểu dự án cũng sẽ ảnh hưởng đến vấn đề giới đối với hộ tái định cư, những hộ phải chuyển đổi đổi việc làm. Người phụ nữ bị chi phối bởi các gánh nặng

công việc gia đình, ít có cơ hội được học tập, tiếp cận thông tin mới (có 268 phụ nữ sẽ phải tái định cư). Do đó, khi phải chuyển đổi việc làm sẽ có những rào cản, khó khăn, đặc biệt là những hộ gia đình ở xã Văn Phú và Tân Thịnh (nghề nhiệp chủ yếu là nông nghiệp). Chính sách hộ trợ đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm cần phải được triển khai để giảm thiểu những tác động bất lợi đến cộng đồng.

- Các hạng mục của tiểu dự án khi đi vào thi công sẽ tạo việc làm cho người lao động địa phương. Tuy nhiên, việc tập trung số lượng lớn công nhân viên là nam giới thi công kè, đường, khu tái định cư, có thể gây nên những xáo trộn về mặt xã hội, ảnh hưởng đến chị em phụ nữ và gia đình của họ tại địa phương trong giai đoạn thi công. Điều này được đề cập đến như một trong những vấn nạn chưa thể giải quyết được trong các dự án trước đây, những hậu quả của nó mang lại đối với người phụ nữ sau khi các công trình tại địa phương được hoàn thành. Họ sinh ra những đứa con trong thời gian thi công các công trình và suốt đời chờ đợi người chồng tương lai của mình sẽ quay về và tổ chức đám cưới, nhận và đoàn tụ với con cái. Thêm vào đó, là sự phát sinh và lan truyền các bệnh truyền nhiễm, bệnh xã hội như HIV/AIDS, giang mai... mặc dù khu vực thi công trước đó, khảo sát không ghi nhận những bệnh xã hội trong địa bàn. Mức độ tác động được đánh giá là thấp đến trung bình và sẽ ảnh hưởng lâu dài đến tinh thần, tâm lý, môi trường lớn lên và tính cách của thế hệ tiếp theo. Những biện pháp và những hành động sớm cần được thực hiện để ngăn chặn, chấm dứt những hậu quả này, đảm bảo an toàn xã hội và hạnh phúc cho thế hệ mai sau. Đặc biệt là khu vực các xã xung quanh Thành phố Yên Bái như Văn Phú, Tân Thịnh...Để giảm thiểu các tác động không tốt đến phụ nữ trong quá trình thực hiện dự án, Chủ đầu tư và chính quyền địa phương cần mở các khóa đào tạo cho phụ nữ về các biện pháp phòng tránh thai cũng như ngăn ngừa các căn bệnh xã hội và giám sát rủi ro của các dòng lao động.
- Bên cạnh đó, cũng cần xem xét đến việc sử dụng lao động là nữ trong quá trình thi công. Do khu vực có sẵn nguồn nhân công nhàn rỗi này và họ thường được trả mức lương thấp, công việc kéo dài trong ngày và được cư xử không đúng mực, bị lạm dụng sức lao động. Mức độ tác động được xem là thấp trong thời gian ngắn. Tuy vậy, các biện pháp như nghiêm cấm sử dụng lao động trẻ em và trả lương công bằng giữa nam và nữ là các biện pháp cần thiết để ngăn chặn các nguy cơ trên. Điều này cũng cần được Chủ đầu tư cân nhắc và đưa vào như một điều kiện bắt buộc trong hồ sơ mời thầu.

PHẦN 5: KHUNG CHÍNH SÁCH TÁI ĐỊNH CƯ

60. Khung chính sách pháp lý để giải quyết các tác động tái định cư của dự án được lập dựa trên những chính sách và quy định liên quan của pháp luật Việt Nam và chính sách tái định cư không tự nguyện (OP4.12) của Ngân hàng Thế giới. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa chính sách của Việt Nam và chính sách của NHTG thì chính sách của NHTG được áp dụng cho dự án.

5.1. Chính sách Tái định cư không tự nguyện OP4.12 của NHTG.

a. Mục tiêu của chính sách OP4.12

61. Mục tiêu của chính sách tái định cư bắt buộc của Ngân hàng Thế giới bao gồm:

- Tái định cư bắt buộc cần được tránh hoặc được giảm đến mức tối thiểu thông qua việc tìm nhiều phương án thiết kế thay thế;
- Trong trường hợp tái định cư bắt buộc là không thể tránh khỏi, các hoạt động tái định cư cần được quan niệm và thực hiện như những chương trình phát triển bền vững, cung cấp đầy đủ các nguồn lực để cho phép những người bị ảnh hưởng bởi dự án có phần hưởng lợi. Những người bị ảnh hưởng phải được tham vấn đầy đủ và được tham gia vào việc lập kế hoạch và thực hiện các chương trình tái định cư.
- Người bị ảnh hưởng của dự án cần được hỗ trợ cùng với nỗ lực của họ để cải thiện sinh kế và mức sống, hoặc ít nhất là khôi phục lại được mức sống theo đúng nghĩa bằng với mức sống trước khi có dự án hoặc bằng với mức sống phổ biến trước khi bắt đầu thực hiện dự án, tùy thuộc theo mức nào cao hơn.

a. Nguyên tắc thực hiện của chính sách OP4.12

Nguyên tắc thực hiện 4.12:

- Đảm bảo người bị di dời, các hộ BAH được: (i) được thông tin đầy đủ và miễn phí về tất cả các hoạt động của dự án, (ii) bất kể tình trạng pháp lý, các tài sản của các hộ BAH sẽ đều được đền bù, hỗ trợ, (iii) bồi thường theo giá thay thế, (iv) sinh kế của người/hộ BAH sẽ phải được khôi phục bằng hoặc tốt hơn trước khi có dự án, (v) có cơ chế khiếu nại, khiếu kiện độc lập.
- Sử dụng phương pháp tham gia trong quá trình thiết kế và thi công dự án nhằm đảm bảo phương án thiết kế, thi công đã tích hợp được nhu cầu của tất cả các nhóm dân cư, đặc biệt là nhóm yếu thế;

Các biện pháp cần thiết để đảm bảo cho việc tái định cư đạt kết quả tốt bao gồm:

- Tham vấn ý kiến những người BAH về các biện pháp khả thi đối với kế hoạch bồi thường và tái định cư;
- Người BAH được tham gia lập kế hoạch và lựa chọn các phương án;
- Đưa ra các phương án lựa chọn cho người BAH về tái định cư và phục hồi;
- Bồi thường đầy đủ theo giá trị thay thế cho các thiệt hại do dự án;
- Vị trí tái định cư cần có hạ tầng cơ sở và dịch vụ tối thiểu như nơi ở cũ;
- Cung cấp các khoản phụ cấp, hỗ trợ, đào tạo nghề và trợ giúp về thu nhập để giúp họ thực hiện di dời được thuận lợi;
- Xác định và có trợ giúp đặc biệt cho những nhóm người dễ bị tổn thương; và
- Thiết lập một cơ cấu thể chế và tổ chức để giúp cho quá trình thực hiện bồi thường, tái định cư thành công.

Xác định giá trị thiệt hại và bồi thường thiệt hại:

Phương pháp xác định giá trị thiệt hại đối với các dự án do Ngân hàng tài trợ là dựa trên Giá thay thế. Trong Dự án này, các thiệt hại bao gồm cả thiệt hại về đất, công trình xây dựng, tài sản khác và cây cối, hoa màu bị thiệt hại.

- Giá thay thế của đất bao gồm giá trị của đất được xác định theo giá thay thế cộng với hỗ trợ chi phí để nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Đối với nhà ở và các công trình xây dựng khác thì giá trị của nó được xác định theo giá thay thế vật liệu xây dựng, và chi phí nhân công để có thể xây dựng một ngôi nhà/công trình thay thế có diện tích và chất lượng ít nhất như trước khi bị ảnh hưởng. Không tính khấu hao tài sản và giá trị vật liệu mà hộ bị ảnh hưởng có thể tận dụng được.

5.2. Cơ sở pháp lý của Việt Nam về bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư

62. Cơ sở pháp lý của Việt Nam: Các quy định Luật pháp và Nghị định liên quan đến công tác thu hồi đất, bồi thường và tái định cư được áp dụng tại Việt Nam như Hiến pháp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, Luật Đất đai 2013 và các Nghị định, Thông tư, quy định liên quan. Văn bản pháp luật chính thức được áp dụng bao gồm:

- Hiến pháp năm 2013 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Luật nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 01/7/2015;
- Luật Đất đai năm 2013 (số 45/2013/QH13) có hiệu lực ngày 01/07/2014.
- Luật Đầu tư công năm 2014 (số 49/2014/QH13) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015.
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về thực hiện một số điều của Luật Đất đai số 45/2013/QH13.
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định thu phí sử dụng đất.
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định thu tiền thuê đất và thuê mặt nước.
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.
- Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công
- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật nhà ở;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Nghị định quy định chi tiết về thực hiện Luật Đất đai.
- Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/03/2016 và Thông tư số 12/2006/TT-BKHĐT ngày 08/08/2016 về quản lý và sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.
- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết hồ sơ giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.
- Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất
- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.
- Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 sửa đổi một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính cung cấp hướng dẫn cho thực hiện Nghị định số 45/2014 quy định/NĐ-CP về thu tiền sử dụng đất.

- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

63. Các Luật, Nghị định, và quy định khác liên quan, gồm:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 về các hoạt động xây dựng, quyền và nghĩa vụ của tổ chức và cá nhân đầu tư xây dựng công trình và các hoạt động xây dựng;
- Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 18/6/2012
- Luật trẻ em số 102/2016/QH13 có hiệu lực ngày 5/4/2016
- Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;
- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ về việc thực hiện Luật hôn nhân và gia đình, quy định rằng tất cả các giấy tờ đăng ký tài sản và quyền sử dụng đất phải đề tên của cả vợ và chồng;
- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 3 tháng 9 năm 2013 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ
- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/07/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và Quỹ quốc gia về việc làm.

64. Các Nghị định liên quan tới bảo vệ và bảo tồn tài sản văn hóa có trong Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/09/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa, theo đó yêu cầu các khu vực được công nhận là di tích văn hóa và lịch sử không xâm phạm hoặc làm tổn hại theo các quy định pháp lý hiện hành.

65. Văn bản liên quan đến cơ chế khiếu nại và giải quyết khiếu nại: Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011. Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại.

66. Ngoài ra còn có các quy định khác áp dụng cho dự án như:

- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 14/11/2017, hướng dẫn một số điều của nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Thông tư số 77/2014/TT-CP ngày 16/6/2014, hướng dẫn một số điều của nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Quyết định số 1956/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/11/2009 phê duyệt đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020".

- Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 về chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp;
- Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất ở thay thế.
- Văn bản số 1665/TTg-CN ngày 17/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ thực hiện quản lý công tác giải phóng mặt bằng và rà phá bom, mìn, vật nổ phục vụ các dự án xây dựng giao thông:
- Quyết định số 96/2006/QĐ-TTg ngày 4/5/2006 về việc quản lý và thực hiện công tác rà phá bom, mìn, vật nổ.

67. Các Quyết định UBND tỉnh Yên Bái về thu hồi đất và tái định cư bao gồm:

- Quyết định 26/2017/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 Ban hành quy định về việc bồi thường nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Yên Bái.
- Quyết định 39/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 Quy định bảng giá đất năm 2015 tại tỉnh Yên Bái.
- Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định bảng giá đất năm 2015 tại tỉnh Yên Bái ban hành kèm theo quyết định sô 39/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.
- Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh Yên Bái ban hành Quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh Yên Bái ban hành quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Yên Bái;
- Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh Yên Bái về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Yên Bái;
- Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Yên Bái về việc ban hành quy định về bồi thường đối với cây trồng; bộ đơn giá bồi thường đối với cây trồng khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Yên Bái
- Quyết định 17/2014/QĐ-UBND ngày 17/9/2014 của UBND tỉnh Yên Bái ban hành chi tiết một số điều, khoản của luật đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2013 và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất
- Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh Yên Bái sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của quy định chi tiết một số điều, khoản của luật đất đai ngày 19 tháng 11 năm 2013 và nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất ban hành kèm theo quyết định số 17/2014/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2014 của ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái

5.3. Những khác biệt giữa chính sách tái định cư của NHTG với chính sách của pháp luật Việt Nam và giải pháp áp dụng cho dự án.

68. Với việc ban hành Luật đất đai 2013 và các nghị định nói trên, các chính sách và thông lệ của luật pháp Việt Nam đã trở nên nhất quán hơn với Chính sách Tái định cư không tự nguyện (OP4.12) của NHTG. Tuy nhiên vẫn còn một số lỗ hổng đáng kể giữa chính sách

của luật pháp Việt Nam và chính sách của NHTG về Tái định cư. Bảng dưới đây đưa ra phân tích lỗ hổng về chính sách của NHTG (OP4.12) và chính sách của Việt Nam về tái định cư không tự nguyện và chính sách áp dụng cho dự án.

Bảng 12: Bảng so sánh những khác biệt giữa chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của pháp luật Việt Nam và Ngân hàng Thế giới áp dụng cho dự án này

Các vấn đề	WB	Việt Nam	Đề xuất áp dụng trong dự án
Mục tiêu chính sách	Người BAH cần được hỗ trợ để phục hồi hoặc cải thiện thu nhập và mức sống ít nhất như trước khi di dời, hoặc trước khi bắt đầu thực hiện dự án, nếu mức đó là cao hơn.	Luật pháp không đề cập đề cập cụ thể đến các mục tiêu của chính sách. Tuy nhiên có sự hỗ trợ của UBND tỉnh xem xét để đảm bảo họ có chỗ ởm ổn định cuộc sống và sản xuất (Điều 25 Nghị định 47)	Sinh kế và nguồn thu nhập được phục hồi thực tế ít nhất bằng hoặc cao hơn với mức trước khi chưa di dời hoặc mức trước khi bắt đầu dự án, nếu mức đó là cao hơn.
Hộ BAH nặng	Mất 20% (10% với hộ bị tổn thương) đất sản xuất hoặc tài sản tạo thu nhập	Mất 30% đất sản xuất	Mất 20% (10% với hộ bị tổn thương) đất sản xuất hoặc tài sản tạo thu nhập
Bồi thường đất bất hợp pháp	a. Đất nông nghiệp: Người bị ảnh hưởng được cung cấp hỗ trợ tái định cư thay cho việc bồi thường cho đất mà họ có và các hỗ trợ khác, nếu cần, để đạt được các mục tiêu tái định cư được nêu trong OP4.12, nếu họ sở hữu đất trong khu vực dự án trước ngày khóa sổ được lập bởi Bên vay và được Ngân hàng chấp nhận; b. Đất phi nông nghiệp: không được bồi thường nhưng người sử dụng sẽ được hỗ trợ tái định cư và các khoản phụ cấp khác	a.Đất NN sử dụng trước 1/7/2004 được bồi thường; sử dụng sau 1/7/2004 không được bồi thường nhưng được hỗ trợ theo quyết định của UBND tỉnh b. Đất ở: không bồi thường về đất. Nếu hộ BAH không có đất thổ cư hoặc nhà tại xã/phường trong khu vực dự án, họ sẽ được phân một lô/căn tộ tối thiểu trong khu tái định cư và phải trả tiền sử dụng đất.	- Đất nông nghiệp sử dung trước 1/7/2004, được đền bù bằng 100% giá thay thế; sử dụng sau 1/7/2004 đến trước ngày khóa sổ được hỗ trợ phục hồi sinh kế không dưới 60% giá thị bồi thường theo giá thay thế. - Không được đền bù cho đất ở bất hợp pháp nhưng cung cấp hỗ trợ tái định cư bằng 30% giá trị bồi thường đất và các hỗ trợ khác theo quyết định của UBND tỉnh . Đối với trường hợp di dời, nếu người sử dụng không có đất/nhà tại xã/phường của dự án, họ sẽ được giao một lô/căn hộ tối thiểu trong khu tái định cư và phải trả tiền sử dụng đất. Nếu người sử dụng đất không có khả năng chi trả tiền sử dụng đất thì sẽ được ghi nợ.

Các vấn đề	WB	Việt Nam	Đề xuất áp dụng trong dự án
Bồi thường tài sản trên đất bất hợp pháp hoặc các công trình bất hợp pháp	Bồi thường toàn bộ chi phí cho tất cả các công trình bị ảnh hưởng nếu được xây dựng trước ngày khóa sổ	Không bồi thường nhưng hỗ trợ tùy theo trường hợp cụ thể do cơ quan có thẩm quyền quyết định	Hỗ trợ bằng 100% giá thay thế. Trường hợp trong thời gian xây dựng công trình, chính quyền địa phương đã thông báo cho hộ gia đình và/hoặc ngăn chặn việc xây dựng và lập biên bản nhưng hộ gia đình không tuân theo thì sẽ áp dụng chính sách của chính quyền địa phương. Ngược lại, chính sách của NHTG sẽ được áp dụng.
Mức bồi thường cho đất và các tài sản ngoài đất	Mức bồi thường đối với đất bị ảnh hưởng và tải sản ngoài đất bao gồm nhà ở và các công trình là giá thay thế không khấu hao và khấu trừ các vật liệu có thể tận dụng	Bồi thường đất ở bị ảnh hưởng với giá cụ thể (giá thị trường). Bồi thường nhà ở với chi phí đủ để xây dựng nhà mới với tiêu chuẩn kỹ thuật tương tự. Bồi thường cho các công trình khác theo giá hiện tại nhưng không vượt quá chi phí xây dựng mới của công trình bị ảnh hưởng	Thẩm định viên độc lập xác định giá thay thế cho tất cả các loại đất và tài sản bị ảnh hưởng được thẩm định bởi Hội đồng thẩm định đất cấp tỉnh và phê duyệt bởi UBND tỉnh để đảm bảo giá thay thế.
Giám sát thực hiện TĐC	Giám sát nội bộ và độc lập	Người dân được phép tự mình (hoặc thông qua các tổ chức đại diện) giám sát và báo cáo về những sai phạm trong sử dụng và quản lý đất, bao gồm thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (Điều 199, Luật đất đai 2013). Tuy nhiên, không có yêu cầu cụ thể về công tác giám sát tái định cư, bao gồm cả giám sát nội bộ và giám sát độc lập	Giám sát nội bộ và độc lập cần được duy trì thường xuyên (hàng tháng đối với giám sát nội bộ và 6 tháng một lần đối với giám sát độc lập). Cần có một đánh giá cuối cùng về việc thực hiện tái định cư để xác định liệu các mục tiêu của OP4.12 đã đạt được hay không?

5.4. Ngày khóa sổ

69. Ngày khóa sổ là ngày được đề cập trong Thông báo thu hồi đất của UBND tỉnh Yên Bái tới các gia đình BAH. Tại thời điểm này, thiết kế chi tiết của dự án đã hoàn thành và kiểm đếm chi tiết bắt đầu. Tất cả các tài sản và người chuyển đến ở khu vực dự án sau thời điểm ngày khóa sổ đều không được tính hợp lệ để bồi thường, hỗ trợ.

PHẦN 6: CHÍNH SÁCH BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ CỦA DỰ ÁN

6.1. Tiêu chuẩn hợp lệ

Tiêu chuẩn bồi thường, hỗ trợ hợp lệ:

- (i) Những người có quyền lợi hợp pháp chính thức được công nhận đối với đất đai (bao gồm các quyền sử dụng đất theo truyền thống và tập quán được luật pháp nhà nước công nhận. Khi xem xét các trường hợp này, giấy tờ xác minh thời gian sử dụng đất hoặc các tài sản gắn với đất của người BAH sẽ được sử dụng);
- (ii) Những người không có quyền lợi hợp pháp đối với đất đai được chính thức công nhận tại thời điểm bắt đầu thống kê nhưng có yêu cầu bồi thường về đất hoặc các tài sản, miễn là các yêu cầu đó được pháp luật nhà nước công nhận hoặc được công nhận thông qua quá trình được xác định trong Kế hoạch Hành động Tái định cư;
- (iii) Những người không thể hợp thức hóa quyền sử dụng đất hoặc không được công nhận để yêu cầu bồi thường đối với đất đai mà họ đang chiếm giữ.

70. Những người trong mục (i) và (ii) của đoạn trên đây được bồi thường cho đất bị mất và được nhận các hỗ trợ khác theo quy định của RAP. Những người trong mục (iii) sẽ không được bồi thường cho đất chiếm giữ bị thu hồi, họ sẽ chỉ được hỗ trợ tái định cư và các hỗ trợ khác, nếu cần thiết, để đạt được các mục tiêu đặt ra trong chính sách này nếu đất đó bị chiếm giữ trước ngày khóa sổ do Bên vay quy định và được NHTG chấp nhận. Những người lấn chiếm vào khu vực Dự án sau ngày khóa sổ sẽ không được hưởng bồi thường hay bất kỳ hình thức hỗ trợ tái định cư nào. Tất cả những người trong mục (i), (ii), hoặc (iii) được bồi thường cho những thiệt hại về tài sản không phải là đất mà họ đang sử dụng hoặc sở hữu.

6.2. Các nguyên tắc tái định cư

71. Tất cả những người bị ảnh hưởng (BAH) bởi Dự án có tài sản hoặc sinh sống trong khu vực bị thu hồi phục vụ dự án trước ngày khóa sổ đều có quyền được bồi thường/hỗ trợ cho các thiệt hại. Những người bị mất thu nhập và/hoặc kế sinh nhai sẽ đủ điều kiện nhận hỗ trợ phục hồi sinh kế căn cứ theo các tiêu chí hợp lệ do Dự án quy định, có tham vấn với người BAH. Trước khi kết thúc Dự án, nếu thấy sinh kế vẫn chưa được phục hồi bằng với mức trước khi có dự án thì cần xem xét có các biện pháp bổ sung.

72. Các mức bồi thường sẽ được xác định đúng lúc và có sự tham vấn dựa trên các kết quả thẩm định độc lập giá trị đất/tài sản gắn liền với đất tại thời điểm thực hiện tái định cư. Tất cả các lệ phí và thuế về chuyển nhượng đất và/hoặc nhà ở sẽ được miễn trừ, hoặc sẽ nằm trong gói bồi thường về đất và các công trình/hoặc nhà ở hoặc cơ sở kinh doanh. Chính quyền địa phương sẽ đảm bảo rằng người BAH tự tái định cư sẽ nhận được quyền sở hữu tài sản và các giấy chứng nhận theo quy định tương tự như các gói bồi thường dành cho những người chọn phương án chuyển đến khu tái định cư do dự án đề xuất mà không phải mất thêm bất kỳ chi phí phát sinh nào.

73. Trường hợp người BAH mong muốn được vào khu tái định cư người BAH sẽ được bố trí một lô tái định cư tại khu tái định cư của Dự án được xây dựng đầy đủ hạ tầng. Trường hợp người BAH không muốn vào khu tái định cư, họ sẽ được nhận bồi thường bằng tiền mặt cho toàn bộ diện tích đất ở bị thu hồi với 100% giá thay thế cộng với khoản hỗ trợ tái định cư theo quy định của UBND tỉnh Yên Bái[1], để họ tự di chuyển.

- [1] Quyết định số 17/2014/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2014 của UBND tỉnh Yên Bái sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của quy định chi tiết một số điều, khoản của luật đất đai ngày 26 tháng 9 năm 2013 và nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

74. Mức bồi thường cho các công trình nhà ở, công trình thương mại, hoặc các loại công trình khác sẽ được trả theo mức giá thay thế mà không tính khấu hao công trình và không trừ các phần vật liệu có thể tận dụng được. Các công trình sẽ được định giá riêng rẽ. Nếu mức bồi thường được xác định theo loại công trình thì phải sử dụng giá của công trình có giá trị cao nhất trong nhóm công trình đó (chứ không phải sử dụng mức giá trị thấp nhất) để đảm bảo người bị ảnh hưởng có thể xây mới công trình kiến trúc với các tiêu chuẩn kỹ thuật và kiểu loại tương tự.

75. Những hộ thuộc diện phải di dời nhưng không đủ điều kiện được bồi thường đất bị ảnh hưởng và không còn đất hoặc nhà ở nào khác trong địa bàn xã/phường dự án sẽ được quyền mua một lô/một căn hộ tiêu chuẩn trong khu tái định cư và được hỗ trợ tái định cư bằng tiền mặt. Những hộ phải di chuyển chỗ ở nhưng còn đất ở trên địa bàn phường, xã nơi có đất thu hồi thì không được bố trí tái định cư.

76. Những người bị ảnh hưởng sẽ được bồi thường, hỗ trợ đầy đủ (bao gồm cả tiền trợ cấp di chuyển) để vận chuyển đồ dùng và tài sản cá nhân ngoài khoản bồi thường theo giá thay thế cho nhà cửa, đất, và những tài sản khác. Việc bồi thường và hỗ trợ phục hồi cho người BAH phải được thực hiện trước khi thu hồi đất và tài sản.

77. Các hỗ trợ khác như là hỗ trợ phục hồi kinh tế, đào tạo tập huấn và các hình thức hỗ trợ khác sẽ được cung cấp cho những người bị ảnh hưởng bị mất nguồn thu nhập, đặc biệt là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương để nâng khả năng phục hồi và cải thiện thu nhập sau này.

78. Vì Kế hoạch hành động tái định cư là một phần của dự án nên dự án sẽ được coi là chưa hoàn thành cho đến khi Kế hoạch hành động tái định cư được thực hiện đầy đủ và đáp ứng mục tiêu của chính sách OP 4.12.

6.3. Chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án

6.3.1. Chính sách bồi thường cho đất nông nghiệp

a. <u>Đối với những người có quyền sử dụng hợp pháp hoặc có thể hợp pháp hóa quyền sử dụng đất:</u>

79. Bồi thường bằng tiền mặt cho diện tích đất nông nghiệp bị ảnh hưởng với 100% giá thay thế;

80. Trường hợp diện tích đất nông nghiệp thu hồi một phần, phần diện tích còn lại khó canh tác nếu người dân có nguyện vọng thu hồi hết thửa thì dự án thu hồi và bồi thường toàn bộ với 100% giá thay thế;

81. Ngoài bồi thường bằng tiền mặt cho diện tích bị thu hồi như quy định ở trên, người BAH đất nông nghiệp còn được hưởng các hỗ trợ phục hồi sinh kế

82. Với trường hợp đất vượt hạn mức giao đất của địa phương (không phải là đất do thừa kế, được tặng cho hay nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất) thì không được bồi thường về đất nhưng được hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại.

b. <u>Những người sử dụng đất tạm thời hoặc thuê đất/ thuê đất công ích:</u>

83. Đối với hộ gia đình bị ảnh hưởng đang sử dụng đất nông nghiệp do Nhà nước giao khoán (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) của các nông – lâm trường quốc doanh khi dự án thu hồi thì sẽ không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, tài sản tạo lập trên đất với 100% giá thay thế.

84. Người BAH thuê đất trên cơ sở hợp đồng với cá nhân, hộ gia đình, hay tổ chức, khác với trường hợp quy định tại điểm (i) của mục này (có nghĩa là sở hữu nhà nước hoặc bất kỳ tổ chức nào), thì hộ gia đình sẽ chỉ được bồi thường đối với chi phí đầu tư vào đất, tài sản mà họ tạo lập trên đất trước ngày khóa sổ kiểm kê với 100% giá thay thế. Các khoản tiền bồi thường, hỗ trợ về đất sẽ được chi trả cho người chủ sở hữu của thửa đất đó.

c. Người sử dụng đất không có quyền sở hữu đất hợp pháp (sử dụng bất hợp pháp):

85. Đối với trường hợp đất nông nghiệp sử dụng trước ngày 01/7/2004 mà người sử dụng đất trực tiếp sản xuất nông nghiệp sẽ được bồi thường với 100% giá thay thế theo quy định tại Khoản 2 Điều 77 của Luật Đất đai 2013. Đối với các trường hợp sử dụng đất sau ngày 1/7/2014 đến trước ngày khóa sổ, người bị ảnh hưởng sẽ được nhận khoản hỗ trợ phục hồi sinh kế tương đương với giá trị đầu tư còn lại vào đất để cải tạo đất hoặc một khoản hỗ trợ bằng 60% giá trị bồi thường đối với đất bị ảnh hưởng theo giá thị trường và tham gia chương trình phục hồi sinh kế.

6.3.2. Bồi thường đối với đất phi nông nghiệp và đất kinh doanh

a. Đối với các tổ chức, cá nhân bị thu hồi đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp thì sẽ được bồi thường như sau:

86. Hộ gia đình, cá nhân có Giấy chứng nhận QSDĐ hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ: Hộ gia đình, cá nhân được nhận bồi thường bằng tiền mặt theo giá thay thế và được bồi thường tài sản trên đất với 100% giá thay thế. Nếu hộ gia đình, cá nhân không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ thì sẽ không được bồi thường về đất mà sẽ được hỗ trợ bằng tiền mặt với số tiền tối thiểu 30% giá trị đất theo giá thay thế.

87. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất thuêtrả tiền hàng năm hoặc trả tiền một lần nhưng được miễn tiền thuê đất thì không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường cho chi phí đầu tư trên đất còn lại và tài sản trên đất với 100% giá thay thế.

88. Tổ chức hợp lệ (tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính) đang sử dụng đất SXKD trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê (tiền thuê đất không sử dụng ngân sách nhà nước) thì được bồi thường bằng tiền mặt với 100% giá thay thế.

89. Tổ chức hợp lệ (tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính) đang sử dụng đất SXKD là đất thuê trả tiền hàng năm hoặc trả tiền một lần nhưng được miễn tiền thuê đất thì không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường cho chi phí đầu tư trên đất còn lại và tài sản trên đất với 100% giá thay thế.

90. Ngoài nhận được các khoản bồi thường nêu trên, Dự án cũng sẽ cung cấp một khoản hỗ trợ di chuyển cơ sở sản xuất, kinh doanh cho các tổ chức/cá nhân như được đề cập ở mục 6.3.10 của Kế hoạch tái định cư này.

6.3.3. Chính sách bồi thường đất ở

91. Bồi thường đối với đất ở được chia ra các trường hợp cụ thể như:

a. Đất ở không có công trình trên đất:

92. Người có đủ điều kiện được bồi thường về đất: Được bồi thường cho đất bị thu hồi bằng tiền mặt với 100% giá thay thế;

93. Người không đủ điều kiện bồi thường đất: không được bồi thường đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất theo giá thị trường hiện hành và sẽ nhận được các khoản hỗ trợ khác theo quyết định của UBND tỉnh.

b. Mất đất thổ cư có các công trình được xây dựng trên đó, trường hợp phần đất còn lại (không bị thu hồi) là đủ để xây dựng lại công trình (Người BAH tự sắp xếp lại):

94. *Đối với người sử dụng đất hợp pháp và hợp pháp hóa:* Bồi thường cho phần diện tích đất ở và công trình bị thu hồi bằng tiền với 100% giá thay thế;

95. *Đối với người sử dụng đất bất hợp pháp và bất hợp pháp hóa :* Không được bồi thường đất bị ảnh hưởng nhưng được hỗ trợ tái tài chính bằng 30% giá trị bồi thường của diện tích đất bị ảnh theo quyết định của UBND tỉnh..

96. Trường hợp diện tích đất còn lại không đủ để xây lại nhà, nhưng có đất vườn hoặc đất nông nghiệp gần đất bị ảnh hưởng thì hộ BAH cho phép chuyển đổi phần đất vườn/đất nông nghiệp thành đất ở và được miễn phí chuyển đổi theo quy định của UBND tỉnh để có thể xây lại nhà mới. nhưng phải nộp tiền sử dụng đất khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp/đất vườn sang đất ở theo quyết định của UBND tỉnh..

97. Người sử dụng đất bị thu hồi có đủ điều kiện được bồi thường thiệt hại nhưng đất đang trong quá trình tranh chấp thì được bồi thường với mức 100% giá trị thay thế và sẽ được nhận tiền bồi thường sau khi tranh chấp được giải quyết. Đối với đất tranh chấp, tiền bồi thường cần phải được đưa ra tòa án hoặc vào tài khoản ký quỹ và trả cho người bị ảnh hưởng sau khi giải quyết tranh chấp.

c. Mất đất thổ cư với các công trình được xây dựng trên đó, và phần đất còn lại không đủ để xây dựng lại công trình (người BAH phải di dời):

98. Người BAH có quyền hợp pháp hoặc có thể hợp pháp hóa với đất BAH có thể lựa chọn một trong những phương thức bồi thường đất sau:

99. Trường hợp người BAH mong muốn được vào khu tái định cư người BAH sẽ được bố trí một lô tái định cư tại khu tái định cư của Dự án được xây dựng đầy đủ hạ tầng và việc phân giao đất/căn hộ tái định cư tuân theo quy định của UBND tỉnh. Người BAH sẽ được cấp đầy đủ giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất/nhà ở mà không phải trả bất kỳ khoản phí nào. Trường hợp người BAH không muốn vào khu tái định cư, họ sẽ được nhận bồi thường bằng tiền mặt cho toàn bộ diện tích đất ở bị thu hồi với 100% giá thay thế cộng với khoản hỗ trợ tái định cư theo quy định của UBND tỉnh để họ tự di chuyển.

100. Người bị ảnh hưởng không đủ điều kiện để được bồi thường về đất hoặc không thể hợp pháp hóa quyền sử dụng đất sẽ được hưởng quyền lợi như sau:

- Một khoản tiền hỗ trợ bằng 30% giá trị bồi thường của diện tích đất bị ảnh hưởng sẽ được xem xét và quyết định bởi UBND tỉnh.

- Người BAH không còn nơi nào để cư trú trên địa bàn xã dự án sẽ được giao một suất tái định cư tối thiểu hoặc một căn hộ trong khu TĐC để mua trả góp hoặc thuê để sinh sống.

- Trong trường hợp người BAH thuộc nhóm/hộ gia đình nghèo hoặc dễ bị tổn thương thì sẽ được xem xét hỗ trợ đặc biệt (bằng tiền mặt hoặc hiện vật) để bảo đảm người BAH có đủ khả năng để di dời tới nơi ở mới. UBND tỉnh sẽ xem xét quyết định mức hỗ trợ cho những đối tượng này. Tuy nhiên không vượt quá 2 triệu đồng/ hộ

6.3.4. Chính sách bồi thường nhà và công trình

101. Đối với công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng

- Người có công trình bị ảnh hưởng sẽ được bồi thường như sau:

o Bồi thường bằng tiền mặt cho toàn bộ nhà/ công trình bị ảnh hưởng với 100% giá thay

thế nếu nhà/công trình được xây dựng trước ngày khóa sổ kiểm kê (Xem chi tiết tại ghi chú số 1). Kinh phí bồi thường đủ để xây dựng lại nhà/công trình mới với tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương cấp nhà/công trình cũ mà không tính khấu trừ vật liệu có thể tận dụng được.

- Đối với nhà, công trình xây dựng khác bị phá dỡ một phần mà phần còn lại không còn sử dụng được thì bồi thường theo giá thay thế cho toàn bộ nhà, công trình; trường hợp nhà, công trình xây dựng khác bị phá dỡ một phần, những vẫn tồn tại và sử dụng được phần còn lại thì bồi thường phần giá trị công trình bị phá dỡ và chi phí để sửa chữa, hoàn thiện phần còn lại theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương của nhà, công trình trước khi bị phá dỡ.

102. Người thuê nhà của nhà nước hoặc tổ chức nhà nước sẽ được hưởng được quyền thuê hoặc mua một căn hộ mới có diện tích bằng với diện tích của căn nhà bị ảnh hưởng nếu có nhu cầu; hoặc được hỗ trợ 60% giá thay thế cho đất và 60% giá thay thế cho nhà bị ảnh hưởng.

103. Những người thuê nhà để ở sẽ được cung cấp một khoản trợ cấp di chuyển cho việc di chuyển tài sản, cũng như hỗ trợ trong việc xác định chỗ ở thay thế.

104. Bồi thường về di chuyển mồ mả

105. Đối với việc di chuyển mồ mả thì người có mồ mả phải di chuyển được bố trí đất và được bồi thường chi phí đào, bốc, di chuyển, xây dựng mới và các chi phí hợp lý khác có liên quan trực tiếp.

STT	Danh mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Đơn giá
a	Loại đã sang cát		
-	Loại không xây	đ/mộ	5.824.000
-	Loại xây bằng gạch, đá, bê tông		
+	Diện tích xây ≤ 1m^2	đ/mộ	7.755.000
+	Diện tích xây > 1m^2 và ≤ 2 m^2	đ/mộ	9.109.000
+	Diện tích xây > 2 m^2	đ/mộ	11.163.000
b	Loại đến kỳ sang cát > hoặc = 3 năm	đ/mộ	6.562.000
c	Loại chưa đến kỳ sang cát < 3 năm nếu phải di chuyển	đ/mộ	13.056.000

106. Đối với những mồ mả vô chủ bị ảnh hưởng, Ban QLDA sẽ thuê người dân địa phương di dời mộ đến nghĩa địa của xã.

6.3.5. Chính sách bồi thường cây cối hoa mầu

107. Đối với cây trồng hàng năm và lâu năm, bất kể tình trạng sở hữu của đất, người BAH sản xuất trên đất đó sẽ được bồi thường đầy đủ theo giá thay thế. Đối với những cây chưa được khai thác nhưng có thể được đưa đến một địa điểm khác, chi phí vận chuyển và thiệt hại thực tế do vận chuyển và trồng lại sẽ được bồi thường.

108. Đối với vật nuôi (bao gồm thủy hải sản) không thể thu hoạch, không có nơi di chuyển tại thời điểm thu hồi đất người bị ảnh hưởng sẽ được bồi thường bằng tiền mặt theo giá thay thế tại thời điểm thu hồi đất. Không bồi thường đối với vật nuôi có thể di chuyển hoặc đến kỳ thu hoạch nhưng bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại do di chuyển.

6.3.6. Bồi thường đối với các tài sản khác

109. Các hộ gia đình bị ảnh hưởng có hệ thống điện thoại, đồng hồ nước, đồng hồ điện, truyền hình cáp, truy cập internet (thuê bao) bị ảnh hưởng do thu hồi đất sẽ được bồi thường theo đơn giá lắp đặt mới của các nhà cung cấp.

6.3.7. Chính sách bồi thường cho tài sản công cộng bị ảnh hưởng

110. Đối với các công trình công cộng như trường học, các cầu, nhà máy, nguồn nước, đường giao thông, hệ thống thoát nước thải, trung tâm y tế, trạm phân phối/truyền dẫn, truyền thông và cáp quang bị ảnh hưởng bởi dự án và cộng đồng mong muốn sử dụng lại chúng ., Ban QLDA sẽ phải đảm bảo rằng các công trình hạ tầng đó được phục hồi hoặc sửa chữa lại tùy theo trường hợp cụ thể, và cộng đồng không phải trả cho chi phí đó.

111. Đối với các công trình công cộng của cộng đồng phục vụ trực tiếp đến nhu cầu phát triển và đời sống dân sinh như kênh mương thủy lợi, trường học, trạm y tế, đường giao thông, điện, viễn thông, cáp quang (trừ các công trình có giấy phép xây dựng bị ràng buộc tự tháo dỡ di dời) cần phải được bồi thường theo giá thay thế hoặc phục hồi với chất lượng bằng hoặc tốt hơn trước khi có dự án.

6.3.8. Chính sách bồi thường cho các tác động tạm thời trong thời gian thi công

112. Trường hợp dự án cần thu hồi đất tạm thời trong thời gian thi công thì người BHA sẽ được bồi thường đối với những cây cối/rau màu và thu nhập bị ảnh hưởng trong giai đoạn thu hồi tạm thời đó.

113. Đối với với thiệt hại về các công trình kiến trúc của tư nhân hoặc công cộng phát sinh trong quá trình thi công, người BAH được hưởng như sau:

- Tài sản bị hư hại sẽ được nhà thầu thi công khôi phục nguyên trạng hoặc được bồi thường ngay khi xảy ra;
- Theo những điều khoản cụ thể trong Hợp đồng xây lắp, nhà thầu được yêu cầu phải hết sức cẩn thận để tránh làm hư hại tài sản khi thực hiện các hoạt động thi công. Trường hợp thiệt hại xảy ra, nhà thầu sẽ được yêu cầu sửa chữa thiệt hại và có thể bị yêu cầu bồi thường ngay cho các gia đình, các nhóm, các cộng đồng, hoặc các cơ quan bị ảnh hưởng ở mức bồi thường được áp dụng cho tất cả các tài sản khác bị ảnh hưởng bởi dự án.

6.3.9. Bồi thường chi phí di chuyển tài sản

114. Các hộ di dời sẽ được hỗ trợ tái định cư bằng tiền mặt để di dời đến nơi ở mới với mức hỗ trợ là 8.000.000đ/hộ; nếu di chuyển sang tỉnh khác, có đơn xin chuyển của hộ gia đình và xác nhận của chính quyền địa phương nơi chuyển đến thì được hỗ trợ 10.000.000đ/hộ. Trường hợp nhân khẩu từ 10 người trở lên cùng chung sống trong một nhà (trong cùng sổ hộ khẩu) thì được hỗ trợ bằng 1,5 lần mức hỗ trợ nêu trên.

115. Tổ chức và người BAH được Nhà nước cho thuê đất hoặc đang sử dụng đất hợp pháp khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển cơ sở sản xuất, kinh doanh thì được hỗ trợ kinh phí để tháo dỡ, di chuyển và lắp đặt lại. Mức hỗ trợ được tính theo chi phí thực tế tại thời điểm di dời.

6.3.10. Chính sách hỗ trợ phục hồi thu nhập và ổn định cuộc sống

116. Bên cạnh việc bồi thường trực tiếp cho những tài sản bị thiệt hại, những người BAH còn được nhận các khoản hỗ trợ để trang trải cho những chi phí trong giai đoạn chuyển tiếp. Các mức hỗ trợ sẽ được điều chỉnh, có tính đến yếu tố lạm phát và tăng giá cho phù hợp với thời gian chi trả. Các khoản hỗ trợ này bao gồm, nhưng không giới hạn, những khoản sau:

(i) Hỗ trợ thuê nhà ở: Những hộ phải di dời trước khi phân cấp lô đất tái định cư hoặc căn hộ trong khu tái định cư sẽ được nhận hỗ trợ thuê nhà bằng tiền mặt theo quy định của UBND tỉnh.

- Trường hợp hộ gia đình có từ 01 đến 03 nhân khẩu: Mức hỗ trợ tiền thuê nhà = Mức lương cơ sở do Chính phủ quy định tại thời điểm hỗ trợ X 06 tháng.

- Trường hợp hộ gia đình có từ 04 nhân khẩu trở lên: Mức hỗ trợ tiền thuê nhà = Số lượng nhân khẩu/hộ gia đình x 0,3 lần mức lương cơ sở do Chính phủ quy định tại thời điểm hỗ trợ x 06 tháng.

(ii) Hỗ trợ tự di dời: Nếu hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện tái định cư mà tự lo chỗ ở, ngoài được bồi thường cho diện tích đất ở bị thu hồi với 100% giá thay thế, họ sẽ được hỗ trợ bằng tiền mặt tương đương với chi phí đầu tư vào cơ sở hạ tầng cho một hộ gia đình trong khu tái định cư tập trung. Mức hỗ trợ này sẽ được quyết định bởi UBND tỉnh: - Đối với hộ gia đình, cá nhân có bằng hoặc ít hơn 04 nhân khẩu:

a) Nếu diện tích đất thu hồi nhỏ hơn 01 lần hạn mức giao đất ở theo quy định của Uỷ ban nhân dân tỉnh tại thời điểm thu hồi đất thì khoản tiền hỗ trợ tái định cư là 100 triệu đồng;

b) Nếu diện tích đất thu hồi bằng hoặc lớn hơn 01 lần hạn mức giao đất ở theo quy định của Uỷ ban nhân dân tỉnh tại thời điểm thu hồi đất thì khoản tiền hỗ trợ tái định cư là 150 triệu đồng.

- Đối với hộ gia đình có từ 05 nhân khẩu trở lên, với mỗi nhân khẩu tăng thêm được hỗ trợ bằng 0,2 lần mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này.

- Số nhân khẩu được tính hỗ trợ là nhân khẩu có tên trong sổ hộ khẩu của người bị thu hồi đất tính đến ngày bắt đầu niêm yết công khai thông báo thu hồi đất.(iii) Chi phí sửa chữa: Nếu nhà ở/công trình bị ảnh hưởng một phần và phần còn lại có thể tiếp tục sử dụng, Dự án sẽ bồi thường theo giá thay thế cho phần bị ảnh hưởng và chi phí để sửa chữa phần còn lại để giúp người bị ảnh hưởng có thể khôi phục nguyên trạng hoặc tốt hơn trước khi có dự án.

(iv) Hỗ trợ ổn định đời sống: những người BAH nặng đất nông nghiệp như quy định dưới đây sẽ được nhận một khoản hỗ trợ bằng tiền mặt tương đương 30 kg gạo/khẩu/tháng, cụ thể:

- Thu hồi từ 20% đến 70% (và 10% đến 70% đối với hộ dễ tổn thương) diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở. Trong một số trường hợp đặc biệt, ở những khu vực có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, mức hỗ trợ tối đa là 24 tháng.
- Đối với trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở. Trong một số trường hợp đặc biệt, ở những khu vực có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, mức hỗ trợ tối đa là 36 tháng.

(v) Hỗ trợ ổn định sản xuất:

- Hộ gia đình, cá nhân được bồi thường bằng đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, bao gồm: Hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất, kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp. Cụ thể như sau:

- Hỗ trợ 1 lần bằng tiền mua giống cây trồng, giống vật nuôi theo quy trình của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Hỗ trợ 1 lần bằng tiền cho các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp trên diện tích đất được bồi thường bằng đất. Mức hỗ trợ theo quy trình kỹ thuật của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Tiền hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi và các dịch vụ do tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với các cơ quan có liên quan lập phương án hỗ trợ trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt

- Đối với các doanh nghiệp/hộ gia đình có đăng ký kinh doanh bị ảnh hưởng bởi dự án sẽ được bồi thường hỗ trợ tối đa bằng 30% thu nhập sau thuế của 01 năm dựa trên thu nhập bình quân sau thuế hàng năm của họ khai báo với cơ quan thuế trong ba năm gần nhất; trường hợp thời gian kinh doanh chưa được 3 năm thì tính theo mức thu nhập bình quân (tính theo năm) từ khi bắt đầu kinh doanh (giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) đến thời điểm thu hồi đất.
- Đối với các hộ gia đình không có giấy phép kinh doanh nhưng đã thực hiện nghĩa vụ thuế sẽ được bồi thường, hỗ trợ tương đương 50% mức hỗ trợ đối với với doanh nghiệp/hộ gia đình có đăng ký kinh doanh.
- Đối với tổ chức bị phá vỡ một phần công trình mà không ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh, dịch vụ thì không được hỗ trợ ổn định sản xuất.

(vi) Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

- Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng tiền, mức hỗ trợ bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của tỉnh đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi; nhưng diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương;
- Trường hợp một hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nhiều lần để thực hiện nhiều dự án thì tổng diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi lập sổ theo dõi diện tích được hỗ trợ của hộ gia đình, cá nhân trong từng dự án và lưu lâu dài để thực hiện theo quy định trên.
- Trong trường hợp thành viên trong độ tuổi lao động của các hộ gia đình bị ảnh hưởng nghiêm trọng có nhu cầu đào tạo nghề và tạo việc làm - họ sẽ được nhận vào các trung tâm dạy nghề trong tỉnh và được miễn phí đào tạo cho 01 khóa học (không áp dụng với các đối tượng xin học nghề ngoài tỉnh).

(vii) Trợ cấp ngưng việc: Người lao động đang làm việc trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh bị ảnh hưởng có hợp đồng lao động, và thời gian đóng bảo hiểm liên tục tại doanh nghiệp được nhận trợ cấp tương đương với mức lương tối thiểu theo quy định của luật pháp Việt Nam trong thời gian chuyển đổi tối đa là 6 tháng và được hỗ trợ tìm kiếm việc làm thay thế nếu có nhu cầu.

(viii) Hỗ trợ thêm cho hộ gia đình chính sách và dễ bị tổn thương:Các hộ dễ bị tổn thương sẽ nhận được toàn bộ các khoản bồi thường và hỗ trợ liên quan đến các tài sản bị thu hồi, bên cạnh đó, hộ sẽ được hỗ trợ khoản tài chính theo quy định của UBND tỉnh Yên Bái, Tuy nhiên mức hỗ trợ không quá 2 triệu đồng/ hộ

(ix) Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã phường: Trường hợp đất thu hồi thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn thì Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn được hỗ trợ bằng tiền; mức hỗ trợ bằng diện tích đất thu hồi nhân với giá đất trong bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh tai thời điểm quyết định thu hồi đất.

Bảng 12:Bảng ma trận quyền lợi

Loại ảnh hưởng/tác động	Trường hợp áp dụng		Quyền lợi được hưởng	Bố trí thực hiện
	Mức độ BAH	Người đủ điều kiện hưởng lợi		
I - THU HỒI ĐẤT VĨNH VIỄN				
1.1. Đất nông nghiệp[3]	***1.1.1. Ảnh hưởng nhẹ (<20 % tổng diện tích đất hoặc <10% đối với nhóm dễ bị tổn thương)*** Diện tích đất còn lại của lô bị ảnh hưởng vẫn đủ điều kiện sử dụng hoặc đáp ứng khả năng sinh lợi cho người sử dụng.	*1.1.1.1. Những người có quyền sử dụng hợp pháp hoặc có thể hợp pháp hóa quyền sử dụng đất*	Đối với đất nông nghiệp BAH: (i) Bồi thường tiền mặt cho diện tích đất bị ảnh hưởng theo giá thay thế[4]. (ii) Bồi thường cho tài sản trên đất bị ảnh hưởng tham chiếu tại các mục 1.4, 1.5, 1.6, 1.7, 1.8 của Ma trận này. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (tham chiếu các mục 2.1 của Ma trận này).	▪ Người BAH phải được thông báo trước ít nhất 90 ngày trước khi có quyết định thu hồi đất. ▪ Chủ sử dụng đất sẽ bàn giao đất trong vòng 20 ngày kể từ khi tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trả đầy đủ chi phí bồi thường đất. ▪ Đơn vị thẩm định giá độc lập sẽ xác định giá đền bù hỗ trợ cho tất cả các loại tài sản BAH.
		1.1.1.2. Những người sử dụng đất tạm thời hoặc thuê đất công/đất của xã	(i) Đối với hộ gia đình bị ảnh hưởng đang sử dụng đất do Nhà nước giao khoán vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp hoặc nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ), thì không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường bằng tiền mặt với	

[3] Phân loại đất nông nghiệp được quy định tại Điều 10 của Luật đất đai
[4] Nếu luật trong nước không đáp ứng tiêu chuẩn bồi thường theo giá thay thế thì cần bổ sung bằng các biện pháp cần thiết để đáp ứng tiêu chuẩn giá thay thế

Loại ảnh hưởng/tác động	Trường hợp áp dụng		Quyền lợi được hưởng	Bố trí thực hiện
	Mức độ BAH	**Người đủ điều kiện hưởng lợi**		
			giá trị thay thế tương đương đối với những giá trị còn lại được đầu tư vào như đất và đối với tài sản bị ảnh hưởng gắn liền với đất. (ii) Người BAH thuê đất trên cơ sở hợp đồng với cá nhân, hộ gia đình, hay tổ chức, khác với trường hợp quy định tại điểm (i) của mục này sẽ được bồi thường cho phần giá trị còn lại đã đầu tư vào đất và những tài sản bị ảnh hưởng được tạo lập trên đất với 100% giá thay thế.	
		1.1.1.3. Người không có quyền sử dụng đất hợp pháp (theo phong tục và theo pháp lý)	▪ Đối với trường hợp đất nông nghiệp sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp sẽ được bồi thường với 100% giá thay thế theo quy định tại Khoản 2 Điều 77 của Luật đất đai. ▪ Các trường hợp sử dụng đất sau ngày 01/07/2004 sẽ được nhận khoản hỗ trợ theo quy định của UBND tỉnh và được tham gia chương trình phục hồi sinh kế.	
	***1.1.2.* Ảnh hưởng nặng (≥20% hoặc ≥10% đối với nhóm dễ bị tổn thương)**	*1.1.2.1. Những người có quyền sử dụng hợp pháp hoặc có thể hợp pháp hóa quyền sử dụng đất*	▪ Bồi thường và hỗ trợ như áp dụng với mục 1.1.1.1 của Ma trận này. ▪ Ngoài ra, được hỗ trợ ổn định đời sống bằng tiền mặt được quy định cụ thể tại mục 2.2 của Ma trận này và tham gia Chương trình phục hồi sinh kế.	▪ Đất bồi thường phải đáp ứng những nguyên tắc sau: a) tương đương với giá trị diện tích đất BAH; b) cùng loại đất (hoặc khả năng sản xuất); c) tại địa điểm mà người BAH có thể chấp thuận; d) có đầy đủ quyền sử dụng đất của cả chủ hộ và

Loại ảnh hưởng/tác động	Trường hợp áp dụng		Quyền lợi được hưởng	Bố trí thực hiện
	Mức độ BAH	**Người đủ điều kiện hưởng lợi**		
				vợ/chồng chủ hộ (nếu có); và e) không phải nộp thuế, phí đăng ký và phí chuyển quyền sử dụng đất. Nếu đất bồi thường có diện tích nhỏ hơn hay chất lượng thấp hơn đất bị thu hồi, người bị ảnh hưởng sẽ được bồi thường bằng tiền tương đương với sự chênh lệch đó.
		1.1.2.2. Những người sử dụng đất tạm thời hoặc thuê đất công/đất của xã	▪ Bồi thường và hỗ trợ như áp dụng với mục 1.1.1.2 của Ma trận này.	
		1.1.2.3. Người không có quyền sử dụng đất hợp pháp (theo phong tục và theo pháp lý)	▪ Bồi thường và hỗ trợ như áp dụng với mục 1.1.1.3 của Ma trận này.	Thay vì đền bù cho đất đai bất hợp pháp mà người BAH chiếm giữ, những người phải di dời sẽ được hỗ trợ trong nỗ lực cải thiện sinh kế và tiêu chuẩn sống của họ hoặc ít nhất là khôi phục chúng, về mặt thực tế, đến mức trước khi di dời hoặc đến mức hiện hành trước khi bắt đầu thực hiện dự án. Mức hỗ trợ không thấp hơn 60% giá trị đền bù đất

Loại ảnh hưởng/tác động	Trường hợp áp dụng		Quyền lợi được hưởng	Bố trí thực hiện
	Mức độ BAH	**Người đủ điều kiện hưởng lợi**		
				bị ảnh hưởng.
1.2. **Đất phi nông nghiệp hoặc đất ở**	Đất phi nông nghiệp bị thu hồi	Hộ gia đình/cá nhân/tổ chức có quyền sử dụng đất hợp pháp	Bồi thường tiền mặt theo 100% giá thay thế	▪ Cá nhân/tổ chức BAH phải được thông báo trước ít nhất 180 ngày trước khi bị thu hồi đất. ▪ Chủ sử dụng đất sẽ bàn giao trong vòng 20 ngày kể từ khi tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trả đầy đủ chi phí bồi thường.
			Nếu đất phi nông nghiệp bị thu hồi mà tiền sử dụng đất có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước thì không được bồi thường về đất, mà chỉ được bồi thường về tài sản trên đất theo giá thay thế	▪
		Hộ gia đình/cá nhân/tổ chức không có quyền sử dụng đất hợp pháp	Nếu đất bị ảnh hưởng không đủ điều kiện được bồi thường, người bị ảnh hưởng sẽ được hỗ trợ khoản tiền mặt ít nhất bằng 30% giá trị bồi thường đất và (i) Chi trả bồi thường theo giá thay thế đối với tài sản bị ảnh hưởng được tạo lập trước ngày khóa sổ kiểm kê.	

Loại ảnh hưởng/tác động	Trường hợp áp dụng		Quyền lợi được hưởng	Bố trí thực hiện
	Mức độ BAH	**Người đủ điều kiện hưởng lợi**		
1.3. Đất ở	**1.3.1. Trường hợp không phải di dời** ▪ Đất ở không có công trình trên đất; Hoặc ▪ Đất ở có các công trình kiến trúc mà diện tích đất còn lại đủ để xây dựng lại nhà ở (Người BAH tự sắp xếp lại)	*1.3.1.1. Người sử dụng có quyền sử dụng đất hợp pháp*	(i) Bồi thường cho đất bị thu hồi bằng tiền mặt với 100% giá thay thế; (ii) Bồi thường cho tài sản trên đất bị ảnh hưởng tham chiếu tại các mục 1.4, 1.5, 1.6, 1.7, 1.8 của Ma trận này.	▪ Các hộ dân phải được thông báo trước ít nhất 180 ngày trước khi bị thu hồi đất. ▪ Chủ sử dụng đất sẽ bàn giao trong vòng 20 ngày kể từ khi tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trả đầy đủ chi phí bồi thường. ▪ Trường hợp thu hồi đất mà diện tích đất đo đạc thực tế khác với diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất thì được bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế trừ trường hợp lấn chiếm.
		1.3.1.2. Người sử dụng có quyền sử dụng tạm thời hoặc thuê đất	Không được bồi thường về đất, nhưng được bồi thường về tài sản trên đất được tạo lập trước ngày khóa sổ kiểm kê với 100% giá thay thế theo qui định ở Mục 1.4,1.5, 1.6, 1.7, 1.8 của Ma trân này.	
		1.3.1.3. Người BAH không có quyền sử dụng đất hoặc không thể hợp pháp hóa	(i) Không được bồi thường về đất nhưng hỗ trợ tài chính bằng 30% giá trị bồi thường của diện tích đất bị ảnh hưởng hoặc hỗ trợ khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.. (ii) Bồi thường cho tài sản có trên đất bị ảnh hưởng trước ngày khóa sổ kiểm kê bị ảnh hưởng tham chiếu tại các mục 1.4, 1.5, 1.6, 1.7, 1.8 của Ma trận này.	
	1.3.2. Hộ BAH phải di dời	*1.3.2.1. Người BAH có quyền hợp pháp hoặc có thể hợp pháp hóa*	Người BAH có thể lựa chọn một trong những phương thức bồi thường đất sau: (i) Bồi thường theo phương án "đất đổi đất" bằng lô đất ở hoặc nhà ở tại khu tái định cư của Dự án được xây dựng đầy đủ hạ tầng. Người BAH sẽ được cấp đầy đủ giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất/nhà ở mà không phải	▪ Các hộ bị ảnh hưởng phải được thông báo trước ít nhất 180 ngày trước khi bị thu hồi đất. ▪ Trong trường hợp giá trị bồi thường đất BAH lớn hơn giá trị lô đất hay nhà ở tái định cư

Loại ảnh hưởng/tác động	Trường hợp áp dụng		Quyền lợi được hưởng	Bố trí thực hiện
	Mức độ BAH	Người đủ điều kiện hưởng lợi		
			trả bất kỳ khoản phí nào. Hoặc (ii) Bồi thường bằng tiền mặt cho toàn bộ diện tích đất ở bị thu hồi với 100% giá thay thế. Bồi thường cho tài sản trên đất bị ảnh hưởng tham chiếu tại các mục 1.4, 1.5, 1.6, 1.7, 1.8 của Ma trận này. Các hộ BAH phải di dời được cung cấp khoản hỗ trợ bổ sung như: Hỗ trợ di chuyển chỗ ở; Hỗ trợ thuê nhà ở; Hỗ trợ tự di dời; Hỗ trợ ổn định đời sống (tham chiếu các mục 3.2.1 của Ma trận này)	được cấp, phần chênh lệch giá trị sẽ được trả bằng tiền mặt cho người BAH. ▪ Trong trường hợp số tiền bồi thường (hoặc hỗ trợ) đối với đất BAH thấp hơn giá của một lô đất/căn hộ tái định cư tối thiểu trong khu tái định cư của Dự án, mà người BAH không còn đất ở nơi khác để chuyển đến, thì những người bị di dời sẽ được hỗ trợ khoản chênh lệch để mua được lô đất hoặc căn hộ tái định cư đó mà không phải bỏ thêm chi phí nào. ▪ Trong trường hợp phần đất ở còn lại không đủ diện tích để xây dựng lại nhà ở nhưng nằm trong cùng thửa đất hoặc liền kề thửa đất vườn/ao/đất nông nghiệp có thể chuyển đổi mục đích sử dụng thành đất ở theo quy định của UBND tỉnh để có thể xây dựng nhà ở tại chỗ. ▪ Các quy định cụ thể về phân bổ

Loại ảnh hưởng/tác động	Trường hợp áp dụng		Quyền lợi được hưởng	Bố trí thực hiện
	Mức độ BAH	**Người đủ điều kiện hưởng lợi**		
				đất/căn hộ TĐC sẽ được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và Tái định cư thiết lập sau khi tham vấn với người BAH.
		1.3.2.2. Người bị ảnh hưởng có quyền sử dụng tạm thời hoặc thuê đất	(i) Không được bồi thường về đất, nhưng được bồi thường về tài sản trên đất được tạo lập trước ngày khóa sổ kiểm kê với 100% giá thay thế theo qui định ở Mục 1.4,1.5, 1.6, 1.7, 1.8 của Ma trận này. (ii) Bồi thường bằng tiền cho phần giá trị còn lại của hợp đồng thuê. (iii) Hỗ trợ di chuyển chỗ ở theo qui định ở Mục 2.3 của Ma trận này.	Nếu hộ BAH phải di dời nhưng không còn nhà hoặc nơi ở nào khác trên địa bàn xã dự án thì hộ BAH sẽ được phân lô đất/căn hộ trong khu tái định cư và trả tiền phí sử dụng đất.
		1.3.2.3. Người BAH không có quyền sử dụng đất hoặc không thể hợp pháp hóa	(i) Không được bồi thường về đất nhưng hỗ trợ tài chính bằng 30% giá trị bồi thường đất hoặc hỗ trợ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ được cung cấp cho người BAH.. (ii) Bồi thường cho tài sản trên đất bị ảnh hưởng tham chiếu tại các mục 1.4, 1.5, 1.6, 1.7, 1.8 của Ma trận này. (iii) Người BAH không còn nơi nào để cư trú trong địa bàn xã dự án sẽ được giao một suất tái định cư tối thiểu hoặc một căn hộ trong khu TĐC với hình thức mua trả góp hoặc thuê để sinh sống.	▪ Trong trường hợp người BAH thuộc nhóm/hộ gia đình nghèo hoặc dễ bị tổn thương thì sẽ được xem xét hỗ trợ đặc biệt (bằng tiền mặt hoặc hiện vật) để bảo đảm người BAH có đủ khả năng để di dời tới nơi ở mới. UBND tỉnh sẽ xem xét quyết định mức hỗ trợ cho những đối tượng này.

Loại ảnh hưởng/tác động	Trường hợp áp dụng		Quyền lợi được hưởng	Bố trí thực hiện
	Mức độ BAH	**Người đủ điều kiện hưởng lợi**		
1.4. Công trình, nhà cửa,	***1.4.1. Ảnh hưởng một phần*** Phần không ảnh hưởng của kết cấu nhà vẫn có thể sử dụng được	*1.4.1.1. Chủ sở hữu công trình được xây dựng trước ngày khóa sổ*	Bồi thường bằng tiền mặt cho phần công trình bị ảnh hưởng với 100% giá thay thế và chi phí sửa chữa phần còn lại	Bồi thường tiền mặt không tính khấu hao nhà cửa/vật kiến trúc và khấu hao vật liệu có thể tận dụng được. Chi trả bồi thường theo diện tích bị ảnh hưởng thực tế. Đối với các kiến trúc bất hợp pháp được xác định bởi luật đất đai 2013, trong trường hợp, tại thời điểm xây dựng công trình, chính quyền địa phương đã tuyên bố và ngăn chặn việc xây dựng và ghi lại nhưng hộ gia đình đã không tuân theo, chính sách của chính quyền địa phương sẽ được áp dụng. Nếu không, chính sách WB sẽ được áp dụng. Nhà ở/công trình được xây dựng sau ngày khóa sổ kiểm kê sẽ không được bồi thường, hỗ trợ.
	1.4.2. Ảnh hưởng toàn phần bao gồm cả nhà có diện tích bị ảnh hưởng một phần nhưng phần còn lại không đủ điều kiện tiếp tục sử dụng.	*1.4.2.1. Chủ sở hữu công trình được xây dựng trước ngày khóa sổ*	Bồi thường theo giá thay thế đối với nhà ở/vật kiến trúc bị ảnh hưởng mà không tính khấu hao vật kiến trúc và khấu trừ vật liệu có thể tận dụng được; và Hỗ trợ tái định cư cho người bị ảnh hưởng	
		1.4.2.2. Người thuê nhà của nhà nước hoặc tổ chức	(i) Những người thuê nhà ở của nhà nước hoặc của tổ chức nhà nước được hỗ trợ tiền mặt tương đương 60% giá thay thế cho đất và nhà bị ảnh hưởng và hỗ trợ tái định cư. Ngoài ra, họ sẽ được ưu tiên thuê hoặc mua căn hộ hoặc lô đất mới trong khu tái định cư. . (ii) Những người thuê nhà để ở sẽ được cung cấp một khoản trợ cấp di chuyển cho việc di chuyển chỗ ở, cũng như hỗ trợ trong việc xác định chỗ ở thay thế theo quy định của	

Loại ảnh hưởng/tác động	Trường hợp áp dụng		Quyền lợi được hưởng	Bố trí thực hiện
	Mức độ BAH	**Người đủ điều kiện hưởng lợi**		
			UBND tỉnh.	
1.5. Mồ mả	***Mồ mả phải di dời***	Mồ mả có chủ	Đối với việc di chuyển mồ mả thì người có mồ mả phải di chuyển được bố trí đất và được bồi thường chi phí đào, bốc, di chuyển, xây dựng mới và các chi phí hợp lý khác có liên quan trực tiếp. - Loại đã sang cát + Loại không xây: 5.824.000 đ/mộ + Loại xây bằng gạch, đá, bê tông: ▪ Diện tích xây ≤ 1m2: 7.755.000 đ/mộ ▪ Diện tích xây > 1m2 và ≤ 2 m2: 9.109.000 đ/mộ ▪ Diện tích xây > 2 m2: 11.163.000 đ/mộ - Loại đến kỳ sang cát > hoặc = 3 năm: 6.562.000 đ/mộ - Loại chưa đến kỳ sang cát < 3 năm nếu phải di chuyển: 13.056.000 đ/mộ	▪ Các ngôi mộ phải được khai quật và di dời theo đúng phong tục tập quán. Do đó, Hội đồng bồi thường cần thu xếp chi trả tiền bồi thường cho các hộ bị ảnh hưởng kịp thời. ▪ Đối với những mồ mả vô chủ bị ảnh hưởng, Ban QLDA sẽ thuê người dân địa phương di chuyển đến khu nghĩa địa mới.
1.6. Cây cối, hoa màu, và vật nuôi	***1.6.1. Cây cối, hoa màu bị ảnh hưởng***	Chủ sở hữu tạo lập trước ngày khóa sổ kiểm kê bất kể tình trạng sở hữu về đất	Bồi thường theo giá thay thế cho các hộ BAH. Đối với cây có thể trồng lại, hỗ trợ chi phí vận chuyển và thiệt hại thực tế do quá trình vận chuyển và trồng lại.	▪ Người dân được thông báo trong vòng 90 ngày trước khi thu hồi mặt bằng. Cây cối/hoa màu trồng sau thời hạn sau ngày Khóa sổ kiểm kê sẽ không được hưởng bất cứ chính sách bồi

Loại ảnh hưởng/tác động	Trường hợp áp dụng		Quyền lợi được hưởng	Bố trí thực hiện
	Mức độ BAH	Người đủ điều kiện hưởng lợi		
				thường hỗ trợ nào.
	1.6.2. Vật nuôi BAH (bao gồm cả sản phẩm nuôi trồng thủy hải sản)	Chủ sở hữu vật nuôi tạo lập trước ngày khóa sổ kiểm kê bất kể tình trạng sở hữu về đất	Thiệt hại thực tế do thu hoạch sớm sẽ được bồi thường bằng tiền mặt theo giá thay thế tại thời điểm thu hồi đất. Không bồi thường đối với vật nuôi có thể di chuyển hoặc đến kỳ thu hoạch nhưng bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại do di chuyển.	▪ Người bị ảnh hưởng được thông báo trong vòng 90 ngày trước khi thu hồi đất để họ thu xếp thu hoạch hoặc dừng chăn nuôi.
1.7. Các tài sản khác	**Tài sản bị thu hồi hoặc bị ảnh hưởng** ▪ Như hệ thống điện thoại, đồng hồ nước, đồng hồ điện, truyền hình cáp, truy cập internet…	Người sở hữu/sử dụng tài sản được tạo lập trước ngày khóa sổ kiểm kê bất kể tình trạng sở hữu về đất	Bồi thường đối với tài sản bị ảnh hưởng theo giá thay thế và/hoặc chi phí chuyển nhượng và lắp đặt theo quy định của nhà cung cấp.	Ban QLDA cần phải làm việc với các nhà cung cấp để cung cấp các dịch vụ cho người bị ảnh hưởng trong thời gian sớm nhất để đảm bảo điều kiện sống.
1.8. Công trình công cộng.	**Tài sản bị thu hồi hoặc bị ảnh hưởng**	Cộng đồng sở hữu/sử dụng công trình công cộng bị ảnh hưởng được tạo lập trước ngày khóa sổ kiểm kê bất kể tình trạng sở hữu về đất	▪ Bồi thường tiền mặt theo giá thay thế để xây dựng lại hoặc sửa chữa. Trong trường hợp di dời hoặc lắp đặt cộng đồng sẽ không phải trả bất kỳ chi phí nào. ▪ Đối với các công trình công cộng của cộng đồng phục vụ trực tiếp đến nhu cầu phát triển và đời sống dân sinh như kênh mương thủy lợi, trường học, trạm y tế, đường giao thông, điện, viễn thông, cáp quang: i) bồi thường theo giá thay thế, được xác định thông qua tham vấn với cộng đồng bị ảnh hưởng; hoặc ii) phục hồi với chất lượng bằng hoặc	▪ Ban QLDA làm việc với các nhà thầu để đảm bảo không gián đoạn sinh kế của người bị ảnh hưởng trong thời gian thi công.

Loại ảnh hưởng/tác động	Trường hợp áp dụng		Quyền lợi được hưởng	Bố trí thực hiện
	Mức độ BAH	Người đủ điều kiện hưởng lợi		
			tốt hơn trước khi có dự án.	
II. HỖ TRỢ VÀ TRỢ CẤP				
2.1. Hỗ trợ đào tạo nghề/ tạo việc làm	***Người bị ảnh hưởng mất đất sản xuất***	Người sử dụng đất có quyền sử dụng hợp pháp hoặc có thể hợp pháp hóa quyền sử dụng đất trực tiếp tham gia vào các hoạt động sản xuất nông nghiệp	▪ Cung cấp đào tạo nghề và hỗ trợ thay đổi nghề nghiệp cho các hộ gia đình trực tiếp canh tác trên đất nông nghiệp bị ảnh hưởng (có xác nhận của chính quyền địa phương), với mức hỗ trợ gấp 2,5 lần giá bồi thường của đất nông nghiệp bị ảnh hưởng cho toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi, nhưng diện tích đất được hỗ trợ không được vượt quá giới hạn bàn giao đất nông nghiệp địa phương. ▪ Trường hợp hộ gia đình yêu cầu đào tạo nghề, họ sẽ được nhận vào trung tâm dạy nghề của thành phố và sẽ được cung cấp một khóa đào tạo nghề miễn phí cho những người trong độ tuổi lao động	
2.2. Hỗ trợ ổn định đời sống cho những hộ BAH nặng	***Hộ BAH nặng (≥20% hoặc ≥10% đối với nhóm dễ bị tổn thương)***	Người sử dụng đất bất kể tình trạng pháp lý đối với đất	Ngoài các khoản hỗ trợ như áp dụng với mục 2.1.1 của Ma trận này, những người BAH nặng về đất nông nghiệp như quy định dưới đây sẽ được nhận một khoản hỗ trợ ổn định đời sống (trong thời gian chuyển tiếp) bằng tiền mặt tương đương 30 kg gạo/khẩu/tháng, cụ thể: (i) Người BAH bị mất từ 20% đến 70% đất nông nghiệp (hoặc từ 10% đến 70% đối với các nhóm dễ bị tổn thương và người nghèo) sẽ được hỗ trợ trong 6 tháng	▪ Giá gạo được tính theo giá thị trường tại thời điểm bồi thường

Loại ảnh hưởng/tác động	Trường hợp áp dụng		Quyền lợi được hưởng	Bố trí thực hiện
	Mức độ BAH	**Người đủ điều kiện hưởng lợi**		
			nếu không phải di dời, và trong 12 tháng nếu phải di dời. Trong một số trường hợp đặc biệt, ở các vùng có điều kiện kinh tế khó khăn đặc biệt, mức hỗ trợ tối đa là 24 tháng; (ii) Người BAH bị mất trên 70% đất nông nghiệp sẽ được hỗ trợ trong 12 tháng nếu không phải di dời và trong 24 tháng nếu phải di dời. Trong một số trường hợp đặc biệt, ở các vùng có điều kiện kinh tế khó khăn đặc biệt, mức hỗ trợ tối đa là 36 tháng;	
2.3. Hỗ trợ tái định cư	Hộ phải di dời đi nơi khác hoặc các hộ phải xây dựng lại nhà ngay trên đất cũ	*Người BAH phải di dời bất kể tình trạng sở hữu đất*	▪ Hỗ trợ ổn định cuộc sống tương đương 30 kg gạo theo giá thị trường tại thời điểm bồi thường cho các nhân khẩu của hộ bị ảnh hưởng trong thời gian 6 tháng. <u>Hỗ trợ thuê nhà ở</u> Trường hợp hộ gia đình có từ 01 đến 03 nhân khẩu: Mức hỗ trợ tiền thuê nhà = Mức lương cơ sở do Luật pháp Việt Nam quy định tại thời điểm hỗ trợ X 06 tháng. Trường hợp hộ gia đình có từ 04 nhân khẩu trở lên: Mức hỗ trợ tiền thuê nhà = Số lượng nhân khẩu/hộ gia đình x 0,3 lần mức lương cơ sở do Luật pháp Việt Nam quy định tại thời điểm hỗ trợ x 06 tháng. Các hộ di dời sẽ được hỗ trợ tái định cư bằng tiền mặt để di dời đến nơi ở mới với mức hỗ trợ là 8.000.000đ/hộ; nếu di chuyển sang tỉnh khác, có đơn xin chuyển của hộ gia đình và xác nhận của chính quyền địa phương nơi chuyển đến thì	▪ Tiền thuê nhà phải đảm bảo đủ để hộ bị ảnh hưởng thuê nơi ở tại địa phương. Trong trường hợp đến thời điểm bàn giao đất cho dự án mà hộ bị ảnh hưởng vẫn chưa được cấp lô đất trong khu tái định cư thì hộ bị ảnh hưởng sẽ được hỗ trợ tiền thuê nhà. ▪ Thành viên hộ gia đình đủ điều kiện được trợ cấp tiền thuê nhà là tất cả những người có tên trong sổ hộ khẩu do cơ quan cảnh sát cấp tại thời điểm thu hồi đất

Loại ảnh hưởng/tác động	Trường hợp áp dụng		Quyền lợi được hưởng	Bố trí thực hiện
	Mức độ BAH	**Người đủ điều kiện hưởng lợi**		
			được hỗ trợ 10.000.000đ/hộ. Trường hợp nhân khẩu từ 10 người trở lên cùng chung sống trong một nhà (trong cùng sổ hộ khẩu) thì được hỗ trợ bằng 1,5 lần mức hỗ trợ nêu trên. Bồi thường bằng tiền mặt cho toàn bộ diện tích đất ở bị thu hồi với 100% giá thay thế cộng với khoản hỗ trợ tái định cư theo quy định của UBND tỉnh để họ tự di chuyển.	▪ Các hỗ trợ cụ thể được quy định chi tiết cho từng trường hợp áp dụng là các hộ di dời đi nơi khác hay các hộ phải xây dựng nhà ngay trên đất cũ.
Hỗ trợ đối với các trường hợp mất nguồn thu nhập và/hoặc kinh doanh	**Mất nguồn thu nhập và sinh kế do tái định cư**	Chủ sở hữu cơ sở kinh doanh bị ảnh hưởng và người lao động trong cơ sở sản xuất, kinh doanh bất kể tình trạng đăng ký kinh doanh	(i) Đối với các doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh bị gián đoạn kinh doanh sẽ được bồi thường tiền mặt bằng 30% thu nhập sau thuế của 01 năm; (ii) Đối với các doanh nghiệp không có giấy phép kinh doanh nhưng đã thực hiện nghĩa vụ thuế sẽ được bồi thường, hỗ trợ tương đương 50% mức hỗ trợ đối với doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh. (iii) Đào tạo nghề cho tất cả các nhân khẩu trong độ tuổi lao động nếu nguồn thu nhập chính của họ phụ thuộc vào kinh doanh bị ảnh hưởng. Trợ cấp ngưng việc: Người lao động trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh bị ảnh hưởng có hợp đồng lao động được nhận trợ cấp tương đương với mức lương tối thiểu theo quy định trong thời gian chuyển đổi tối đa là 6 tháng và hỗ trợ tối thiểu 3 tháng lương đối với người lao động không có hợp đồng lao động.	▪ Tính toán các khoản hỗ trợ theo thu nhập bình quân một năm của 3 năm liền trước có xác nhận của cơ quan thuế.

Loại ảnh hưởng/tác động	Trường hợp áp dụng		Quyền lợi được hưởng	Bố trí thực hiện
	Mức độ BAH	**Người đủ điều kiện hưởng lợi**		
2.4. Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích	**Đất công ích của xã, phường, thị trấn bị thu hồi**	Xã, phường, thị trấn bị ảnh hưởng	Không bồi thường đối với đất nhưng hỗ trợ tiền mặt tương đương 100% khoản tiền bồi thường cho đất bị thu hồi.	▪ Tiền hỗ trợ sẽ được chuyển vào tài khoản của xã dự án và được sử dụng để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng, sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn theo như quy định tại Điều 24 của Nghị định 47/2014/NĐ-CP. ▪ UBND tỉnh quyết định mức hỗ trợ.
2.5. Hỗ trợ nhóm dễ bị tổn thương	***2.5.1 Trợ cấp/hỗ trợ cho các hộ dễ bị tổn thương***	Các nhóm dễ bị tổn thương không kể mức độ tác động.	▪ <u>Đối với các hộ gia đình không có đất:</u> hỗ trợ thông qua việc cung cấp một căn hộ theo hình thức mua hoặc thuê để ở (tùy theo sự lựa chọn của người BAH). Hỗ trợ bổ sung sẽ được xem xét nếu cần thiết để đảm bảo hộ dễ bị tổn thương có thể phục hồi sinh kế. ▪ <u>Các hộ gia đình chính sách phải di dời:</u> các hộ gia đình BAH là các hộ có bà mẹ anh hùng, anh hùng lực lượng vũ trang. anh hùng lao động, cựu chiến binh, thương binh hoặc liệt sĩ; sẽ được hỗ trợ theo quy định của UBND tỉnh cho mỗi hộ gia đình. ▪ <u>Đối với các hộ nghèo</u>: a) Hộ nghèo phải di dời, hộ nghèo mất từ 10% diện tích đất sản xuất trở lên sẽ được hỗ trợ như đã nêu ở trên. Hộ	▪ Các nhóm dễ bị tổn thương được định nghĩa trong phần "các thuật ngữ". ▪ .

Loại ảnh hưởng/tác động	Trường hợp áp dụng		Quyền lợi được hưởng	Bố trí thực hiện
	Mức độ BAH	Người đủ điều kiện hưởng lợi		
			nghèo mất dưới 10% diện tích đất sẽ được hỗ trợ bằng tiền mặt theo chính sách của tỉnh. b) Các hộ nghèo BAH khác: được hỗ trợ bằng tiền mặt theo chính sách của tỉnh. ▪ Các nhóm dễ bị tổn thương khác: Gồm nữ chủ hộ có người phụ thuộc, hộ gia đình có người tàn tật, người già không có nguồn hỗ trợ sẽ được hỗ trợ giống như những hộ nghèo BAH khác theo chính sách của tỉnh hoặc hỗ trợ bằng tiền tương đương với 30 kg gạo/khẩu/tháng trong vòng 6 tháng, tùy theo mức hỗ trợ nào cao hơn thì áp dụng mức hỗ trợ đó.	
	2.5.2 Bàn giao mặt bằng đúng tiến độ	Hộ bị ảnh hưởng dọn ra khỏi vùng đất bị ảnh hưởng đúng tiến độ	Tiền thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ: Tất cả các hộ bị ảnh hưởng bàn giao đất bị ảnh hưởng đúng theo kế hoạch sau khi nhận đủ tiền bồi thường và trợ cấp sẽ được trợ cấp ưu đãi tùy theo quy định của mỗi địa phương.	
	2.5.3 Các trợ cấp, hỗ trợ bổ sung (nếu cần)	Tất cả các hộ bị ảnh hưởng không kể tình trạng pháp lý sử dụng đất	▪ Những người BAH bị mất nguồn thu nhập sẽ được tham gia trong các chương trình phục hồi thu nhập. Các biện pháp phục hồi thu nhập cũng như các dịch vụ khuyến nông, đào tạo và tạo nghề, tiếp cận tín dụng và giao đất phi nông nghiệp cho kinh doanh hay hoạt động phi nông nghiệp và/hoặc các biện pháp khác phù hợp để đảm bảo cuộc sống của họ được phục hồi như trước khi có dự án. ▪ Ngoài các hỗ trợ nêu trên, căn cứ vào tình hình thực tế	▪ Chương trình phục hồi thu nhập và sinh kế được xây dựng kết hợp với chương trình của địa phương với sự hỗ trợ của các chuyên gia sinh kế. ▪ Chương trình hướng mục tiêu đến nhu cầu của cả nam giới và nữ giới.

Loại ảnh hưởng/tác động	Trường hợp áp dụng		Quyền lợi được hưởng	Bố trí thực hiện
	Mức độ BAH	**Người đủ điều kiện hưởng lợi**		
			UBND tỉnh có thể xem xét quyết định các biện pháp hỗ trợ khác để đảm bảo ổn định đời sống, sản xuất và sinh kế cho người BAH.	
III - ẢNH HƯỞNG DO THU TRƯNG DỤNG ĐẤT TẠM THỜI TRONG GIAI ĐOẠN THI CÔNG				
3.1. Ảnh hưởng đất tạm thời	**Đất/tài sản trên đất mà Dự án dự kiến sử dụng làm mặt bằng thi công tạm thời**	Chủ sở hữu hay người sử dụng bị ảnh hưởng tạm thời đất/tài sản trên đất	▪ Không bồi thường đối với đất nhưng bồi thường tài sản trên đất theo giá thay thế và bồi thường thu nhập bị mất trong thời gian chiếm dụng.	Phục hồi đất về nguyên trạng trước khi trả lại cho người BAH
3.2. Ảnh hưởng phát sinh trong quá trình thi công	**Các công trình kiến trúc của tư nhân hoặc công cộng phát sinh trong quá trình thi công**	Chủ sở hữu hay người sử dụng công trình bị ảnh hưởng	▪ Tài sản bị hư hại sẽ được nhà thầu thi công chịu toàn bộ chi phí để khôi phục ngay lập tức về nguyên trạng càng sớm càng tốt. Trong trường hợp không thể khôi phục nguyên trạng thì bồi thường cho tài sản bị thiệt hại theo chính sách trong Kế hoạch hành động tái định cư.	▪ Trong trường hợp ảnh hưởng đến kinh doanh của người bị ảnh hưởng, các nhà thầu phải thỏa thuận với các hộ gia đình bồi thường/hỗ trợ cho việc gián đoạn kinh doanh. ▪ Theo những điều khoản cụ thể trong Hợp đồng xây lắp, nhà thầu được yêu cầu phải hết sức cẩn thận để tránh làm hư hại tài sản khi thực hiện các hoạt động thi công.

PHẦN 7. CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI THU NHẬP

7.1. Mục tiêu

117. Mục tiêu của Chương trình là giúp các hộ BAH, đặc biệt là các hộ BAH nặng, có thể khôi phục thu nhập và phục hồi cuộc sống ít nhất bằng hoặc cao hơn so với trước khi có dự án.

7.2. Đối tượng tham gia chương trình

118. Đối tượng tham gia chương trình phục hồi thu nhập là những hộ gia đình ảnh hưởng nặng bởi dự án: (i) bị thu hồi trên 20% diện tích đất sản xuất nông nghiệp hiện có (trên 10% diện tích đất nông nghiệp hiện có đối với hộ thuộc nhóm dễ bị tổn thương); (ii) hộ kinh doanh bị di dời. Kết quả kiểm đếm sơ bộ tài sản bị ảnh hưởng của các hộ đã xác định có 626 hộ đủ điều kiện tham gia vào chương trình phục hồi thu nhập.

7.3. Các hoạt động của chương trình

119. Với dự án phát triển thành phố Yên Bái, việc thực hiện triển khai xây dựng các hạng mục bổ sung của dự án sẽ thu hồi vĩnh viễn 621.634 m^2, trong đó 501.539 m^2 là đất nông nghiệp gây ảnh hưởng nhiều đến đời sống của các hộ nông dân, đặc biệt là các hộ thuần nông. Do đó, bên cạnh chính sách bồi thường đầy đủ cho đất, công trình, tài sản bị ảnh hưởng theo chi phí thay thế còn áp dụng các hình thức hỗ trợ sau:

Hỗ trợ đào tạo nghề và hướng nghiệp bằng tiền: đối với các hộ bị ảnh hưởng do thu hồi đất nông nghiệp hỗ trợ 2,5 lần giá đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi.

120. Áp dụng đối với người trong độ tuổi lao động bị ảnh hưởng trực tiếp sản xuất nông nghiệp nêu trên và có nhu cầu học nghề, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm, vay vốn tạo việc làm theo Quyết định số 52/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm:

Hỗ trợ đào tạo nghề:

- Hỗ trợ chi phí đào tạo nghề như tham gia khóa học: (i) Khóa học nghề ngắn hạn (trình độ sơ cấp hoặc dạy nghề dưới 3 tháng) theo Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 của Chính phủ; (ii) Học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng.
- Đồng thời được hỗ trợ vay vốn tín dụng đối với học sinh, sinh viên theo quy định hiện hành.

Hỗ trợ tạo việc làm trong nước:

- Tư vấn học nghề, tư vấn giới thiệu việc làm miễn phí tại các Trung tâm Giới thiệu việc làm trực thuộc sở Lao động – Thương binh và xã hội tỉnh Yên Bái;

121. Giới thiệu việc làm: Dự án sẽ ưu tiên bố trí việc làm cho người có khả năng kể cả nam và nữ trong quá trình xây dựng và vận hành dự án như: Dự án sẽ xem xét ưu tiên cho những hộ di dời làm công nhân trong quá trình xây dựng các hạng mục của công trình…

122. Tổ chức thực hiện: Song song với việc phổ biến các thông tin về dự án, công bố, niêm yết công khai các thông tin liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có) và giải phóng mặt bằng thì Dự án cũng sẽ lồng ghép để phổ biến thông tin về chương trình đào tạo tới người bị ảnh hưởng, lấy nguyện vọng phát sinh thêm hoặc có sự thay đổi so với đợt tham vấn về hỗ trợ chuyển đổi việc làm, từ phía người dân; từ đó, lên danh sách các học viên đăng ký tham gia các khóa đào tạo khác nhau thuộc chương trình đạo tạo của Trường Cao đẳng Nghề Yên Bái. Danh sách học viên này sẽ được chuyển về trường Cao đẳng Nghề Yên Bái cùng với

kinh phí đào tạo nhằm đáp ứng nguyện vọng học nghề, chuyển đổi nghề của các hộ bị ảnh hưởng do thu hồi đất phục vụ dự án.

7.4. Cơ quan thực hiện

123. Trách nhiệm của các cơ quan tổ chức trong việc thực hiện chương trình phục hồi thu nhập bao gồm:

- UBND tỉnh Yên Bái: Xem xét, chỉ đạo và phê duyệt chương trình.
- Sở LĐTB&XH: Chịu trách nhiệm giám sát thường xuyên chương trình phục hồi thu nhập và tham gia trong việc xem xét nội dung chương trình;
- Sở NN&PTNT, các trung tâm đào tạo nghề, ngân hàng NN&PTNT, ngân hàng chính sách xã hội có trách nhiệm hỗ trợ tập huấn, đào tạo nghề, cho vay vốn sản xuất cho các hộ BAH;
- Các Hội đoàn thể (Hội nông dân, Hội liên hiệp phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên) có trách nhiệm giúp đỡ hội viên của mình tham gia hiệu quả vào chương trình phục hội thu nhập của dự án;
- Tư vấn giám sát độc lập: Có trách nhiệm hỗ trợ, đề xuất chương trình khi có sự thay đổi và những nội dung chưa phù hợp trong quá trình thực hiện;
- Ban QLDA: Có trách nhiệm thực hiện và báo cáo kết quả tiến độ cho UBND tỉnh và NHTG.

7.5. Kinh phí thực hiện

124. Dự toán kinh phí thực hiện Chương trình phục hồi thu nhập là 6.983.763.000 đồng cho 626 hộ bị ảnh hưởng và 166 nhân khẩu có mong muốn tham gia vào các khóa học nghề ngắn hạn (3 tháng/ khóa học).

125. Ngân sách thực hiện chương trình phục hồi thu nhập được trích từ dòng vốn đối ứng của tỉnh Yên Bái (Đề xuất ngân sách trung ương hỗ trợ 80% vốn đối ứng, 20% tổng vốn đối ứng sẽ do tỉnh Yên Bái cân đối bố trí.

7.6. Kế hoạch thực hiện

126. Dự kiến chương trình phục hồi thu nhập sẽ được triển khai sau khi thực hiện chi trả bồi thường cho hộ bị ảnh hưởng. Tiến độ công việc tóm tắt trong bảng sau.

Bảng 4: Tiến độ dự kiến thực hiện chương trình phục hồi thu nhập

Hoạt động	**Thời gian thực hiện**											
	Quý III/2019			**Quý IV/2019**			**Quý I/2020**			**Quý II/2020**		
Đán giá nhu cầu đối với chương trình phục hồi thu nhập												
Chuẩn bị báo cáo phục hồi thu nhập trình lên UBND tỉnh và WB chấp thuận												
Triển khai chương trình phục hồi thu nhập												
Giám sát và đánh giá												

7.7. Giám sát đánh giá

127. Chương trình phục hồi thu nhập sẽ được tổ chức giám sát thường xuyên bởi Ban QLDA và tư vấn giám sát đánh giá độc lập 6 tháng 1 lần tính từ lúc triển khai cho đến khi chương trình kết thúc. Mục tiêu của giám sát và đánh giá là nhằm xem xét hiệu quả thực hiện các hoạt động của chương trình để kịp thời đề xuất điều chỉnh hoạt động đáp ứng mục tiêu của chương trình. Nội dụng giám sát và đánh giá bao gồm:

- Giám sát và đánh giá công tác tổ chức bộ máy thực hiện chương trình;
- Giám sát và đánh giá mức độ phù hợp và hiệu quả của chương trình thông qua thu thập thông tin thứ cấp cơ quan đơn vị tham gia tổ chức thực hiện và phỏng vấn đối tượng hưởng thụ;
- Đánh giá mức độ phục hồi thu nhập thông qua phỏng vấn định tính và định lượng qui mô hộ gia đình tham gia chương trình;
- Đúc rút bài học kinh nghiệm quá trình tổ chức thực hiện chương trình để phổ biến nhân rộng.

PHẦN 8: CHUẨN BỊ TÁI ĐỊNH CƯ

8.1. Nguyên tắc lựa chọn tái định cư

128. Người bị ảnh hưởng của dự án chủ yếu hiện sinh sống trong khu vực đô thị nên địa điểm tái định cư mới cần đảm bảo đem lại các cơ hội tương đương về nghề nghiệp, cơ sở hạ tầng, và sản xuất. Tuy nhiên, quan trọng hơn là người bị ảnh hưởng bởi dự án chấp nhận địa điểm đó thông qua quá trình tham vấn. Bởi vậy, việc tham vấn người bị ảnh hưởng khi trong quá trình chuẩn bị khu tái định cư là một yếu tố quan trọng. Sự tham vấn hiệu quả sẽ làm giảm các xung đột và sự căng thẳng không cần thiết. Địa điểm tái định cư được xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch, tiêu chuẩn xây dựng cho khu đô thị và hạ tầng cơ bản, được xây dựng trước khi người bị ảnh hưởng chuyển đến. Và, khu tái định cư sẽ được lựa chọn đặt càng gần nơi ở cũ của những người tái định cư càng tốt.

129. Khu tái định cư được lựa chọn tại vị trí phù hợp, thuận tiện cho các hộ dân

8.2. Phát triển khu tái định cư

8.2.1. Đánh giá nhu cầu tái định cư của dự án

130. Theo kết quả điều tra, tổng số hộ di dời và tái định cư của dự án là 115 hộ. Họ đều đủ điều kiện tái định cư trong khu tái định cư của dự án. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra khảo sát có những hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi và có nhu cầu tách hộ. Do đó, thành phố bố trí thêm nhà ở tái định cư cho từng hộ trong ra đình. Ngoài ra, nếu diện tích thu hồi lớn hoặc diện tích còn lại không đủ xây dựng, người bị ảnh hưởng sẽ được nhận lô đất tái định cư. Bảng dưới đây tổng hợp nhu cầu tái định cư dự án

Bảng 15: Nhu cầu tái định cư theo từng hạng mục của dự án

TT	Hạng mục	Số hộ phải tái định cư	Tự tái định cư	Tái định cư tập trung		
				Số hộ	Tách khẩu	Tổng
1	Hạng mục 1: Giảm thiểu ngập lụt và an toàn đô thị	51	20	31	29	60
2	Hạng mục 2: Cải thiện giao thông đô thị, tăng cường kết nối	64	26	38	38	76
3	Hạng mục 3: Tái định cư	0	0	0	0	0
	Tổng	**115**	**46**	**69**	**67**	**136**

8.2.2. Tham vấn cộng đồng về khu Tái định cư

131. Tham vấn được thực hiện với cộng đồng nói chung và các hộ bị ảnh hưởng có khả năng phải di dời nói riêng tại 7 cuộc họp tham vấn tại 7 phường/xã từ ngày 13/4 – 3/5/2017.

132. Một trong những nội dung tập trung là việc tham vấn với chính quyền địa phương và người bị ảnh hưởng về 3 khu tái định cư dự kiến của dự án.

+ Khu tái định cư 1 (Phường Yên Ninh): diện tích 1,6 ha. Dự kiến tái định cư cho các hộ bị ảnh hưởng trên tuyến kè suối Khe Dài, Kè suối Hào Gia, Đường nối từ đường Điện Biên đến đường nối cầu Bách Lẫm đến cầu Văn Phú.

+ Khu tái định cư 2 (xã Văn Phú): diện tích 0,3652 ha. Dự kiến tái định cư cho các hộ bị ảnh hưởng trên tuyến đường nối Cầu Bách Lẫm đến cầu Văn Phú

+ Khu tái định cư 3 (xã Tân Thịnh): diện tích 0,4406 ha. Dự kiến tái định cư cho các hộ bị ảnh hưởng trên tuyến đường nối từ đường Nguyễn Tất Thành đến nút giao với đường Âu Cơ

+ Khu tái định cư 4 (Phường Yên Ninh): diện tích 0,3963 ha. Dự kiến tái định cư cho các hộ bị ảnh hưởng trên tuyến đường nối từ cầu Bách Lẫm đến cầu Văn Phú

+ Khu tái định cư 5 (Phường Yên Ninh): diện tích 0,3015 ha. Dự kiến tái định cư cho các hộ bị ảnh hưởng trên tuyến đường nối từ cầu Bách Lẫm đến cầu Văn Phú

133. Khi được hỏi về các khu tái định cư đề xuất cho các hộ di dời 100% các hộ được hỏi hài lòng với khi tái định cư được đề xuất.

8.2.3. Xây dựng các khu Tái định cư

Có 136 hộ sẽ được di dời vào 5 khu tái định cư của dự án, các khu tái định cư được lựa chọn gần với vj trí đất thu hồi do đó các xáo trộn về mặt xã hội là không lớn, không gây ra sự quá tải cho các cơ sở hạ tầng xã hội (trường học, bệnh viện….). Diện tích đất thu hồi để xây dựng khu tái định cư là 30,976 m2, chính sách bồi thường áp dụng cho diện tích đất bị thu hồi thuộc khu tái định cư sẽ tuân thủ theo quy định của Kế hoạch tái định cư này. Khu tái định cư sẽ được xây dựng xong trước khi thu hồi đất. Dự kiến kinh phí xây dựng khu tái định cư theo thiết kế kỹ thuật là 1,45 triệu USD. Dưới đây là thông tin chi tiết cho từng khu tái định cư của dự án

***Khu tái định cư số 1:**

- Được bố trí tại vị trí khu đất đồi cao bên trái tuyến lý trình km 0+800.00m thuộc hạng mục: đường nối từ đường Điện Biên - đường nối cầu Bách Lẫm đến cầu Văn Phú. Số lô tái định cư: 64 lô với diện tích 160m2/1 lô. Chiều dài mặt đường L=8m, chiều sâu lô đất B=20m. Diện tích đất thu hồi để xây dựng khu tái định cư số 1 là: 16.030 m^2

- Đường vào khu vực tái định cư số 1 được thiết kế với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

+ Bề rộng nền đường Bnền = 12.00m.

+ Bề rộng mặt đường Bmặt = 6.00m.

+ Bề rộng vỉa hè Bvh = (3.00mx2) = 6.00m.

+ Mái ta luy đào 1/1.00, mái ta luy đắp 1/1.5.

+ Rãnh dọc đào trần tiết diện hình thang B=1.00m.

+ Kết cấu mặt đường BTXM M300 dày 18cm

+ Lót giấy dầu

+ Móng đường CPĐD loại 1 dày 15cm.

+ Rãnh thoát nước bằng bê tông xi măng M150 dày 15cm có thiết kế tấm đậy hoàn chỉnh

+ Viên bó vỉa bằng bê tông xi măng M200

+ Kết cấu vỉa hè được lát bằng gạch Block tự chèn M200.

- Thiết kế hệ thống cây xanh, điện chiếu sáng và nước sinh hoạt.

- Có bố trí hệ thống rãnh đào trần tiết diện hình thang B=1.00m chạy xung quanh chân ta luy mặt bằng để thoát nước mái ta luy.

- Có bố trí lô đất dự phòng xây nhà văn hóa, khu vui chơi công cộng.

***Khu tái định cư số 2:**

- Được bố trí tại khu đồi tại ngã ba đường Lê lợi cách 100m vị trí cuối tuyến thuộc hạng mục: Đường nối cầu Bách Lẫm - cầu Văn Phú về phía cầu Văn Phú. Số lô tái định cư: 15 lô với diện tích 160m2/1 lô. Chiều dài mặt đường L=8m, chiều sâu lô đất B=20m. Bề rộng hành lang B=6m (Chưa tính phạm vi rãnh dọc B=1.00m). Diện tích đất thu hồi để xây dựng khu tái định cư số 2 là: 3.562 m^2

- Thiết kế hệ thống điện chiếu sáng và nước sinh hoạt đầy đủ.

- Có bố trí hệ thống rãnh đào trần tiết diện hình thang B=1.00m chạy xung quanh chân ta luy mặt bằng để thoát nước mái ta luy.

***Khu tái định cư số 3:**

- Được bố trí dọc bên trái tuyến thuộc hạng mục: Đường nối QL 70 – Cao tốc Nội Bài Lào Cai đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến nút giao với đường Âu Cơ. Lý trình Km0+750m tại vị trí khu đất đồi rừng. Số lô tái định cư: 18 lô với diện tích 160m2/1 lô. Chiều dài mặt đường L=8m, chiều sâu lô đất B=20m. Diện tích đất thu hồi để xây dựng khu tái định cư số 3 là: 4.406 m^2

- Thiết kế hệ thống điện chiếu sáng và nước sinh hoạt đầy đủ.

- Có bố trí hệ thống rãnh đào trần tiết diện hình thang B=1.00m chạy xung quanh chân ta luy mặt bằng để thoát nước mái ta luy.

***Khu tái định cư số 4:**

- Được bố trí tại vị trí bên trái tuyến km 0+250m, đường nối cầu Bách Lẫm - cầu Văn Phú. Số lô tái định cư: 22 lô với diện tích 160m2/1 lô. Chiều dài mặt đường L=8m, chiều sâu lô đất B=20m. Diện tích đất thu hồi để xây dựng khu tái định cư số 4 là: 3.963 m^2

- Thiết kế hệ thông điện chiếu sáng và nước sinh hoạt đầy đủ.

- Có bố trí hệ thống rãnh đào trần tiết diện hình thang B=1.00m chạy xung quanh chân ta luy mặt bằng để thoát nước mái ta luy.

***Khu tái định cư số 5:**

- Được bố trí tại vị trí bên trái tuyến km 1+150m, đường nối cầu Bách Lẫm - cầu Văn Phú. Số lô tái định cư: 17 lô với diện tích 160m2/1 lô. Chiều dài mặt đường L=8m, chiều sâu lô đất B=20m. Diện tích đất thu hồi để xây dựng khu tái định cư số 5 là: 3.015m^2

- Thiết kế hệ thống điện chiếu sáng và nước sinh hoạt đầy đủ.

- Có bố trí hệ thống rãnh đào trần tiết diện hình thang B=1.00m chạy xung quanh chân ta luy mặt bằng để thoát nước mái ta luy.

8.2.4. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSDĐ)

134. Theo qui định của Việt Nam, đối với hộ được bố trí lô đất TĐC trong các khu TĐC tại thành phố Yên Bái, UBND thành phố sẽ cấp giấy CNQSDĐ cho những hộ được giao đất tại khu tái định cư của thành phố Yên Bái. Giấy CNQSDĐ là tài liệu pháp lý kh ẳng định sử dụng hợp pháp đất được qui định trong Luật đất đai mới 2013

PHẦN 9: SỰ THAM GIA VÀ THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

9.1. Mục tiêu của phổ biến thông tin và tham vấn cộng đồng

135. Công bố thông tin: Ngân hàng Thế giới yêu cầu phải cung cấp đầy đủ thông tin về những rủi ro và tác động tiềm ẩn của dự án tới những người dự án bị ảnh hưởng dưới hình thức và ngôn ngữ dễ hiểu đối với người bị ảnh hưởng bởi dự án và các bên liên quan của dự án và công khai ở nơi dễ tiếp cận và phổ biến kịp thời để người bị ảnh hưởng có ý kiến phản hồi ý nghĩa đối với phương án thiết kế và biện pháp giảm thiểu tác động của dự án.

136. Tham vấn và tham gia: Ngân hàng Thế giới yêu cầu Chủ Dự án phải tiếp xúc với những người bị ảnh hưởng bởi dự án thông qua công bố thông tin, tham vấn vấn và tham gia cung cấp thông tin. Tùy thuộc vào tính chất của dự án, công tác tham vấn và tham gia của các bên liên quan của dự án cần được thực hiện theo cách thức phù hợp để tránh những rủi ro và tác động của dự án đến người bị ảnh hưởng bởi dự án. Trong trường hợp người dân tộc thiểu số sinh sống trong khu vực dự án, cần tiến hành Tham vấn tự do, trước và cung cấp thông tin với người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng bởi dự án theo cách thức phù hợp với văn hoá của họ.

9.2. Cơ chế phổ biến Thông tin, Tham vấn và Tham gia của Cộng đồng

9.2.1. Tham vấn cộng đồng trong giai đoạn chuẩn bị dự án

Trong giai đoạn chuẩn bị dự án:

137. Trong giai đoạn này, một Kế hoạch Hành động TĐC cho từng tỉnh tham gia dự án sẽ được chuẩn bị trên cơ sở thông tin sơ bộ về mức độ tác động, nguyên tắc chính về bồi thường, ý kiến phản hồi sơ bộ của các hộ bị ảnh hưởng. Như vậy, trong giai đoạn đầu chuẩn bị dự án, các thông tin sau sẽ được phổ biến cho các hộ bị ảnh hưởng và các bên liên quan của dự án:

- Mô tả dự án và mục tiêu của dự án
- Thông tin tóm tắt về nhà tài trợ dự án (Ngân hàng Thế giới)
- Quy trình và phương pháp tham vấn
- Thời gian thực hiện dự án dự kiến
- Đề cương các tác động xã hội tiềm ẩn
- Nguyên tắc hiện hành về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và khôi phục sinh kế (Chính sách OP 4.12 của NHTG về Tái định cư không tự nguyện).
- Các biện pháp giảm thiểu
- Các vấn đề tham vấn chính

138. Trong quá trình chuẩn bị dự án tiến hành, thông tin chi tiết liên quan đến dự án sẽ được phổ biến, như thông tin về thiết kế kỹ thuật, quy hoạch cơ sở hạ tầng trong khu tái định cư, chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, và chương trình phục hồi sinh kế. Sau khi có đủ thông tin, những thông tin chi tiết này cần được phổ biến cho các hộ bị ảnh hưởng thông qua tham vấn và tham gia của người bị ảnh hưởng để họ có những ý kiến phản hồi ý nghĩa nhằm điều chỉnh và đưa ra phương án bồi thường và chương trình phục hồi thu nhập.

139. Khi bản dự thảo RAP chuẩn bị xong, Bản dự thảo RAP sẽ được thông qua bởi UBND tỉnh và Ngân hàng Thế giới và công bố bằng tiếng Anh tại cổng thông tin và trang web công khai của Ngân hàng Thế giới và Bản dự thảo RAP bằng tiếng Việt sẽ được công bố tại văn phòng Ban QLDA và trụ sở UBND phường/xã và cộng đồng bị ảnh hưởng. Tất cả những thay đổi của RAP sẽ được rà soát lại và công khai theo cách tương tự.

Nội dung tham vấn

140. Từ tháng 4 năm 2017, các cuộc tham vấn cộng đồng đã được thực hiện để thông báo và tham khảo ý kiến với người dân địa phương và cộng đồng về chính sách của dự án và quyền lợi của người dân. Các chương trình cụ thể được mô tả như sau:

Bảng 16:Tham vấn cộng đồng về thu hồi đất và tái định cư

TT	Địa bàn	Thời gian tham vấn lần 1	Thời gian tham vấn lần 2	Thành phần tham dự	Nội dung/Chương trình
1	UBND phường Minh Tân	Ngày 13/04	Ngày 15/8	- Đại diện chính quyền địa phương và các hội/đoàn thể địa phương: Hội nông dân, Hội phụ nữ, Mặt trận tổ quốc, Đoàn thanh niên… - Đại diện các hộ bị ảnh hưởng bởi dự án - Đại diện Ban QLDA - Đại diện đơn vị tư vấn	1. Giới thiệu dự án - Giới thiệu về dự án (mục tiêu, vị trí, quy mô và kế hoạch của dự án…); - Các đề xuất kỹ thuật của dự án; Các hạng mục/ công trình thực hiện tại địa bàn phường/xã ; - Chính sách liên quan đến vấn đề bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng/ tái định cư của Luật pháp Việt Nam, Ngân hàng Thế giới và của Dự án. 2. Tham vấn ý kiến cộng đồng về vấn đề tái định cư.
2	UBND phường Nam Cường	Ngày 19/04	Ngày 7/8		
3	UBND xã Văn Phú	Ngày 27/4	Ngày 10/8		
4	UBND phường Đồng Tâm	Ngày 27/04	Ngày 14/8		
5	UBND phường Yên Ninh	Ngày 27/04	Ngày 15/8		
6	UBND xã Tân Thịnh	Ngày 2/5	Ngày 13/8		
7	UBND xã Yên Thịnh	Ngày 3/5	Ngày 8/8		

Nguồn: Khảo sát tái định cư năm 2017

141. Kết quả họp tham vấn cộng đồng với người dân trong khu vực dự án cho thấy trong khu vực dự án người dân tham gia khá tích cực phát biểu ý kiến của mình vào việc thực hiện các hạng mục của dự án. Kết quả họp tham vấn cộng đồng ở các phường/xã trong khu vực dự án được trình bày cụ thể trong bảng dưới đây:

Bảng 17: Kết quả họp tham vấn cộng đồng tại khu vực dự án

STT	Hợp phần/Công trình	Ý kiến của cộng đồng	Ý kiến phản hồi từ dự án	Kết luận
I	**Hạng Mục 1: Giảm thiểu ngập lụt và an toàn đô thị**			
1	Xây dựng kè chống lũ suối Cầu Dài	- Ý kiến chung là người dân rất đồng tình về dự án và mong muốn dự án sớm triển khai - Người dân mong muốn dự án sẽ sớm triển khai, tránh dự án "treo". Nếu đã xin được vốn của ngân hàng thì nên đầu tư cải tạo đường làm hệ thống chiếu sáng, cấp thoát nước. - Để nghị bên dự án thực hiện chặt chẽ nhằm đảm bảo tiến độ chất lượng của dự án, người dân cũng phải được tham gia giám sát trong suốt quá trình thực hiện dự án. Ngoài ra phải có kế hoạch rõ ràng thông báo trước cho địa phương trước khi thực hiện. - Cần công khai chính sách bồi thường và hỗ trợ sớm đến các hộ dân để họ được biết các phương án bồi thường và có các cơ hội để lựa chọn	- Bên dự án sẽ tiếp thu những góp ý từ phía bà con và đưa ra phương án làm sao hạn chế nhất ảnh hưởng đến các hộ dân nhất có thể. - Trước tiến hành triển khai các công việc tại địa phương, tại cộng đồng phía dự án sẽ có thông báo cũng như bản kế hoạch triển khai công việc gửi xuống địa phương. - Bên dự án mong muốn bên chính quyền địa phương và người dân hợp tác, hỗ trợ phía dự án để dự án sớm hoàn thành đạt được tiến độ theo yêu cầu.	Các đại biểu tham gia họp tham vấn ở các phường dự án đều nhất trí ủng hộ việc thực hiện dự án
2	Xây dựng kè chống lũ suối Hào Gia	- Người dân rất mong dự án sẽ sớm thực hiện vì hiện nay khu vực bờ suối bị sạt lở, lòng suối bị thu hẹo ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát lũ vào mùa mưa - Cần thông báo kế hoạch và tiến độ thực hiện dự án để cho các hộ BAH được biết để bà con bố trí cây trồng cho phù hợp - Cần công bố chính sách bồi thường mà các	- Bên dự án sẽ tiếp thu những góp ý từ phía bà con và đưa ra phương án làm sao hạn chế nhất ảnh hưởng đến các hộ dân nhất có thể. - Trước tiến hành triển khai các công việc tại địa phương, tại cộng đồng phía dự án sẽ có thông báo cũng như bản kế hoạch triển khai công việc gửi xuống địa phương. - Bên dự án mong	- 100% các đại biểu tham gia họp tham vấn ở đại phương dự án đều thống nhất ủng hộ thực hiện dự án. Các hộ BAH sẵn sàng tham gia vào việc giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án

STT	Hợp phần/Công trình	Ý kiến của cộng đồng	Ý kiến phản hồi từ dự án	Kết luận
		hộ sẽ được nhận.	muốn bên chính quyền địa phương và người dân hợp tác, hỗ trợ phía dự án để dự án sớm hoàn thành đạt được tiến độ theo yêu cầu.	
1	Cải tạo 3 hồ sinh thái Nam Cường	- Ý kiến chung là người dân rất đồng tình về dự án và mong muốn dự án sớm triển khai - Cần thông báo kế hoạch và tiến độ thực hiện dự án để cho các hộ BAH được biết để bà con bố trí chỗ ở. - Cần thông báo về chính sách bồi thường cho các hộ BAH được biết và khu vực tái định cư đối với các hộ phải di dời - Cần bồi thường thỏa đáng cho các hộ BAH.	- Bên dự án sẽ tiếp thu những góp ý từ phía bà con và đưa ra phương án làm sao hạn chế nhất ảnh hưởng đến các hộ dân nhất có thể. - Trước tiến hành triển khai các công việc tại địa phương, tại cộng đồng phía dự án sẽ có thông báo cũng như bản kế hoạch triển khai công việc gửi xuống địa phương - Đối với các hộ BAH nặng phải di dời sẽ được bố trí đất TĐC tại khu TĐC của dự án.	- Các đại biểu tham gia họp tham vấn ở các phường dự án đều nhất trí ủng hộ việc thực hiện dự án
II	**Hạng mục 2: Cải thiện giao thông đô thị, tăng cường kết nối**			
2	Xây dựng đường nối từ đường Điện Biên đến đường nối Cầu Bách Lẫm – cầu Văn Phú	- Ý kiến chung là người dân rất đồng tình về dự án và mong muốn dự án sớm triển khai - Cần thông báo kế hoạch và tiến độ thực hiện dự án để cho các hộ BAH được biết để bà con bố trí chỗ ở. - Cần thông báo về chính sách bồi thường cho các hộ BAH được biết và khu vực tái định cư đối với các hộ phải di dời Cần bồi thường thỏa đáng cho các hộ BAH.	- Bên dự án sẽ tiếp thu những góp ý từ phía bà con và đưa ra phương án làm sao hạn chế nhất ảnh hưởng đến các hộ dân nhất có thể. - Trước tiến hành triển khai các công việc tại địa phương, tại cộng đồng phía dự án sẽ có thông báo cũng như bản kế hoạch triển khai công việc gửi xuống địa phương Đối với các hộ BAH nặng phải di dời sẽ được bố trí đất TĐC tại khu TĐC của dự án.	- Người dân đều đồng tình ủng hộ việc xây dựng tuyến đường nối từ đường Điện Biên đến đường nối cầu Bách Lẫm đến cầu Văn Phú. Các hộ BAH đều đồng ý tham gia vào việc giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án
1	Xây dựng đường nối từ Cầu Bách Lẫm đến cầu Văn	- Ý kiến chung là người dân rất đồng tình về dự án và mong muốn dự án sớm triển khai	- Trước tiến hành triển khai các công việc tại địa phương, tại cộng đồng phía dự án sẽ có thông báo cũng như bản kế	- Các hộ đều ủng hộ việc triển khai thực hiện dự án

STT	Hợp phần/Công trình	Ý kiến của cộng đồng	Ý kiến phản hồi từ dự án	Kết luận
	Phú	- Cần thông báo kế hoạch và tiến độ thực hiện dự án để cho các hộ BAH được biết để bà con bố trí chỗ ở. - Cần thông báo về chính sách bồi thường cho các hộ BAH được biết và khu vực tái định cư đối với các hộ phải di dời - Cần bồi thường thỏa đáng cho các hộ BAH.	hoạch triển khai công việc gửi xuống địa phương - Đối với các hộ BAH nặng phải di dời sẽ được bố trí đất TĐC tại khu TĐC của dự án. - Ngoài tiền bồi thường về đất và các tài sản trên đất, các hộ BAH sẽ được nhận thêm các khoản hỗ trợ khác như ổn định đời sống, chuyển đổi nghề nghiệp….	
	Xây dựng đường nối từ đường Nguyễn Tất Thành đến nút giao với đường Âu Cơ	- Cần có kế hoạch để bà con có kế hoạch trồng và thu hoạch nông sản hợp lý - Chính sách bồi thường, hỗ trợ phải hợp lý - Khu tái định cư không được quá xa và phải đảm bảo hạ tầng, vật chất như cuộc sống hiện tại của bà con.	- Trước tiến hành triển khai các công việc tại địa phương, tại cộng đồng phía dự án sẽ có thông báo cũng như bản kế hoạch triển khai công việc gửi xuống địa phương - Bên dự án sẽ tiếp thu những góp ý từ phía bà con và đưa ra phương án làm sao hạn chế nhất ảnh hưởng đến các hộ dân nhất có thể và đảm bảo ổn định cuộc sống bằng hoặc cao hơn hiện tại	-

9.2.2. Tham vấn cộng đồng trong giai đoạn thực hiện dự án

142. Trong giai đoạn thực hiện dự án, cần cung cấp nhiều thông tin hơn, như kết quả khảo sát giá thay thế, công tác chi trả bồi thường cập nhật, thiết kế chi tiết khu tái định cư và kế hoạch thực hiện tái định cư. Những thông tin này cần được công bố cho các hộ bị ảnh hưởng bằng các hình thức tương tự được áp dụng như trong giai đoạn chuẩn bị dự án. Đối với các hộ bị ảnh hưởng nặng như hộ phải di dời hoặc thay đổi công việc, những đối tượng này sẽ được tham vấn về các phương án tái định cư và biện pháp phục hồi sinh kế để giúp họ lựa chọn phương án bồi thường và tái định cư.

9.2.3. Phương pháp tham vấn

143. Xác định các bên liên quan của dự án là một trong những bước quan trọng trong hoạt động tham vấn. Trong phạm vi dự án này, các bên liên quan chính dưới đây sẽ được tham vấn:

- Các hộ gia đình bị ảnh hưởng;
- Các hộ gia đình không bị ảnh hưởng sống gần khu vực dự án;
- Đối tượng hưởng lợi tiềm năng của dự án

- Tổ trưởng tổ dân phố;
- Đại diện UBND xã/phường;
- Đại diện UBND huyện và các cơ quan hữu quan;
- Đại diện UBND tỉnh/thành phố và các sở, ban ngành liên quan
- Đại diện Chủ dự án;
- Đại diện của các tổ chức quần chúng, như Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, v.v.
- Các tổ chức phi chính phủ có liên quan.

144. Do mức độ tác động bất lợi đối với người có đất, các hoạt động kinh tế và sinh hoạt bị ảnh hưởng nên các nhóm bị ảnh hưởng, đặc biệt là các hộ bị ảnh hưởng nặng (bao gồm cả những gia đình thuộc diện tái định cư, các hộ từ 20% diện tích đất sản xuất trở lên) và những người dễ bị tổn thương sẽ được ưu tiên. Các cuộc tham vấn nên chú ý đến vấn đề giới để đảm bảo rằng phụ nữ được tham gia vào tất cả các cuộc tham vấn.

Phương pháp tham vấn

145. Các phương pháp chính sau đây cần được sử dụng để thúc đẩy truyền thông giữa các bên liên quan dự án: a) Các cuộc họp cộng đồng, b) Tờ rơi, c) Thảo luận nhóm tập trung; và d) phương tiện thông tin đại chúng như truyền hình, loa phát thanh. Các kỹ thuật trên được sử dụng với mục đích đảm bảo độ tin cậy và tính hợp lệ của thông tin phản hồi từ các bên liên quan dự án, đặc biệt là nhóm bị ảnh hưởng bởi dự án.

Nội dung tham vấn

146. Trong giai đoạn thiết kế chi tiết, sẽ tổ chức họp cộng đồng để cung cấp thông tin bổ sung cho người bị ảnh hưởng và tạo cơ hội cho họ tham gia thảo luận công khai chi tiết hơn về các phương án thiết kế, về chính sách và thủ tục tái định cư. Các thông tin này cũng sẽ được công bố rộng rãi thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (như báo, đài, các bảng áp phích tại khu vực dự án, UBND phường/xã…). Người bị ảnh hưởng phải được cung cấp các thông tin sau:

- Hạng mục dự án: Phần này gồm thông tin về các hạng mục công trình đề xuất, quy mô, phạm vi ảnh hưởng. các hạng mục của dự án là:

+ Hạng mục 1: giảm thiểu ngập lụt và an toàn đô thị
  - Cải tạo 3 hồ sinh thái Nam Cường
  - Xây dựng kè chống lũ suối Cầu Dài
  - Xây dựng kè chống lũ suối Hào Gia

+ Hạng mục 2: Cải thiện giao thông đô thị, tăng cường kết nối
  - Xây dựng đường nối từ đường Điện Biên đến đường nối cầu Bách Lẫm - cầu Văn Phú
  - Xây dựng đường nối từ cầu Bách Lẫm đến cầu Văn Phú
  - Xây dựng đường nối Nguyễn Tất Thành - Âu Cơ

+ Hạng mục 3: Tái định cư

- Tác động của dự án: Tác động đến người đang sống và làm việc trong vùng bị ảnh hưởng của dự án, kể cả những giải thích về nhu cầu thu hồi đất cho từng hạng mục công trình cụ thể của dự án.
- Quyền lợi và quyền được bồi thường của người bị ảnh hưởng: Giải thích rõ quyền lợi và quyền được bồi thường đối với các loại tác động khác nhau với người bị ảnh hưởng.
- Cơ chế khiếu nại và trình tự giải quyết: Những người bị ảnh hưởng sẽ được thông báo về các chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và phục hồi thu nhập. Người bị ảnh hưởng sẽ được thông báo rằng nếu như họ có bất kỳ thắc mắc nào liên quan đến dự án, về bồi thường, tái định cư và phục hồi thu nhập thì HĐBTHT-TĐC/Trung tâm PTQĐ,

cơ quan có thẩm quyền sẽ xem xét, giải quyết. Người bị ảnh hưởng sẽ được tiếp cận với các thủ tục, trình tự khiếu nại và giải quyết khiếu nại.

- Quyền được tham gia và quyền được tư vấn: Những người bị ảnh hưởng sẽ được thông báo về quyền tham gia vào quá trình lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch tái định cư. Những người bị ảnh hưởng được cử đại diện trong HĐBTHT-TĐC của tỉnh và đại diện của những người bị ảnh hưởng sẽ có mặt khi HĐBTHT-TĐC họp để đảm bảo sự tham gia của họ trong các lĩnh vực của dự án.
- Các hoạt động tái định cư: Tất cả những người chịu tác động của dự án sẽ được giải thích rõ về tính toán bồi thường và chi trả bồi thường, quy trình giám sát, bao gồm cả phỏng vấn một số người trong số bị ảnh hưởng, di chuyển tới nơi tái định cư và thông tin sơ bộ về quy trình công tác xây lắp.
- Trách nhiệm tổ chức: Những người bị ảnh hưởng sẽ được thông báo về các tổ chức, các cấp chính quyền liên quan đến tái định cư và trách nhiệm của mỗi bên.
- Tiến độ thực hiện: Những người bị ảnh hưởng sẽ được thông báo về tiến độ dự kiến cho các hoạt động tái định cư chính. Cần nêu rõ là người bị ảnh hưởng sẽ chỉ di chuyển đi sau khi đã nhận đủ thanh toán bồi thường cho tài sản bị mất

PHẦN 10: CƠ CHẾ KHIẾU NẠI

147. Để đảm bảo rằng tất cả các thắc mắc khiếu nại của người bị ảnh hưởng về bất kỳ khía cạnh nào của việc thu hồi đất, bồi thường và tái định cư đều được giải quyết một cách kịp thời và thỏa đáng, và đảm bảo rằng người dân bị ảnh hưởng có thể thoải mái đưa ra thắc mắc khiêu nại của mình, một cơ chế giải quyết khiếu nại cần phải được thiết lập. Tất cả người bị ảnh hưởng có thể gửi bất cứ câu hỏi nào cho các cơ quan thực hiện về quyền lợi của họ liên quan đến vấn đề bồi thường, chính sách bồi thường, tỷ giá, thu hồi đất và tài sản trên đất bị ảnh hưởng, trợ cấp/ hỗ trợ và phục hồi thu nhập . Ngoài ra, người bị ảnh hưởng không phải trả bất kỳ khoản phí liên quan tới thủ tục giải quyết khiếu nại kể cả việc đưa các khiếu nại đó lên Tòa án. Chi phí này được bao gồm trong ngân sách thực hiện Kế hoạch Hành động Tái định cư (RAP).

10.1. Trách nhiệm giải quyết khiếu nại

148. Các cơ quan có trách nhiệm thực hiện quy trình giải quyết khiếu nại, thắc mắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng bao gồm UBND Tỉnh, các Sở Ban ngành có liên quan, Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng các cấp, UBND địa phương nơi bị ảnh hưởng của dự án và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường giải phóng mặt bằng cho các Dự án đầu tư xây dựng cũng như Ban QLDA. Tuỳ theo chức năng, nhiệm vụ của từng cấp, cơ chế giải quyết khiếu nại, thắc mắc của các hộ BAH sẽ được quy định theo các văn bản pháp luật của Nhà nước ban hành. Ban QLDA là đầu mối tiếp nhận khiếu kiện, kiến nghị của người bị ảnh hưởng, theo dõi, giám sát việc giải quyết khiếu nại, kiến nghị, tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh. UBND tỉnh Yên Bái, làm việc với các bên liên quan và các tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng khi cần thiết.

149. Để đảm bảo các hộ BAH có cơ hội trình bày các khiếu nại liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, trình tự khiếu nại chi tiết sẽ được thiết lập cho dự án. Mục tiêu là nhằm giải quyết các khiếu nại của các hộ BAH nhanh và đúng thủ tục. Cơ chế sẽ được thiết kế đơn giản, dễ hiểu, nhanh chóng, công khai và công bằng. Bằng cách giải quyết các khiếu nại ở từng cấp dự án, tiến độ thực hiện dự án chắc chắn sẽ có hiệu quả hơn. Những người bị thu hồi đất nếu chưa đồng ý với quyết định về phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì được khiếu nại theo quy định của pháp luật.

150. Việc giải quyết khiếu nại đối với quyết định bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư cùng với trách nhiệm giải quyết khiếu nại, thời hiệu khiếu nại và trình tự giải quyết khiếu nại thực hiện theo quy định tại Điều 204 của Luật Đất Đai 2013, điều 89, 90 của Nghị định số 43/2004/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Việt Nam về thực hiện Luật Đất đai.

151. Các trường hợp giải quyết khiếu nại liên quan đến quyết định hành chính về quản lý đất đai sẽ tuân theo các quy trình giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, đề nghị, kiến nghị phương án trong thi hành án dân sự đã nêu trong Luật khiếu nại năm 2011 và thông tư 02/2016/TT-BTP ngày 1/2/2016 của Bộ Tư Pháp

10.2. Cơ chế khiếu nại và giải quyết khiếu nại

152. Thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại sẽ được thực hiện theo các bước dưới đây. Tuy nhiên, người khiếu nại có quyền trình lên tòa án bất kỳ thời điểm nào:

Cấp thứ nhất: Ủy ban nhân dân cấp xã: (UBND xã/phường)

153. Người bị ảnh hưởng có thể mang đơn khiếu nại của mình đến bộ phận Một Cửa của Uỷ ban nhân dân xã/phường, bằng văn bản hoặc bằng lời nói. Thành viên của UBND xã/phường ở bộ phận Một Cửa có trách nhiệm thông báo cho lãnh đạo UBND xã/phường về đơn khiếu nại. Chủ tịch UBND Xã/phường sẽ gặp riêng người khiếu nại để tìm hiểu vấn đề và có trách nhiệm giải quyết khiếu nại đó trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận đơn khiếu nại.

Cấp thứ 2 - Ủy ban Nhân dân cấp thành phố

154. Nếu sau 15 ngày kể từ ngày nộp đơn khiếu nại, người khiếu nại không nhận được tin tức gì từ Bộ phận một cửa của UBND xã/phường, hoặc nếu người khiếu nại không hài lòng với quyết định giải quyết đối với khiếu nại của mình, người khiếu nại có thể trình vụ việc, hoặc bằng văn bản hoặc bằng lời nói tới UBND Thành phố tại Bộ phận một cửa. UBND thành phố sẽ có 30 ngày để giải quyết vụ việc tính từ ngày nhận được đơn khiếu nại. UBND thành phố chịu trách nhiệm về việc lưu giữ hồ sơ của tất cả các khiếu nại UBND thành phố xử lý và sẽ thông báo cho Hội đồng Bồi thường cấp thành phố kết quả giải quyết/đánh giá khiếu nại của mình. Người khiếu nại có thể khiếu nại vấn đề của mình lên Tòa án nếu muốn.

Cấp thứ 3 - Ủy ban Nhân dân tỉnh:

155. Nếu sau 30 ngày người bị ảnh hưởng có khiếu nại không nhận được phản hồi từ UBND thành phố, hoặc không thỏa mãn với quyết định đưa ra cho khiếu nại của mình, người bị ảnh hưởng có thể trình vụ việc của mình, hoặc bằng văn bản hoặc trình bày trực tiếp, tới UBND tỉnh tại Bộ phận Tiếp dân hoặc trình vụ việc của mình lên Tòa án thành phố để giải quyết. UBND tỉnh sẽ có 45 ngày để giải quyết khiếu nại một cách thỏa đáng cho các bên có liên quan. Ban thư ký của UBND tỉnh có trách nhiệm lưu hồ sơ của tất cả các khiếu nại đã tiếp nhận. Người khiếu nại có thể khiếu nại vấn đề của mình lên Tòa án nếu muốn.

Cấp cuối cùng, Tòa án:

156. Nếu sau 45 ngày người dân bị ảnh hưởng có khiếu nại không nhận được phản hồi của UBND tỉnh, hoặc không thỏa mãn với quyết định đưa ra cho khiếu nại của mình thì người khiếu nại có thể trình khiếu nại của mình lên Tòa án để xem xét và đưa ra phán quyết. Quyết định của Tòa án sẽ là quyết định cuối cùng.

157. Quyết định giải quyết khiếu nại sẽ phải được gửi cho người khiếu nại và các bên có liên quan và phải được niêm yết công khai tại trụ sở của UBND của cấp giải quyết khiếu nại sau 03 ngày có quyết định/kết quả giải quyết khiếu nại tại cấp phường/xã và sau 07 ngày tại cấp thành phố.

PHẦN 11: TRÁCH NHIỆM THỂ CHẾ

11.1. Đánh giá năng lực của các bên liên quan trong thực hiện Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

158. Từ kết quả của các cuộc tham vấn đã được tiến hành, chỉ ra rằng các cơ quan phụ trách thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư tại Yên Bái nói chung và tỉnh Yên Bái nói riêng cũng như Ban Quản lý dự án tất cả đều có kinh nghiệm trong lĩnh vực thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

159. Việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư yêu cầu sự tham gia của các cơ quan, tổ chức địa phương, Thành phố, phường/xã trên địa bàn dự án. UBND Tỉnh Yên Bái sẽ chịu trách nhiệm tổng thể tuân thủ thực hiện các điều khoản quy định trong Kế hoạch Tái định cư của tiểu dự án được xây dựng trên cơ sở Kế hoạch hành động tái định cư đã phê duyệt.

160. Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Tỉnh Yên Bái (chủ đầu tư) đã có rất nhiều năm kinh nghiệm quản lý dự án có quy mô giải phóng mặt bằng và tái định cư lớn (Dự án đường tránh ngập thành phố Yên Bái…); trong đó, mỗi năm thực hiện trên 10 dự án khác nhau. Một trong các chức năng chính của Ban là thực hiện "quản lý và sử dụng có hiệu quả quỹ đất, mặt nước chuyên dùng đã được giao theo đúng mục đích sử dụng và phù hợp với Quy hoạch chung tỉnh Yên Bái, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phối hợp với chính quyền địa phương, sở Tài nguyên Môi trường và Trung tâm phát triển quỹ đất thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư đối với diện tích đất, mặt nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi".

161. Ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của thành phố Yên Bái được thành lập thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ cho dự án. Các quy định và chính sách của RAPs sẽ tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các hoạt động bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho "Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực".

- UBND Thành phố Yên Bái và Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, TĐC Thành phố đã thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, GPMB trong nhiều năm và có kinh nghiệm trong việc truyền thông, tuyên truyền, vận động sự đồng thuận của người dân trong quá trình triển khai dự án;
- Trung tâm phát triển quỹ đất là một thành viên của hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư thành phố Yên Bái. Với 6 năm kinh nghiệm trong việc triển khai công tác giải phóng mặt bằng cho hơn 90 dự án trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Đây là điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ tái định cư cho tiểu dự án Thành phố Yên Bái.

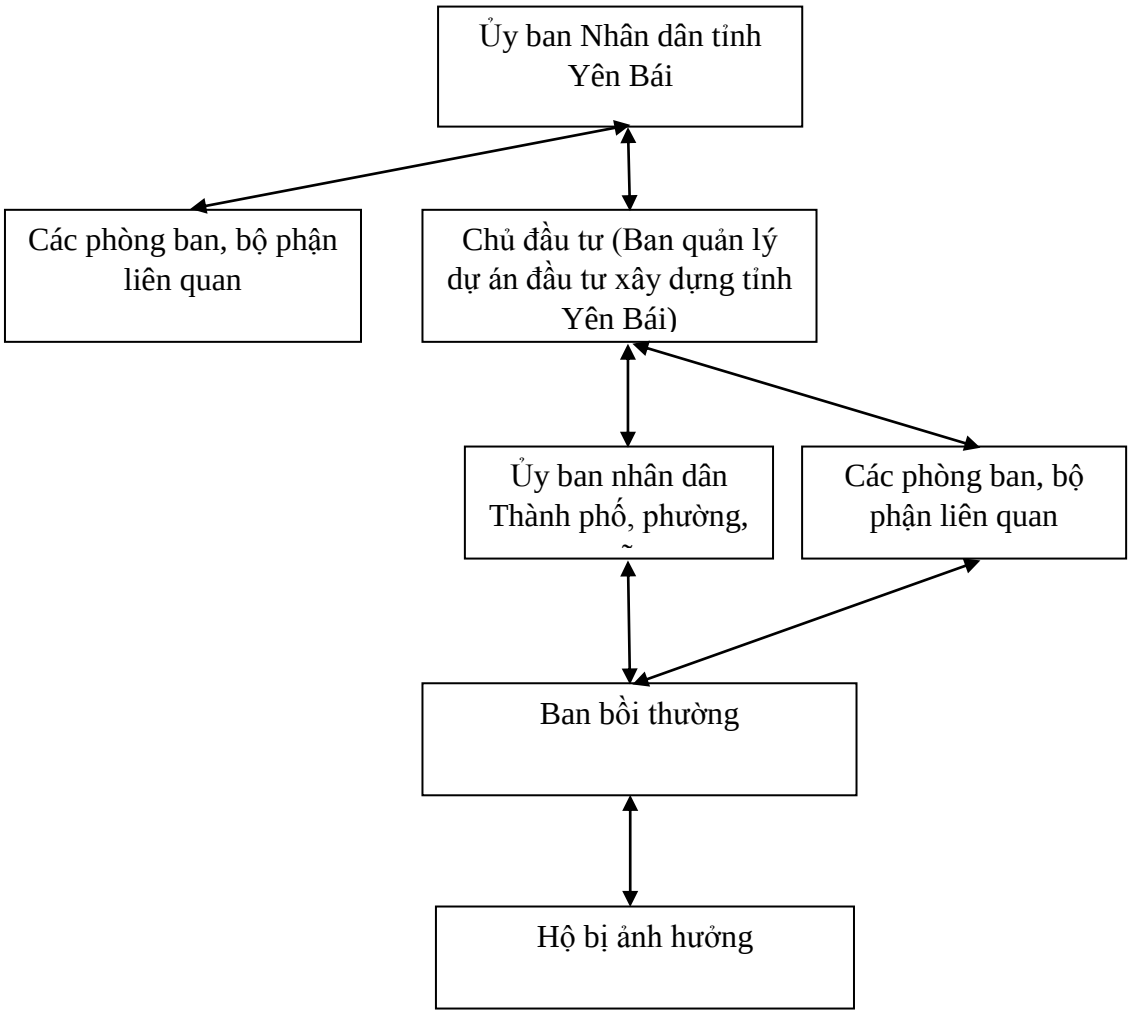

Hình 5: Sơ đồ thực hiện

11.2 Trách nhiệm các cơ quan

162. UBND tỉnh có trách nhiệm bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư. UBND tỉnh chịu trách nhiệm chung như sau::

(i) Phê duyệt Kế hoạch hành động tái định cư

(ii) Ban hành Thông báo hoặc ủy quyền cho UBND thành phố thông báo về thu hồi đất ngay sau khi lựa chọn vị trí các tiểu dự án;

(iii) Phê duyệt việc thu hồi và cấp đất trong dự án;

(iv) Phê duyệt giá thay thế được xây dựng bởi đơn vị tư vấn thẩm định độc lập;

(v) Chỉ đạo sự phối hợp giữa thành phố/thị xã dự án, các cơ quan có liên quan và các sở thuộc tỉnh để thực hiện bồi thường, tái định cư Kế hoạch hành động TĐC đã phê duyệt;

(vi) Cấp đầy đủ và kịp thời ngân sách để thực hiện các hoạt động tái định cư;

(vii) Đảm bảo để các hoạt động tái định cư của Tiểu Dự án được thực hiện phù hợp với Kế hoạch hành động TĐC đã được duyệt. Đảm bảo những mục tiêu của Kế hoạch tái định cư đều đạt được sau khi hoàn thành các hoạt động tái định cư.

(viii) Giải quyết khiếu kiện, khiếu nại của người BAH.

163. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Yên Bái có các trách nhiệm sau:

(i) Chuẩn bị và/hoặc Cập nhật kế hoạch hành động tái định cư theo WB OP4.12 về tái định cư không tự nguyện và luật / quy định của Chính phủ và quy định / quyết định của tỉnh Yên Bái về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và nộp cho tỉnh và WB phê duyệt trước khi triển khai KHTĐC;

(ii) Phối hợp với các bên liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động tái định cư trình phê duyệt;

(iii) Thuê tuyển cơ quan giám sát độc lập cho dự án

(iv) Hỗ trợ cơ quan có thẩm quyền tại địa phương giải quyết khiếu nại/khiếu kiện của người BAH

164. UBND thành phố Yên Bái có trách nhiệm:

(i) Chỉ đạo Đơn vị thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và UBND cấp xã phổ biến thông tin dự án, các chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thực hiện khảo sát, trắc địa, kiểm kê thiệt hại chi tiết và thực hiện Kế hoạch hành động TĐC;

(ii) Phê duyệt các phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do Đơn vị thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp thành phố;

(iii) Ra quyết định thu hồi đất của các cá nhân, hộ gia đình

(iv) Giải quyết các khiếu nại và khiếu kiện của người BAH trong phạm vi thẩm quyền;

(v) Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức giám sát độc lập.

165. Hội đồng bồi thường, Hỗ trợ và TĐC thành phố Yên Bái (HĐBTHT-TĐC) HĐBTHT-TĐC có trách nhiệm thực hiện công tác bồi thường và GPMB cho các công trình trên đại bàn thành phố bao gồm:

(i) Tổ chức thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đã được phê duyệt.

(ii) Lập, hoàn thiện và trình thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, phương án đào đạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; tổ chức triển khai thực hiện các phương án đã được phê duyệt.

(iii) Phối hợp với Uỷ ban nhân dân cấp xã niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định. Hướng dẫn, giải đáp thắc mắc của người sử dụng đất về những vấn đề liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

(iv) Thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt.

(v) Hỗ trợ các cơ quan liên quan để giải quyết khiếu nại và khiếu nại của hộ BAH

(vi) Tổng hợp và báo cáo với các cơ quan có thẩm quyền về công tác giải phóng mặt bằng hàng tháng, hàng quý...

166. UBND xã/phường chịu trách nhiệm:

(i) Cung cấp các tài liệu liên quan đến nguồn gốc sử dụng đất của các hộ bị ảnh hưởng; Xác nhận tính hợp lệ của người bị ảnh hưởng và tài sản bị ảnh hưởng;

(ii) Hỗ trợ các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai và khiếu nại của người bị ảnh hưởng;

(iii) Hỗ trợ UBND tỉnh, HĐBTTĐC tỉnh tổ chức các cuộc họp, tham vấn cộng đồng, điều tra kinh tế xã hội trong quá trình chuẩn bị và thực hiện RAP;

(iv) Thành lập các nhóm công tác cấp phường để hỗ trợ UBND tỉnh và HĐBTTĐC tỉnh thực hiện khảo sát kiểm đếm chi tiết, khảo sát giá thay thế, khảo sát kinh tế xã hội và cung cấp các thông tin cần thiết để hỗ trợ chuẩn bị và thực hiện RAP;

(v) Phối hợp với HĐBTTĐC tỉnh trong việc tổ chức chi trả bồi thường, tái định cư và thực hiện chương trình phục hồi sinh kế;

(vi) Xác định diện tích đất thay thế cho các hộ bị ảnh hưởng đủ điều kiện được bồi thường và đề xuất các chương trình phục hồi sinh kế phù hợp với điều kiện của người dân và địa phương;

(vii) Giải quyết khiếu nại cấp phường, xã theo quy định của pháp luật hiện hành;

167. Người bị ảnh hưởng có trách nhiệm:

(i) Phối hợp với các nhóm khảo sát kiểm đếm tài sản và đất đai bị ảnh hưởng và ký xác nhận vào Biên bản kiểm đếm thiệt hại;

(ii) Tham gia trong tất cả các giai đoạn của quá trình chuẩn bị, thực hiện, giám sát và cho ý kiến về việc lập, thực hiện và giám sát Kế hoạch hành động TĐC theo chính sách OP 4.12; và

(iii) Bàn giao đất BAH cho dự án đúng kế hoạch sau khi nhận đủ tiền bồi thường và quyền lợi.

PHẦN 12: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

12.1 Các hoạt động chính

168. Để đảm bảo dự án được triển khai thành công và mang tính hiệu quả cao, các hoạt động chính cần được thiết lập thông qua một kế hoạch thực hiện với các mốc thời gian. Kế hoạch cần được vạch ra từ khi bắt đầu triển khai dự án, kéo dài trong suốt quá trình thực hiện và liên tục đến giai đoạn hoàn thành dự án. Trong một Kế hoạch tái định cư, các nội dung chính cần thực hiện từ khi bắt đầu đến khi hoàn thành bao gồm:

a. Thông báo ngày khoá sổ thống kê và giới hạn bồi thường: tất cả các hộ BAH của dự án được thông báo đầy đủ về quyền lợi, và các chính sách trong RAP, bao gồm tính hợp lệ, chính sách quyền lợi, phương thức và tỷ lệ bồi thường, lịch trình, các vấn đề khiếu nại và giải quyết khiếu nại. Sổ tay thông tin (RIB) sẽ được Ban QLDA chuẩn bị và sau đó sẽ được phân phát cho hộ BAH hoặc thông báo tại các cuộc họp ở tổ dân phố, phường, quận hoặc trong các cuộc tham vấn cộng đồng. Bên cạnh đó, các tờ rơi, panô, áp phích cũng đồng thời được phân phát tới từng hộ dân, dán tại các nơi công cộng như UBND phường/xã, nhà văn hoá, trạm y tế, trường học... Thông báo chủ trương thu hồi đất của dự án, quyết định duyệt dự án đầu tư, duyệt thiết kế của dự án...
b. Điều tra khảo sát kinh tế-xã hội khu vực bị ảnh hưởng.
c. Xây dựng kế hoạch phát triển khu tái định cư.
d. Xây dựng các biện pháp phục hồi cuộc sống.
e. Thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và phục hồi cuộc sống.
f. Đánh giá tác động của dự án đối với các hộ BAH: Một năm sau khi dự án kết thúc, một cuộc điều tra, khảo sát kinh tế-xã hội khu vực dự án sẽ được tiến hành nhằm đánh giá tác động của dự án đối với cộng đồng hưởng lợi và các hộ BAH của dự án, là cơ sở cho việc rút ra các bài học kinh nghiệm cho các hoạt động và việc thiết kế, thực hiện dự án sau này.

12.2 Kế hoạch thực hiện

169. Kế hoạch thực hiện cho các hoạt động thu hồi đất của Dự án phát triển tổng hợp các đô thị động lực – Tiểu dự án thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 18:Kế hoạch thực hiện

Các hoạt động chính	Thời gian thực hiện
Kế hoạch tái định cư	
Thông báo thu hồi đất cho hộ bị ảnh hưởng	Quý IV/2019
Tham vấn hộ bị ảnh hưởng để công khai thông tin và chính sách tái định cư	Quý IV/2019
Tiến hành đo đạc chi tiết	Quý IV/ 2019
Khảo sát giá thay thế	Quý IV/2019 - II/2020
Phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư	Quý I/2020
Chi trả bồi thường	Quý I/ 2020
Thực hiện thu hồi đất và di dời	Quý II/ 2020
Chuẩn bị chương trình phục hồi thu nhập	Quý I/ 2020
Thực hiện chương trình phục hồi thu nhập	Quý II/ 2020

Các hoạt động chính	Thời gian thực hiện
Tuyển Tư vấn giám sát độc lập	Quý I-II/ 2020
Đánh giá sau Tái định cư	Từ Quý II/ 2020

PHẦN 13: DỰ TOÁN NGÂN SÁCH

13.1. Khảo sát giá thay thế

❖ Nghiên cứu giá thay thế

170. Mục tiêu quan trọng của việc khảo sát giá thay thế là đảm bảo rằng đơn giá cho việc tính toán bồi thường toàn bộ các tài sản bị ảnh hưởng là mức giá thay thế. Mục tiêu này sẽ đạt được thông qua quá trình khảo sát chi tiết thị trường và/hoặc nhân tố như năng lực sản xuất, các yếu tố tương đương, giá trị của các tài sản thay thế, sự bất lợi của các đối tượng bị ảnh hưởng..., đồng thời so sánh và đánh giá về các đơn giá mà uỷ ban nhân dân tỉnh đã ban hành.

- Xác định giá đất tại thời điểm hiện tại
- Xác định giá cây cối, hoa màu tại thời điểm hiện tại
- Xác định giá vật liệu và nhân công xây dựng nhà ở, vật kiến trúc tại thời điểm hiện tại
- Xây dựng phương án giá thay thế cho đất, tài sản, cây cối, hoa màu tại thời điểm nghiên cứu.

171. Công tác khảo sát giá thay thế được Tư vấn tiến hành đồng thời thông qua các kênh khác nhau như các hộ dân trong khu vực BAH và lân cận, cán bộ địa phương, các văn phòng nhà đất tại địa phương từ ngày 13/04/2017 đến ngày 20/08/2017. Việc khảo sát giá thay thế được thực hiện thông qua:

- Tiếp xúc trực tiếp với các hộ dân trong khu vực BAH và khu vực lân cận để thu thập thông tin về giá đất, công trình được đánh giá trên thực tế tại địa phương thông qua việc sử dụng một bộ câu hỏi phỏng vấn có cấu trúc để tìm kiếm thông tin về giá các loại đất và tài sản trên đất trong khu vực.;
- Thông qua những lần tiếp cận với chính quyền địa phương, xác định giá các loại đất, hoa màu và các tài sản khác tại khu vực BAH, thu thập các văn bản pháp lý đã được ban hành gồm các bộ đơn giá các loại đất và đơn giá cho các loại tài sản khác (bao gồm cả hỗ trợ)
- Tiếp cận với các văn phòng nhà đất, các trang web nhà đất tại địa phương để tìm hiểu thông tin.

13.2. Đánh giá nhanh giá thay thế

- Đối với đất nông nghiệp: Hầu như không có hoạt động chuyển nhượng, mua bán đất nông nghiệp, và các loại đất khác trong những năm vừa qua. Các chuyển nhượng đất nông nghiệp chỉ có những chuyển nhượng trong nội bộ gia đình con cháu, anh em., không (hoặc chưa) qua chứng thực của UBND xã/phường vì thế cũng không thể xác định được giá cả là bao nhiêu trong sự chuyển nhượng này.
- Đối với đất ở: Một số hộ trên địa bàn các xã/phường có sự giao dịch đất ở, đất vườn nhưng chỉ tập trung ở đất mặt đường, đất khu trung tâm các xã/phường.

  + Tại địa bàn phường Minh Tân có một số trường hợp vừa mới mua đất ở hồi đầu năm 2017 với giá khác nhau tuỳ từng vị trí, dao động từ 5.000.000 ÷ 10.500.000 đồng/m^2, tại các vị trí mặt đường Điện Biên mức giá này vào khoảng 8.000.000 – 16.000.000 đồng/m^2. Theo đánh giá của họ thì đây là mức giá bán phổ biến của các lô đất trong khu vực và được duy trì ổn định trong năm.

  + Tại địa phận Xã Văn Phú: Vị trí đất khác nhau có giá đất cũng rất khác biệt, phần đất ở các trục thôn, xóm, tổ dân phố thị lại có giá chỉ khoảng 600.000 đồng/m^2. Tuy nhiên theo đánh giá của các hộ dân mức giá thị trường tại thời điểm tháng 08/2017 là khoảng 600.000 – 1.200.000 đồng/m^2

  + Tại địa phận phường Nam Cường: Vị trí đất khác nhau có giá đất cũng rất khác biệt, phần đất ở các trục thôn, xóm, tổ dân phố có giá chỉ 500.000 - 1.500.000 đồng/m2. Theo đánh giá của họ thì mức giá bồi thường do UBND tỉnh ban hành (Quyết định số 15/2017/ QĐ–UBND) là phù hợp với giá đất thực tế tại địa phương.

+ Tại địa phận phường Yên Ninh: Giá đất khác nhau tùy vào vị trí, khu vực đường Điện Biên giá đất cao nhất do đây là đường tỉnh lộ, thuận tiện giao thương buôn bán, theo đánh giá của người dân gần khu vực đường Điện Biên giá đất tại đây dao động khoảng 14.000.000 – 16.000.000 đồng/ m^2, các vị trí khác trong phường có giá thấp hơn khoảng 2.000.000 – 4.000.000 đồng/ m^2

+ Kết quả khảo sát giá thay thế tại phường Đồng Tâm cho thấy giá đất cao nhất tại tuyến đường Đinh Tiên Hoàng. Theo đánh giá của các hộ gia đình giá đất ngoài phụ thuộc vào vị trí còn phụ thuộc vào thời điểm, theo ghi nhận giá đất trên tuyến đường Đinh Tiên Hoàng cao nhất khoảng 15.000.000 – 16.000.000 đồng/m^2, các vị trí khác tại phường Đồng Tâm có giá thấp hơn khá nhiều, dao động khoảng 2.000.000 – 6.000.000 đồng/m^2 tùy từng vị trí, diện tích và hình dạng khu đất

+ Tại địa phận xã Tân Thịnh giá đất chênh lệch nhau không nhiều giữa các vị trí. Giá đất cao nhất ở tuyến đường Âu Cơ chỉ dao động khoảng 4.500.000 – 6.000.000 đồng/m^2, tại các vị trí khác trong xã giá đất thấp hơn. Theo đánh giá của người dân của người dân trong khu vực qua các giao dịch mua bán đất, có những vị trí giao thông, kinh doanh kém thuận lợi đường nhỏ hẹp, đường đất giá đất rất rẻ chỉ khoảng 150.000 – 1.000.000 đồng/m^2, những vị trí khác thuận tiện hơn giá dao động khoảng 2.000.000 – 4.000.000. đồng/ m^2

Đơn giá cho vật kiến trúc

- Tìm hiểu đơn giá cho vật kiến trúc đối với vùng bị ảnh hưởng gặp nhiều khó khăn. Thời gian gần đây, giá nguyên vật liệu xây dựng dao động thất thường. Do sự đa dạng loại hình kết cấu nhà cửa trên địa bàn nên đơn giá được áp dụng sẽ được tính cho từng hạng mục phù hợp.
- Đối với vật kiến trúc, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số. 26/2017/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 Ban hành quy định về việc bồi thường nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Yên Bái.
-
- Đối với các công trình của người dân, không tính trừ khấu hao và thường đảm bảo giá tương đương, thay thế sát giá xây mới.

Đơn giá cho cây trồng, vật nuôi

- Đối với cây trồng vật nuôi, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Yên Bái về việc ban hành quy định về bồi thường đối với cây trồng; bộ đơn giá bồi thường đối với cây trồng khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Yên Bái. Trong đó có áp giá cụ thể và chi tiết cho từng loại cây trồng trên đất.
-
- Đơn giá bồi thường cho cây trồng, vật nuôi cũng được ghi nhận là phù hợp với giá cả thực tế.

13.3. Dự toán nguồn kinh phí

172. Ước tính chi phí cho Tái định cư bao gồm đền bù cho đất và tài sản không phải là đất, các khoản hỗ trợ và chi phí dự phòng là 211.816.000.000 đồng, tương đương 9.414.044 USD. Dự toán chi phí này sẽ được cập nhật trong quá trình thực hiện dự án để đảm bảo bồi thường với chi phí thay thế tại thời điểm thu hồi đất.

173. Ngân sách Tái định cư được trính từ nguồn vốn đối ứng của tỉnh Yên Bái, sẽ được phân bổ đầy đủ và kịp thời dựa trên thời gian thực hiện tái định cư.

Bảng 13: Dự toán kinh phí kế hoạch tái định cư

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I	**Bồi thường**				**178.496.796.885**	
1.1.	***Đối với đất***					
1	Đất ở (ODT, ONT)	m^2	36.609	150.000 - 16.000.000	103.634.685.633	Đơn giá được áp tùy các vị trí bị ảnh hưởng, chi tiết trong bảng đính kèm
2	Đất phi nông nghiệp khác (TSC, SKC, SKX,SKK)	m^2	779	1.440.000-5.500.000 ...	16.521.753.333	Đơn giá được áp tùy các vị trí bị ảnh hưởng, chi tiết trong bảng đính kèm
3	Đất bằng chưa sử dụng (BCS, DCS)	m2	18.132	200.000 - 12.800.000	27.737.333.915	Đơn giá được áp tùy các vị trí bị ảnh hưởng, chi tiết trong bảng đính kèm
4	Đất nông nghiệp (LUC, LUK, RST, BHK, NHK, LNK, LNC, LNQ)	m^2	501.540	12.000-38.000	11.372.038.512	Đơn giá được áp tùy các vị trí bị ảnh hưởng, chi tiết trong bảng đính kèm
1.2.	***Đối với vật kiến trúc, cây cối, hoa màu, thủy sản khác…***					
5	Nhà/kết cấu khác (T, G, B1, B2, B3)	m^2	16.905	290.100-3.153.000	16.052.661.491	Đơn giá được áp tùy các vị trí bị ảnh hưởng, chi tiết trong bảng đính kèm
6	Hoa màu (dứa, đậu, ngô, lúa…)	m^2	96.412	3.000-20.000	406.397.000	Đơn giá được áp tùy các vị trí bị ảnh hưởng, chi tiết trong bảng đính kèm
7	Cây cối (tre, mít, ổi, đu đủ…)	cây	29.898	7.000-1.900.000	2.771.927.000	Đơn giá được áp tùy các vị trí bị ảnh hưởng, chi tiết trong bảng đính kèm
II	**Hỗ trợ**				**22.535.308.160**	
8	Hỗ trợ di chuyển, di dời đối với hộ phải tái định cư	Hộ	115	5.000.000-8.000.000	1.396.906.660	
9	Hỗ trợ sinh hoạt đối với hộ bị ảnh hưởng từ 20% trở lên	Số khẩu	1.697	12.000	6.704.883.000	- Hộ BAH 20%-70% đất nông nghiệp: Số khẩu * 6 tháng (12 tháng) * 30kg gạo/người/ tháng * 12.000đ/kg gạo - Hộ BAH trên 70% đất nông nghiệp: Số khẩu * 12 tháng (24 tháng) * 30kg gạo/người/ tháng * 12.000đ/kg

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
						gạo Giá gạo có thể điều chỉnh tăng giá trong phạm vi 20%.
10	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	m^2	248.516	20.000 - 87.500	14.168.830.300	Bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp, diện tích hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất
11	Đào tạo nghề cho người bị ảnh hưởng trong độ tuổi lao động	người	166	1.680.000	278.880.000	1.680.000đ/ khóa đào tạo nghề cho người trong độ tuổi lao động có nguyện vọng
13	Hỗ trợ tái định cư	Hộ	46	100.000.000	4.600.000.000	
III	**Cộng (I+II)**				**205.646.296.845**	
IV	**Chi phí giám sát, đánh giá và quản lý**				**6.169.388.905**	
14	Chi phí giám sát, đánh giá độc lập	trọn gói		1%	2.056.462.968	
15	Chi phí quản lý và thực hiện	trọn gói		2%	4.112.925.937	
16	Dự phòng phí	trọn gói		10%		Đã bao gồm trong tổng mức đầu tư
VI	**Tổng VII (III+IV)**				**211.815.685.750**	
	Làm tròn				**211.816.000.000**	

PHẦN 14: GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

14.1. Mục tiêu giám sát

174. Để đảm bảo các hoạt động và cam kết được mô tả trong RAP đã phê duyệt được thực hiện đầy đủ và kịp thời, Chủ dự án cần duy trì giám sát và đánh giá việc thực hiện RAP. Giám sát việc thực hiện RAP nhằm thu thập thông tin thường xuyên phản ánh kết quả thực hiện RAP trong khi đó đánh giá thực hiện RAP nhằm mục đích phân tích thông tin thu thập được trong quá trình giám sát để đánh giá mức kết quả, mức độ RAP được thực hiện đúng kế hoạch và phương pháp đã thống nhất, và đánh giá việc thực hiện RAP có đáp ứng mục tiêu của Chính sách Hoạt động OP 4.12 của Ngân hàng Thế giới về Tái định cư không tự nguyện hay không. Trong trường xác định có sự khác biệt (giữa kế hoạch hành động tái định cư và thực tế thực hiện) trong quá trình thực hiện, Ban QLDA sẽ đề xuất các biện pháp khắc phục kịp thời.

175. Mục tiêu cụ thể như sau:

(i) Đảm bảo rằng mức sống của người BAH được khôi phục hoặc cải thiện;

(ii) Theo dõi xem dự án tổng thể và các mục tiêu tái định cư đã được đáp ứng phù hợp với Kế hoạch tái định cư và nếu không đề xuất các biện pháp khắc phục;

(iii) Đánh giá liệu các biện pháp đền bù và phục hồi là đủ và phù hợp với OP4.12 của WB;

(iv) Theo dõi và tư vấn về việc ngăn ngừa các nguy cơ tiềm ẩn do luồng di chuyển lao động vào các cộng đồng xung quanh khu vực dự án (tức là những người sống hoặc làm việc tại các xã ngay sát khu vực dự án) trong quá trình xây dựng;

(v) Theo dõi và tư vấn về việc bảo vệ an toàn công nhân xây dựng tại khu vực thi công và thực hiện các biện pháp an toàn tại nơi làm việc tốt trong quá trình xây dựng;

(vi) Theo dõi và tư vấn về việc thực hiện đầy đủ Cơ chế Giải quyết Khiếu Nại của Dự án (GQKN);

(vii) để xác định các vấn đề hoặc các vấn đề tiềm ẩn và đề nghị giải quyết các vấn đề.

14.2. Giám sát nội bộ

176. Ban QLDA có trách nhiệm giám sát nội bộ việc thực hiện tái định cư. Ban QLDA sẽ chỉ định một cán bộ chuyên trách của BQLDA để thực hiện giám sát nội bộ với các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Phối hợp với các cơ quan liên quan trong quá trình thực hiện RAP;
- Thu thập các dữ liệu cần thiết để thiết lập một cơ sở dữ liệu về tái định cư cho các báo cáo tiến độ thực hiện RAP phục vụ mục đích giám sát nội bộ;
- Xác định bất kỳ vấn đề chưa giải quyết / vấn đề không tuân thủ trong quá trình thực hiện RAP;
- Phối hợp chặt chẽ với Tư vấn Giám sát độc lập để giám sát việc thực hiện RAP;
- Tiếp nhận và báo cáo khiếu nại của người bị ảnh hưởng lên các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

177. Ban QLDA sẽ gửi báo cáo giám sát nội bộ về tình hình thực hiện Kế hoạch Hành động Tái định cư lên Nhà tài trợ như một phần của báo cáo quý mà họ phải nộp cho bên cho vay. Các báo cáo Giám sát nội bộ phải bao gồm các thông tin sau:

(i) Hiện trạng xây dựng các khu tái định cư so với kế hoạch và các tác động của nó đối với các hộ BAH tái định cư

(ii) Số lượng các hộ BAH theo loại hình bị ảnh hưởng và theo hợp phần Dự án và tình trạng chi trả bồi thường, di dời và khôi phục nguồn thu nhập cho mỗi hạng mục.

(iii) Số kinh phí được phân bổ cho các hoạt động hoặc cho chi trả bồi thường và kinh phí đã giải ngân cho từng hoạt động.

(iv)Danh sách các kiến nghị.

(v) Kết quả cuối cùng về giải quyết các khiếu nại và bất cứ vấn đề tồn tại nào đòi hỏi cơ quan quản lý các cấp giải quyết.

(vi) Những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện và giải quyết vấn đề.

(vii) Tiến độ thực hiện tái định cư thực tế đã cập nhật.

14.3. Giám sát độc lập

178. Mục tiêu. Mục tiêu chung của giám sát độc lập là giám sát độc lập định kỳ và đánh giá thực hiện các mục tiêu tái định cư, những thay đổi về mức sống và việc làm, việc khôi phục nguồn thu nhập và sinh kế của những người bị ảnh hưởng, hiệu quả, tác động và tính bền vững của chính sách quyền lợi của người BAH, sự cần thiết có thêm các biện pháp giảm thiểu thiệt hại nếu có, và để rút ra những bài học chiến lược cho việc lập và hoạch định chính sách sau này.

179. Cơ quan chịu trách nhiệm. Theo các yêu cầu của NHTG về thuê tư vấn, Ban QLDA sẽ thuê một tổ chức độc lập để thực hiện giám sát và đánh giá độc lập việc thực hiện Kế hoạch Hành động Tái định cư. Tổ chức này, được gọi là Tư vấn giám sát độc lập (TVGSĐL), có chuyên môn về khoa học xã hội và có kinh nghiệm về giám sát độc lập Tái định cư. TVGSĐL nên bắt đầu công việc của mình ngay khi Dự án bắt đầu thực hiện.

180. Giám sát và đánh giá. Cơ quan giám sát độc lập cần giám sát bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề dưới đây:

(i) Theo dõi việc thực hiện các khu tái định cư, bao gồm tình trạng so với kế hoạch, tiến độ và tác động đối với những hộ thuộc diện phải tái đinh cư;

(ii) Chi trả bồi thường như: a) toàn bộ tiền bồi thường được chi trả đầy đủ cho những người bị ảnh hưởng trước khi lấy đất hay không; b) chi trả đầy đủ có tương xứng với việc thay thế các tài sản bị ảnh hưởng.

(iii) Hỗ trợ những người phải xây lại nhà của mình trên diện tích đất còn lại, hoặc những người bị di dời phải xây dựng lại nhà ở những địa điểm mới do dự án thu xếp, hoặc được giao mới.

(iv) Hỗ trợ khôi phục thu nhập, sinh kế.

(v) Tham vấn cộng đồng và phổ biến công khai về chính sách bồi thường: a) người bị ảnh hưởng phải được thông tin và tham vấn một cách đầy đủ về thu hồi đất, các hoạt động thuê đất và thay đổi vị trí; b) đánh giá về nhận thức cộng đồng đối với các chính sách và quyền được bồi thường được thực hiện với những người bị ảnh hưởng bởi Dự án; và c) đánh giá nhận thức về các phương án khác nhau dành cho người bị ảnh hưởng được quy định trong Kế hoạch Hành động Tái định cư.

(vi) Phục hồi thu nhập và sinh kế cho người BAH.

(vii) Hoạt động của cơ chế khiếu nại và giải quyết khiếu nại cho người BAH.

(viii) Mức độ hài lòng cuả người bị ảnh hưởng về những khía cạnh khác nhau của Kế hoạch Hành động Tái định cư sẽ được giám sát và ghi chép lại.

(ix) Qua quá trình thực hiện, những xu hướng về mức sống được quan sát và điều tra. Bất cứ vấn đề tiềm tàng nào trong việc khôi phục mức sống đều được báo cáo và các biện pháp phù hợp sẽ được đề xuất để đảm bảo mục tiêu dự án.

Tần suất giám sát và báo cáo: Tổ chức giám sát độc lập phải trình báo cáo định kỳ 6 tháng/một lần và nêu những phát hiện trong quá trình giám sát. Báo cáo giám sát này sẽ được thảo luận với BQLDA trước khi nộp cho NHTG.

181. Phương pháp giám sát độc lập:

Phương pháp giám sát là kết hợp phương pháp định lượng và định tính kèm các cuộc họp cộng đồng, thảo luận nhóm tập trung, phỏng vấn sâu và khảo sát mẫu. Quy mô mẫu có thể là 100% các hộ phải di dời và các hộ bị ảnh hưởng nặng, và ít nhất 20% trong số các hộ bị ảnh hưởng còn lại đối với mỗi đợt giám sát.

Cuộc khảo sát điều tra này cần điều tra cả nữ giới, người già, và các nhóm dễ bị tổn thương khác. Cần có sự đại diện bình đẳng của cả nam và nữ.

Báo cáo giám sát

182. TVGSĐL phải trình báo cáo định kỳ 6 tháng một lần và nêu những phát hiện trong quá trình giám sát. Các báo cáo giám sát này sẽ được nộp cho Ban QLDA sau đó Ban QLDA sẽ trình lên cho Ngân hàng Thế giới.

183. Báo cáo sẽ gồm (i) tiến độ thực hiện Kế hoạch Hành động Tái định cư; (ii) sự chệch hướng, nếu có, với các điều khoản và nguyên tắc của Kế hoạch Hành động Tái định cư; (iii) xác định các vấn đề tồn tại và các giải pháp được đề xuất, qua đó các cơ quan thực hiện được thông báo về tình hình đang diễn ra và có thể giải quyết khó khăn một cách kịp thời; và (iv) diễn biến của các khó khăn và vấn đề đã được xác định trong báo cáo trước.

Báo cáo đánh giá cuối cùng

184. Giám sát độc lập sẽ thực hiện một đánh giá về tình hịnh thực hiện tái định cư từ 6 đến 12 tháng sau khi hoàn thành tất cả các hoạt động tái định cư. Báo cáo đánh giá cuối cùng sẽ được tích hợp trong Báo cáo hoàn thành dự án.

185. Việc thực hiện tái định cư này sẽ chưa được coi là kết thúc, đến khi có đánh giá sau tái định cư và kiểm toán hoàn thành dự án xác nhận rằng tất cả các hộ bị ảnh hưởng đã nhận đủ các khoản bồi thường, hỗ trợ và quá trinh phục hồi cuộc sống được thực hiện theo đúng kế hoạch.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: CÁC CHỈ SỐ GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

TT	Các chỉ số	Thông tin yêu cầu giám sát và đánh giá
1	Giám sát thực hiện đo đạc kiểm đếm chi tiết tài sản bị ảnh hưởng	Đất đai và tài sản bị ảnh hưởng cần được đo đạc chính xác; kết quả đo đạc kiểm đếm được phổ biến công khai. Khiếu nại hoặc các câu hỏi của các hộ bị ảnh hưởng dựa trên kết quả kiểm đếm sẽ được giải quyết kịp thời và thỏa đáng.
2	Giám sát chi trả bồi thường và các hỗ trợ bằng tiền mặt	Bồi thường đất bị ảnh hưởng; nếu áp dụng hình thức bồi thường bằng đất (đất đổi đất với giá trị tương đương) thì đất thay thế có tương đương về diện tích và vị trí cũng như các điều kiện sản xuất, sinh hoạt với thửa đất bị ảnh hưởng hay không, nếu áp dụng hình thức bồi thường bằng tiền thì có đảm bảo nguyên tắc giá thay thế hay không; Bồi thường cho các công trình bị ảnh hưởng có tương đương với giá thay thế của vật liệu và lao động dựa trên các tiêu chuẩn và đặc thù của công trình, không trừ và khấu hao vật liệu cũ được tận dụng; Bồi thường cho cây cối/hoa màu có dựa trên giá thị trường hay không. Các hỗ trợ như đã được đề cập trong RAP có được chi trả đầy đủ cho các hộ gia đình hay không; chi trả một lần hay nhiều lần. Chi trả bồi thường và hỗ trợ đầy đủ cho người bị ảnh hưởng trước khi khởi công công trình.
3	Giám sát việc thực hiện cung cấp thông tin và tham vấn cộng đồng	Các tài liệu dự án có được cung cấp cho cộng đồng (RF, RAP, tờ rơi dự án, và các tài liệu khác có liên quan). Thông tin có được công khai tại nơi công cộng (kết quả kiểm đếm, áp giá, chi trả...). Những hộ bị ảnh hưởng phải có được tham khảo ý kiến đầy đủ về việc thu hồi đất, chính sách bồi thường, tái định cư, khôi phục mức sống cũng như tiếp cận cơ chế giải quyết khiếu nại hay không. Các lo ngại, đề xuất... của các hộ bị ảnh hưởng đã được giải quyết như thế nào trong quá trình thực hiện kế hoạch tái định cư.
4	Giám sát việc thực hiện tái định cư các hộ bị ảnh hưởng	Xem xét các điều kiện sinh sống, tạo thu nhập tại khu tái định cư như cơ sở hạ tầng (đường, điện sinh hoạt, hệ thống cấp/thoát nước...), sinh kế. Kế hoạch và thực hiện di dời: tham vấn về phương án tái định cư, tham gia xây dựng kế hoạch di dời, công bố kế hoạch di dời, và hỗ trợ cho hộ phải di dời. Việc ổn định đời sống, sản xuất sau tái định cư: các hộ ổn định đời sống và phát triển sản xuất như thế nào.
5	Giám sát việc phục hồi thu nhập, hỗ trợ ổn định đời sống	Các hỗ trợ phục hồi thu nhập có được cung cấp đầy đủ hay không; hiệu quả của các hỗ trợ phục hồi thu nhập (đào tạo, hỗ trợ tín dụng...). Các vấn đề mà hộ gia đình đang gặp phải trong quá trình phục hồi thu nhập và ổn định đời sống.
6	Giám sát và đánh giá mức độ hài lòng của các hộ bị ảnh hưởng	Mức độ hài lòng về kiểm đếm thiệt hại; Mức độ hài lòng về phổ biến thông tin, tham vấn cộng đồng; Mức độ hài lòng về chi trả bồi thường, hỗ trợ; Mức độ hài lòng về các hoạt động hỗ trợ ổn định đời sống và phục hồi thu nhập; Mức độ hài lòng về khu tái định cư;

TT	Các chỉ số	Thông tin yêu cầu giám sát và đánh giá
7	Giám sát cơ chế giải quyết khiếu nại của các hộ bị ảnh hưởng	Mức độ hiệu quả của cơ chế giải quyết khiếu nại (thời gian, hiệu quả giải quyết...); Kết quả giải quyết khiếu nại của các cấp khác nhau; Mức độ hài lòng về cơ chế giải quyết, khiếu nại.
8	Sự phối hợp giữa các hoạt động tái định cư và tiến độ thi công	Các công trình xây lắp chỉ được bắt đầu khi Thu hồi đất và các hoạt động tái định cư (bồi thường, hỗ trợ và di chuyển) của các hạng mục công trình đã được hoàn thành; Mọi vấn đề liên quan đến khu vực dự án cần được giải quyết. Chương trình phục hồi thu nhập được đặt ra.
9	Các vấn đề giới	Số lượt tham gia của phụ nữ trong việc thu hồi đất và các hoạt động tái định cư; tác động của việc thu hồi đất và tái định cư đối với sinh kế của phụ nữ; vấn đề khôi phục thu nhập của người phụ nữ.
10	Rủi ro của dòng lao động đặt ra cho cộng đồng bao quanh khu vực dự án	Các rủi ro xã hội tiềm ẩn liên quan đến dòng lao động, cần phải được thực hiện theo cách phân tách theo giới; An toàn của người lao động trong khu vực thi công của dự án; Sự an toàn của các cộng đồng xung quanh khu vực dự án từ mọi tác động gây ra bởi các công trình dân dụng, chủ yếu bao gồm bất kỳ rủi ro liên quan đến dòng chảy tạm thời của công nhân xây dựng vào các cộng đồng này trong suốt thời gian của dự án; Thực hiện các giải pháp và các biện pháp nhằm giảm nhẹ rủi ro nghề nghiệp và bảo vệ cộng đồng theo ESIA, EMP và RAP; và Quản lý nhà thầu và kiểm soát dòng lao động và các rủi ro tiềm ẩn.

PHỤ LỤC 2: ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU ĐỀ XUẤT CHO TƯ VẤN GIÁM SÁT ĐỘC LẬP

I. Giới thiệu dự án

1. Dự án được thực hiện tại thành phố Yên Bái (tỉnh Yên Bái).

2. Mục tiêu tổng quát của dự án nhằm tăng cường khả năng tiếp cận đến dịch vụ hạ tầng kỹ thuật đô thị được cải thiện và tăng cường năng lực lập quy hoạch và quản lý đô thị tại các thành phố của dự án;

3. Dự án gồm 2 hợp phần với các nội dung sau:

- ***Hợp phần 1: Giải pháp kết cấu - Cải tạo, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị.***
- ***Hợp phần 2: Giải pháp phi kết cấu – Hỗ trợ kỹ thuật và thực hiện dự án***

4. Thời gian thực hiện Dự án "Phát triển tổng hợp các đô thị động lực" dự kiến trong 5 năm, bắt đầu từ năm 2019 và hoàn thành năm 2025.

II. Mục tiêu của việc giám sát độc lập Kế hoạch hành động tái định cư

5. Mục tiêu chung của giám sát độc lập là giám sát độc lập định kỳ và đánh giá thực hiện các mục tiêu tái định cư, những thay đổi về mức sống và việc làm, việc khôi phục nguồn thu nhập và sinh kế của những người bị ảnh hưởng, hiệu quả, tác động và tính bền vững của chính sách quyền lợi của người BAH, sự cần thiết có thêm các biện pháp giảm thiểu thiệt hại nếu có, và để rút ra những bài học chiến lược cho việc lập và hoạch định chính sách sau này.

III. Phạm vi công việc

1) Nhiệm vụ của cơ quan giám sát

- Xác minh xem quy trình tham gia của hộ bị ảnh hưởng và chi trả bồi thường và các chính sách quyền lợi khôi phục khác có được thực hiện theo Kế hoạch hành động tái định cư đã được phê duyệt hay không, và
- . Đánh giá xem mục tiêu của Kế hoạch hành động tái định cư về nâng cao hoặc ít nhất phục hồi mức sống và thu nhập của người bị ảnh hưởng có đạt được hay không
- Thu thập các chỉ dẫn định tính về tác động kinh tế xã hội đối với các hộ bị ảnh hưởng khi thực hiện dự án.
- Kiến nghị điều chỉnh quy trình thực hiện nếu cần thiết để đạt được nguyên tắc và mục tiêu của Kế hoạch hành động tái định cư.

2) Vấn đề giám sát

- Chi trả đền bù theo các tiêu chí đã quy định;
- Phối hợp các hoạt động tái định cư với kế hoạch thi công
- Hỗ trợ kỹ thuật xây dựng nhà ở cho các hộ BAH
- Mức độ phục hồi sinh kế và mức sống của các hộ BAH
- Tham vấn cộng đồng và nhận thức của cộng đồng về chính sách tái định cư
- Mức độ hài lòng của các hộ BAH đối với các điều khoản và thực hiện Kế hoạch hành động tái định cư.

- Xu hướng liên quan đến mức sống

- Theo dõi và đưa ra khuyến nghi về việc ngăn ngừa các rủi ro tiềm ẩn do dòng lao động vào cộng đồng xung quanh khu vực dự án (nghĩa là người dân sống hoặc làm việc tại các xã liền kề với khu vực dự án) trong quá trình xây dựng.

- Giám sát và tư vấn về bảo vệ đầy đủ công nhân xây dựng An toàn tại công trường và thực hiện các thực hành an toàn tại nơi làm việc tốt trong quá trình xây dựng.

- Theo dõi và cung cấp khuyến nghị Monitor and provide advice on the adequate implementation of the project's Grievance Redress Mechanism (GQKN); and to identify problems or potential problems and recommend remidies for problems về việc triển khai đầy đủ Cơ chế giải quyết khiếu nại (GQKN) của dự án; và để xác định các vấn đề hoặc các vấn đề tiềm ẩn và đề xuất các biện pháp khắc phục cho các vấn đề

3) Các chỉ số giám sát

- Giám sát việc chi trả bồi thường cho các hộ bị ảnh hưởng
- Điều tra sự tham gia của phụ nữ trong quá trình tham vấn bồi thường tái định cư:
- Khôi phục các cơ cở hạ tầng dân dụng
- Cung cấp các khu tái định cư
- Mức độ hài lòng của người bị ảnh hưởng
- Công khai thông tin và tham vấn cộng đồng
- Phục hồi thu nhập.
- Điều tra KT-XH
- Tác động và chiến lược giới.
- Giám sát tình hình lao động của nhà thầu

IV. Phương pháp giám sát

6. Phương pháp giám sát độc lập Kế hoạch hành động Tái định cư cần phải được kết hợp phương pháp định lượng và định tính kèm các cuộc họp cộng đồng, thảo luận nhóm tập trung, phỏng vấn sâu và khảo sát mẫu. Quy mô mẫu có thể là 100% các hộ phải di dời và các hộ bị ảnh hưởng nặng, và ít nhất 20% trong số các hộ bị ảnh hưởng còn lại đối với mỗi đợt giám sát.

7. Cuộc khảo sát điều tra này cần điều tra cả nữ giới, người già, và các nhóm dễ bị tổn thương khác trên cơ sở bình đẳng giới.

V. Tiến độ hoàn thành và báo cáo

8. TVGSĐL phải trình báo cáo định kỳ 6 tháng một lần và nêu những phát hiện trong quá trình giám sát. Các báo cáo giám sát này sẽ được nộp cho Ban QLDA sau đó Ban QLDA sẽ trình lên cho Ngân hàng Thế giới. Tư vấn đệ trình các loại báo cáo giám sát độc lập như sau:

- Báo cáo khởi đầu
- Báo cáo định kỳ
- Báo cáo cuối cùng

VI. Thành phần nhóm tư vấn và yêu cầu kinh nghiệm

a) Yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của cán bộ chủ chốt cho mỗi Tiểu dự án

TT	Thành viên	Trình độ tối thiểu và kinh nghiệm
1	Trưởng đoàn (Chuyên gia tái định cư) (Kinh nghiệm trong nước)	Trưởng đoàn đã tốt nghiệp đại học ở các ngành học liên quan đến khoa học xã hội (kinh tế, xã hội học, quản lý đất đai…) có thời gian kinh nghiệm làm việc không dưới 15 năm từ khi tốt nghiệp, có kinh nghiệm làm trưởng nhóm tư vấn cho 03 gói thầu tư vấn giám sát độc lập về công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các dự án nguồn vốn nhà tài trợ nước ngoài như WB và ADB
2	Chuyên gia xã hội (Kinh nghiệm trong nước)	Chuyên gia xã hội đã tốt nghiệp đại học ở các ngành học liên quan đến khoa học xã hội (kinh tế, xã hội học, quản lý đất đai…)

b) Yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm đối với công ty/ tổ chức.

- Có kinh nghiệm làm việc về lĩnh vực xã hội trong các dự án ODA tối thiểu 03 năm.
- Có kinh nghiệm làm việc với Chính phủ và các tổ chức quốc tế.
- Có kinh nghiệm và hiểu biết về các vấn đề xảy ra trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

VII. Thời gian giám sát

Công việc dự kiến sẽ bắt đầu triển khai vào khoảng **06 tháng không liên tục**, dự kiến bắt đầu từ Qúy IV/2019 và hoàn thành vào cuối quý IV/2022.

VIII. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

- Phối hợp chặt chẽ với đơn vị tư vấn GSĐL trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Tư vấn trong thời gian thực hiện hợp đồng
- Cung cấp cho đơn vị tư vấn GSĐL các văn bản, tài liệu có liên quan tới công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án
- Quản lý hợp đồng tư vấn thực hiện nhiệm vụ này
- Tổ chức thẩm tra, nghiệm thu và trình duyệt báo các sản phẩn của tư vấn một cách đầy đủ và kịp thời

PHỤ LỤC 3: BIÊN BẢN HỌP THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

BIÊN BẢN HỌP

Dự án phát triển tổng hợp các đô thị động lực

Tiểu dự án: Thành phố Yên Bái – tỉnh Yên Bái

Tên cuộc họp: tham vấn cộng đồng về tái định cư

Thời gian: .....

Địa điểm: UBND phường Yên Ninh

Thành phần: + Lương Xuân Quyết - chủ tịch UBND phường
+ Nguyễn Thanh Hưng - PCT Ủy ban mặt trận
+ Nguyễn Thị Thúy Hằng - Cán bộ địa chính
+ Nguyễn Chí Thành - Bí thư chi bộ tổ 21B
+ Nông Thanh Tác - Bí thư chi bộ Bách Lâm
+ Phạm Mạnh Hà - Đại diện ban Quản lý
+ Đại diện dân vị tư vấn

Nội dung:

1- Giới thiệu dự án các hạng mục của dự án, các hạng mục thuộc phường Yên Ninh, Ngân vốn, tiến độ thực hiện dự án, số hộ bị ảnh hưởng dự kiến
2- tham vấn cộng đồng về phương án tái định cư, mong muốn nguyện vọng của cộng đồng dân cư
3- tham vấn chính quyền địa phương về phương án tái định cư
4- Ý kiến thảo luận
5- kết luận

Ý kiến thảo luận:

- Đại diện cộng đồng dân cư và chính quyền địa phương đồng ý với chủ trương của nhà nước và dự án
- khu tái định cư phải có mặt bằng sẵn để người dân xác định có nên tái định cư hay không

- Đề nghị chính quyền có chính sách bồi thường hợp lý, đảm bảo người dân có thể mua được đất tương tự sau khi thu hồi đất
- Con đường dự kiến xây dựng đi qua đất đồi núi là chính, người dân ủng hộ dự án do đó nếu có nhu cầu thu hồi đất người dân sẵn sàng giao đất tuy nhiên phương án bồi thường phải hợp lý
- phải tính toán đầy đủ các ảnh hưởng để xác định được các phương án tái định cư phù hợp

Kết luận:

- Đại diện cộng đồng dân cư và chính quyền địa phương đồng ý với chủ trương của dự án
- chính sách bồi thường hợp lý đảm bảo quyền lợi cho nhân dân

Cuộc họp kết thúc vào hồi ……giờ….. cùng ngày!

UBND phường/xã	*Đại diện cộng đồng dân cư*
PHÓ CHỦ TỊCH Lương Xuân Quyết	Vũ Thị Hà
Ban QLDA	*Đơn vị tư vấn*
TRƯỞNG BAN Cao Kim Thắng	GIÁM ĐỐC Nguyễn Hữu Tuấn

BIÊN BẢN HỌP

Dự án phát triển tổng hợp các đô thị động lực

Tiểu dự án: Thành phố Yên Bái – tỉnh Yên Bái

Tên cuộc họp: tham vấn cộng đồng về tái định cư

Thời gian:

Địa điểm: UBND phường minh tân

Thành phần:

+ Lê Đức Hạnh - Đại chính đất đai
+ Đại diện Hộ bị ảnh hưởng
+ Các cán bộ phường minh tân
+ Đại diện tổ dân phố
+ Phạm thanh tùng - cán bộ ban QLDA
+ Đại diện đơn vị tư vấn

Nội dung:

1 - Giới thiệu về dự án, nguồn vốn WB, các hạng mục đầu tư, khu vực bị ảnh hưởng, số hộ bị di dời dự kiến, thời gian dự kiến thực hiện dự án)

2 - Tham vấn cộng đồng về các phương án tái định cư và mong muốn, nguyện vọng của người dân

3 - Tham vấn các cấp chính quyền địa phương về tái định cư

Ý kiến thảo luận:

Các hộ gia đình bị ảnh hưởng chủ yếu sẽ không tái định cư do phần diện tích bị mất chủ yếu là đất màu, không thuộc vào diện tích nhà ở

Đại diện địa phương rất hoan nghênh dự án và mong

dự án sớm đi vào triển khai mong sao dự án đến nhà để kiểm tra phần diện tích đất bị ảnh hưởng để tư vấn phương án tái định cư

Đại diện hộ 25: hoàn toàn đồng ý về chủ trương của dự án tuy nhiên các việc thực hiện dự án đền bù tái định cư phải làm chuẩn chỉ, chính xác, tránh ảnh hưởng về lâu dài sau này phải tính toán diện tích bị ảnh hưởng để xác định được các phương án tái định cư phù hợp

Giá tái định cư phải cân nhắc để đảm bảo giá đất thu tái định cư thấp hơn hoặc ngang với giá bồi thường để đảm bảo các hộ bị ảnh hưởng có thể nâng tiếp cận

Kết luận:

Các hộ có diện tích còn lại vẫn đủ để sinh sống mong muốn được tái định cư tại chỗ còn lại nếu không đủ thì chọn phương án nhận tiền để tái định cư

Cuộc sống sinh hoạt phải đảm bảo như hiện tại thì mới tái định cư

Cuộc họp kết thúc vào hồi ……giờ….. cùng ngày!

UBND phường/xã	***Đại diện cộng đồng dân cư***
PHÓ CHỦ TỊCH Phạm Văn Thắng	Nguyễn Quế Tuấn
Ban QLDA	***Đơn vị tư vấn***
Phạm Thanh Tùng	GIÁM ĐỐC Nguyễn Hữu Tuấn

BIÊN BẢN HỌP

Dự án phát triển tổng hợp các đô thị động lực

Tiểu dự án: Thành phố Yên Bái – tỉnh Yên Bái

Tên cuộc họp: Tham vấn cộng đồng về tái định cư

Thời gian:

Địa điểm: UBND phường Minh Tân

Thành phần:
+ Nguyễn thị Nhung - HộBAH
+ Phạm Hùng Thắng - HộBAH
+ Hà Đình Tâm - HộBAH
+ Nguyễn thị thu Dung - HộBAH
+ Phạm Văn Thắng - phó chủ tịch UBND
+ Lê Đức Hạnh - Địa chính
+ Phạm thanh Tùng - Ban QLDA
+ Đại diện tư vấn

Nội dung: 1. Giới thiệu về dự án (nguồn vốn W.B, các hạng mục đầu tư, khu vực bị ảnh hưởng, số hộ bị di dời, dự kiến, thời gian dự kiến thực hiện dự án)
2. Tham vấn cộng đồng về các phương án tái định cư và mong muốn, nguyện vọng của người dân
3. Tham vấn cấp chính quyền địa phương về tái định cư

Ý kiến thảo luận:
Chính quyền địa phương và các hộ gia đình hoàn toàn nhất trí với chủ trương của dự án, quy hoạch của thành phố. Dự án được đưa vào thực hiện sẽ góp phần nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng

PHỤ LỤC 4: DANH SÁCH HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI DỰ AN

STT	Hộ gia đình	Diện tích đất bị ảnh hưởng (m2)	Diện tích nhà bị ảnh hưởng	Bếp	Nhà vệ sinh	Chuồng trại chăn nuôi	Tường kè đá	Tường gạch	Sân	Cổng	Bể nước	Giếng
	Xây dựng đường nối từ cầu Bách Lẫm đến cầu Văn Phú											
1	Nguyễn Thị Hoan	846				x						
2	Nguyễn Thị Thúy	273										
3	Bùi Văn Nhâm	172.23										
4	Bùi Thị Liên	45.27									x	
5	Bùi Thị Vẻ	525.47								x		
6	Bùi Thị Vẻ	173.73						x				
7	Bùi Văn Chung	28.42										
8	Bùi Văn Chung	16.36										
9	Bùi Văn Chung	20.65										
10	Bùi Văn Hải	329.97				x					x	
11	Bùi Văn Hợi	76.77										
12	Bùi Văn Hợi	24.68										
13	Bùi Văn Nhâm	60.177								x		
14	Cao Minh Hiền	189										
15	Cù Tiến Đạt	409.23										x
16	Cù Tiến Đạt	132.09										
17	Cù Tiến Dũng	379.1						x				
18	Cù Tiến Dũng	52.02										
19	Cù Tiến Dũng	287.53										
20	Cù Tiến Phong	210.96										
21	Cù Tiến Vinh	211.61										
22	Cù Tiến Vinh	372.58										
23	Đặng Văn Hùng	127.19										
24	Đào Anh Tuấn	286.497										
25	Đào Ngọc Long	2.59										
26	Đào Thị Hương	454.58									x	
27	Đào Thị Thu	107.5										
28	Đào Văn Khang	319.78										
29	Đào Xuân Hải	282.67										
30	Đinh Thị Tuyết	18										
31	Đỗ Thị Minh	150										
32	Đỗ Thị Minh	305										
33	Đỗ Văn Nhân	154.29										
34	Gộp chủ	3257.44				x				x		
35	Hà Công Thành	563.406										

36	Hà Thị Lập	371.148										
37	Hồ Công Thanh	231										
38	Hoàng Việt Cường	191									x	
39	Hoàng Việt Cường	394.4								x		
40	Lê Anh Chính	18.31										
41	Lê Anh Chính	102.1										x
42	Lê Đình Ngọc	223.12										
43	Lê Thị Ngọc	296.41										
44	Lê Thị Ngọc	462.92										
45	Lê Văn Minh	132.36										
46	Lê Văn Minh	326.09										
47	Lưu Đình Thắng	102.63									x	
48	Lý Bảo Ngọc	127										
49	Lý Công Lô	51										
50	Lý Thái Nguyên	835								x		
51	Nguyễn Anh Nhiên	57.74										
52	Nguyễn Đắc Thuật	159.24										
53	Nguyễn Đắc Thuật	69.41										
54	Nguyễn Đình Đạt	283.46										
55	Nguyễn Đình Huệ	307.41								x		
56	Nguyễn Đình Phương	417.93				x						
57	Nguyễn Đình Phương	153.95								x		
58	Nguyễn Đình Tiến	167.93										
59	Nguyễn Hồng Sinh	207.19										x
60	Nguyễn Hồng Sinh	495.06								x		
61	Nguyễn Hồng Thanh	68.86										
62	Nguyễn Hồng Thanh	195.5										
63	Nguyễn Hữu Bình	79.3										
64	Nguyễn Hữu Đô	1373.85										
65	Nguyễn Hữu Đô	305.51										
66	Nguyễn Hữu Đô	151.02										
67	Nguyễn Hữu Khang	16.93										
68	Nguyễn Hữu Khang	15.2										x
69	Nguyễn Hữu Khang	222.56								x		
70	Nguyễn Hữu Thọ	350.25										
71	Nguyễn Hữu Thọ	59.59										
72	Nguyễn Hữu Tuấn	85.55										
73	Nguyễn Hữu Tuấn	6.95										
74	Nguyễn Huữ Văn	237.83						x				
75	Nguyễn Huy Trường	489.79					x					
76	Nguyễn Huy Mùi	109.2										

77	Nguyễn Huy Mùi	46.26										
78	Nguyễn Huy Mùi	68.29										
79	Nguyễn Huy Bình	284.08										
80	Nguyễn Huy Bình	143.37										
81	Nguyễn Huy Chiến	296.88										
82	Nguyễn Huy Điểm	275.34								x		
83	Nguyễn Huy Điểm	1097.94								x		x
84	Nguyễn Huy Điểm	219.74										
85	Nguyễn Huy Điểm	368.05										
86	Nguyễn Huy Điểm	323.75										
87	Nguyễn Huy Điểm	76.49										
88	Nguyễn Huy Điểm	96.05										
89	Nguyễn Huy Giáp	255										
90	Nguyễn Huy Giáp	90										
91	Nguyễn Huy Mùi	57.31										
92	Nguyễn Huy Mùi	138.65										
93	Nguyễn Huy Mùi	204.38										
94	Nguyễn Huy Mùi	266.137								x		
95	Nguyễn Huy Mùi	13.04										
96	Nguyễn Huy Mùi	97.88										
97	Nguyễn Huy Mùi	59.51										
98	Nguyễn Huy Mùi	433.91										
99	Nguyễn Huy Phương	400.38										
100	Nguyễn Huy Quang	209.57										
101	Nguyễn Huy Tâm	498.15										
102	Nguyễn Khắc Hoan	70										
103	Nguyễn Kim Điều	105.49										
104	Nguyễn Kim Điều	133.62								x		x
105	Nguyễn Kim Điều	245.35										
106	Nguyễn Kim Điều	636.88										
107	Nguyễn Kim Điều	282.61										
108	Nguyễn Kim Điều	66.81										
109	Nguyễn Kim Đông	173.28										
110	Nguyễn Kim Hợi	206.74										
111	Nguyễn Kim Hợi	220.28								x		
112	Nguyễn Kim Hợi	137.11								x		
113	Nguyễn Kim Nhu	196.5										
114	Nguyễn Kim Nhu	614.21										
115	Nguyễn Kim Thức	95.5										
116	Nguyễn Kim Tinh	39.44										
117	Nguyễn Kim Tinh	29.56										
118	Nguyễn Kim Tinh	218.4										
119	Nguyễn Kim Tinh	159.67										

120	Nguyễn Kim Trù	327.52										
121	Nguyễn Kim Trù	273.41										
122	Nguyễn Kim Trung	32.778								x		
123	Nguyễn Kim Trung	203.08										
124	Nguyễn Kim Trung	189.74										
125	Nguyễn Kim Trung	234.68				x				x		x
126	Nguyễn Kim Tú	65.2										
127	Nguyễn Kim Tú	84.58										
128	Nguyễn Kim Tú	2.21										
129	Nguyễn Kim Úy	193.1										
130	Nguyễn Kim Tuấn	221.78										
131	Nguyễn Kim Vệ	40.76										
132	Nguyễn Kim Vệ	233.63										
133	Nguyễn Kim Vệ	647.13										
134	Nguyễn Kim Vệ	33.2										
135	Nguyễn Kim Vệ	74.11								x		
136	Nguyễn Kim Vệ	92.43										
137	Nguyễn Kim Viên	181.37										
138	Nguyễn Kim Viên	94.18								x		
139	Nguyễn Kim Viên	131.39										
140	Nguyễn Kin Sẻ	31.24										
141	Nguyễn Ngọc Long	222.94										
142	Nguyễn Ngọc Long	172.98									x	
143	Nguyễn Sĩ bình	230										
144	Nguyễn Sĩ bình	365										
145	Nguyễn Thanh Huyền	12.65										
146	Nguyễn Thị Bích	165.71										
147	Nguyễn Thị Bích	293.19										
148	Nguyễn Thị Hoài Thu	178										
149	Nguyễn Thị Hoài Thu	140										
150	Nguyễn Thị Hợi	55.75										
151	Nguyễn Thị Hồng	93.81										
152	Nguyễn Thị Kim	413	x							x		
153	Nguyễn Thị Kim Tuyến	164.65										
154	Nguyễn Thị Lệ	102.13										
155	Nguyễn Thị Lệ	112.21								x		
156	Nguyễn Thị Lệ	109.67										
157	Nguyễn Thị Lệ	29.73										
158	Nguyễn Thị Lệ	44.13										
159	Nguyễn Thị Nhật	239.83										x
160	Nguyễn Thị Nương	59.24										
161	Nguyễn Thị Nương	130.36										
162	Nguyễn Thị Nương	328.57										

163	Nguyễn Thị Phán	428								x		
164	Nguyễn Kim hương	111.62										x
165	Nguyễn Thị Phương	245.81										
166	Nguyễn Thị Thúy	232.59										
167	Nguyễn Thị Tuyến	122.26										
168	Nguyễn Thị Yến	48.99										
169	Nguyễn Tiến Minh	464.49										
170	Nguyễn Tiến Ninh	120.55										
171	Nguyễn Tiến Thạch	40.72										
172	Nguyễn Tiến Trường	33.3										
173	Nguyễn Tiến Trường	131.64						x				
174	Nguyễn Trong Tuyên	273										
175	Nguyễn Trong Tuyên	338								x		
176	Nguyễn Trong Tuyên	65										
177	Nguyễn Trong Tuyên	30										
178	Nguyễn Văn Bích	45.74										
179	Nguyễn Văn Chung	135.69								x		
180	Nguyễn Văn Chung	142.47										
181	Nguyễn Văn Dũng	101										
182	Nguyễn Văn Đồng	410										
183	Nguyễn Văn Dũng	204.59								x		
184	Nguyễn Văn Giang	54.92										
185	Nguyễn Văn Hải	260										
186	Nguyễn Văn Huân	290.13										
187	Phan Văn Hưng	87.08										
188	Phan Văn Hưng	76.58									x	
189	Nguyễn Văn Khương	80.81										
190	Bùi Văn Kiểm	119.3								x		
191	Bùi Văn Kiểm	134.76										
192	Nguyễn Văn La	1.11										
193	Nguyễn Văn Ơn	200										
194	Nguyễn Văn Phi	261.9										
195	Nguyễn Văn Sang	49										
196	Nguyễn Văn Sang	28										
197	Nguyễn Văn Tấn	468.02										
198	Nguyễn Văn Thành	196.05										
199	Nguyễn Văn Thành	32.38										
200	Nguyễn Văn Thành	75.6										
201	Nguyễn Văn Thông	675										
202	Nguyễn Văn Thông	195								x		
203	Nguyễn Văn Thủy	96.81										

204	Nguyễn Văn Tuyết	170										
205	Nguyễn Văn Tuyết	430										
206	Nguyễn Văn Vinh	142										x
207	Nguyễn Văn Vinh	204										
208	Nguyễn Văn Vinh	163										
209	Nguyễn Việt Cường	73.9										
210	Nguyễn Xuân Lợi	170.83								x		
211	Nguyễn Xuân Thanh	83.1										
212	Nguyễn Xuân Tý	40.8										
213	Nguyễn Xuân Tý	11.92										
214	Nguyễn Xuân Tý	291.82								x		
215	Nguyễn Xuân Tý	33.5										
216	Phạm Kiên Quyết	535										
217	Phạm Thị Lưu	78.7										
218	Phạm Thị Luận	153.8										
219	Phạm Thị Tuyến	351.506					x					
220	Phạm Thị Tuyến	47.73										
221	Phạm Thị Tuyến	90.59										
222	Phạm Văn Chung	2.9										
223	Phạm Văn Chung	80.216										
224	Phan Thị Tân	39.08										
225	Phan Văn Hanh	139.22										
226	Phan Văn Hạnh	7										
227	Phan Văn Hạnh	686										
228	Phan Văn Hạnh	60										
229	Phan Văn Nghị	276.34								x		
230	Phan Văn Nghị	98.05										
231	Phùng Thế Chức	125.18										x
232	Phùng Thế Chức	221.67										
233	Phùng Thế Chức	362.34									x	
234	Phung Thị Tiệp	740										
235	Phung Thị Tiệp	392										
236	Phùng Văn Tấn	243.27										
237	Phùng Văn Tấn	117.54										
238	Phùng Văn Tấn	581.3								x		
239	Phuùng Ngọc Quyết	113.81										
240	Phuùng Nguyên Hoài	100.7										
241	Phuùng Thế Chuc	239								x		
242	Phuùng Thị Xuân	323.81						x				
243	Phuùng Văn Tấn	261.5										
244	Trần Bình Thanh	14										
245	Trần Đắc Chiến	604.95										
246	Trần Đắc Chiến	222.38										

247	Trần Đắc Thọ	266.53								x		
248	Trần Đắc Thọ	171.58										
249	Trần Đắc Thuật	288.54										
250	Trần Đắc Tuyến	42.73										
251	Trần Đắc Tuyến	508.86										
252	Trần Đắc Tuyến	43.9										
253	Trần Duy Nghiệp	99.05										
254	Trần Nam Phong	215.057										
255	Trần Ngọc Hùng	38.54										
256	Trần Ngọc Mão	804.3								x		
257	Trần Ngọc Mão	144.37										
258	Trần Ngọc Mão	417.72										
259	Trần Ngọc Mão	89.92										
260	Trần Quang Hạnh	13.45										
261	Trần Thanh Nhàn	377.36										
262	Trần Thế Nhâm	324.83										
263	Trần Thị Đáng	78.23				x						
264	Trần Thị Gía	168.57										
265	Trần Thị Hợi	111.42										
266	Trần Thị Hợi	68.58									x	
267	Trần Thị Hợi	73.22										
268	Trần Thị Hợi	54.18								x		
269	Trần Thị Hợi	63.3										
270	Trần Thị Hợi	2.4										
271	Trần Thị Hợi	84.67										
272	Trần Thị Hợi	17.26										
273	Trần Thị Hợi	141.67								x		
274	Trần Thị Hợi	78.07										
275	Trần Thị Nga	1950.59										x
276	Trần Thị Nhâm	372.58										
277	Trần Thị Tâm	306.97										
278	Trần Thị Thái	360.39										
279	Trần Thị Thịnh	480.32										
280	Trần Thị Thúy	417.87								x		
281	Trần Văn Dũng	270.34										
282	Trần Văn Dũng	142.75										
283	Trần Văn Dũng	80.98										
284	Trần Văn Hoan	65.49								x		
285	Trần Văn Huy	143.65										
286	Trần Văn Kỷ	176.44										
287	Trần Văn Kỷ	380.96										
288	Trần Văn Kỷ	145.68										
289	Trần Văn Kỷ	450.51										

290	Trần Văn Kỷ	199.37										
291	Trần Văn Minh	464.74										
292	Trần Văn Nghị	151.24										
293	Trần Văn Nghị	227.49										
294	Trần Văn Nguyên	178.44										
295	Trần Văn Phong	269.99								x		
296	Trần Văn Sơn	223.5										
297	Trần Văn Sự	34.04										
298	Trần Văn Sự	77.76										
299	Trần Văn Sự	507.36										
300	Trần Văn Thành	393.77										
301	Trần Văn Thanh	133.53								x		
302	Trần Văn Thanh	207.82										x
303	Trần Văn Thanh	345.69										
304	Trần Văn Thanh	803.98										
305	Trần Văn Thành	200.78										
306	Trần Văn Thông	212.105								x		
307	Trần Xuân Lợi	615.88										
308	Trần Xuân Mậu	37.81										
309	Trần Xuân Mậu	561.38								x		
310	UBND	58										
311	UBND	82										
312	UBND	354										
313	UBND xã	41										
314	UBND xã	6										
315	UBND xã	315										
316	UBND xã Liên Phú	9.55										
317	UBND xã Liên Phú	100.146										
318	UBND xã Liên Phú	321.05										
319	UBND xã Liên Phú	234.64										
320	UBND xã Liên Phú	208.81										
321	UBND xã Liên Phú	44.25										
322	UBND xã Liên Phú	48.47										
323	UBND xã Liên Phú	161.76										
324	UBND xã Liên Phú	114.15	x									
325	UBND xã Liên Phú	208.81										
326	UBND xã Liên Phú	333.47										
327	UBND xã Liên Phú	286.92	x									
328	UBND xã Liên Phú	275.98										
329	UBND xã Liên Phú	55.98										
330	UBND xã Liên Phú	6.23										
331	UBND xã Liên Phú	266.07										
332	UBND xã Liên Phú	62.55										

333	UBND xã Liên Phú	186.96										
334	UBND xã Liên Phú	249.61										
335	UBND xã Liên Phú	7.12										
336	UBND Xã Tuy Lộc	9.45										
337	UBND Xã Tuy Lộc	16.45										
338	UBND Xã Tuy Lộc	14.68										
339	UBND Xã Tuy Lộc	16.72										
340	UBND xã Văn Phú	75.09										
341	Vũ Ngọc Mão	52.07										
342	Vũ Văn Thìn	100.82										
343	Vương Minh Chung	75										
344	Vương Thành Lập	185										
345	Nguyễn Văn Thịnh	239.08										
346	Đinh Trọng Phúc	1777.039										
347	Đinh Trọng Phúc	638.123										
348	Đinh Trọng Phúc	1223.51										
349	UBND phường quản lý	1718										
350	UBND phường quản lý	1002.24										
351	UBND phường quản lý	387.4										
352	Trần Thị Phương	376.64										
353	Trần Thị Phương	219.53										
354	Trần Thị Phương	1180.91										
355	Trần Thị Phương	119.4										
356	Trần Thị Phương	112.8										
357	Đào Đức Hợi	731.4										
358	Lê Văn Kỳ	351.57										
359	Nguyễn Văn Thịnh	587.7										
360	Nguyễn Văn Thịnh	139.9										
361	Nguyễn Văn Thịnh	203.02										
362	Nguyễn Hồng Thái	1430.4										
363	Lê Thị Oanh	2332.1										
364	Hoàng Thị Hương	1573.85										
365	Đỗ Ngọc Bun	896.34										
366	Đào Anh Tuấn	848.69										
367	Nguyễn Tiến Dũng	114.58										
368	Đỗ Ngọc Bảng	176.13										
369	Đào Thị Vui	391.95										x
370	Đỗ Thị Luyến	983.9										
371	Nguyễn Thị Hạnh	3778.75										
372	……Đô	416.5										

373	……Văn	1438.98										
374	UBND xã Văn Phú	174										
375	UBND xã Văn Phú	16.5										
376	UBND xã Văn Phú	124.5										
377	UBND xã Văn Phú	123.7										
378	UBND xã Văn Phú	226.3										
379	UBND xã Văn Phú	72.9										
380	UBND xã Văn Phú	31.6										
381	UBND xã Văn Phú	27.9										
382	UBND xã Văn Phú	9.3										
383	UBND xã Văn Phú	15.9										
384	UBND xã Văn Phú	154.8										
385	UBND xã Văn Phú	43										
386	UBND xã Văn Phú	202.4										
387	UBND xã Văn Phú	14.7										
388	UBND xã Văn Phú	92.2										
389	UBND xã Văn Phú	2.5										
390	UBND xã Văn Phú	134										
391	UBND xã Văn Phú	75.3										
392	UBND xã Văn Phú	60										
393	UBND xã Văn Phú	25										
394	UBND xã Văn Phú	5.1										
395	UBND xã Văn Phú	1299.7										
396	UBND xã Văn Phú	19.9										
397	UBND xã Văn Phú	225										
398	UBND xã Văn Phú	162.2										
399	UBND xã Văn Phú	57.6										
400	UBND xã Văn Phú	21.3										
401	UBND xã Văn Phú	14.6										
402	UBND xã Văn Phú	97.4				x						
403	UBND xã Văn Phú	12.5										
404	UBND xã Văn Phú	43.8										
405	UBND xã Văn Phú	61.7										
406	UBND xã Văn Phú	84.8										
407	UBND xã Văn Phú	32.6										
408	UBND xã Văn Phú	46.2										
409	UBND xã Văn Phú	94.6										
410	UBND xã Văn Phú	44.2										
411	UBND xã Văn Phú	234.6										
412	UBND xã Văn Phú	209.5										
413	UBND xã Văn Phú	48.7										
414	UBND xã Văn Phú	9.6										
415	UBND xã Văn Phú	18.3										
416	UBND xã Văn Phú	101.2										

417	UBND xã Văn Phú	2.6										
418	UBND xã Văn Phú	135.1										
419	UBND xã Văn Phú	258.9										
420	UBND xã Văn Phú	194.8										
421	UBND xã Văn Phú	341.9										
422	UBND xã Văn Phú	104										
423	UBND xã Văn Phú	324.5										
424	UBND xã Văn Phú	53.9										
425	UBND xã Văn Phú	263.6										
426	UBND xã Văn Phú	298.4										
427	UBND xã Văn Phú	2.1										
428	UBND xã Văn Phú	3.7										
429	UBND xã Văn Phú	50.6										
430	UBND xã Văn Phú	6.2										
431	UBND xã Văn Phú	60.2										
432	UBND xã Văn Phú	218.7										
433	UBND xã Văn Phú	249.3										
434	UBND xã Văn Phú	7										
435	UBND xã Văn Phú	354.2										
436	UBND xã Văn Phú	1.5										
437	UBND xã Văn Phú	15.9										
438	UBND xã Văn Phú	87.5										
439	UBND xã Văn Phú	18.3										
440	UBND xã Văn Phú	0.7										
441	UBND xã Văn Phú	0.5										
442	UBND xã Văn Phú	68.1										
443	UBND xã Văn Phú	78										
444	UBND xã Văn Phú	16.9										
445	UBND xã Văn Phú	160.8										
446	UBND xã Văn Phú	3293.8										
447	UBND xã Văn Phú	3.6										
448	UBND xã Văn Phú	21.1										
449	UBND xã Văn Phú	42.1										
450	UBND xã Văn Phú	1581.9										
451	UBND xã Văn Phú	516.6										
452	UBND xã Văn Phú	229.6										
453	UBND xã Văn Phú	1050										
454	UBND xã Văn Phú	24.2										
455	UBND xã Văn Phú	30.4										
456	UBND xã Văn Phú	5.2										
457	UBND xã Văn Phú	24.9										
458	UBND xã Văn Phú	21.4										
459	UBND xã Văn Phú	43.4										
460	UBND xã Văn Phú	306.2										

461	UBND xã Văn Phú	13.5										
462	UBND xã Văn Phú	55										
463	UBND xã Văn Phú	37.2										
464	UBND xã Văn Phú	224.3										
465	UBND xã Văn Phú	496.4										
466	UBND xã Văn Phú	462.7										
467	UBND xã Văn Phú	77.8										
468	UBND xã Văn Phú	10.8										
469	Tạ Quang Sử	516.4										
470	Nguyễn Văn Bích	355.2										
471	Đoàn Thị Hương	89.4										
472	Đào Phúc Tráng	185.6								x		
473	Đào Phúc Tráng	72.7										
474	Hoàng Thị Nhiễm	208.2										
475	Nguyễn Văn Bích	269.2										
476	Đào Phúc Tráng	168.7								x		
477	Cấn Văn Ngọc	100										
478	Mầu Văn Thọ	400.2										
479	Mầu Văn Xuân	265.8										
480	Mầu Văn Mùi	310.9					x			x		x
481	Nguyễn Thị Hà	525.6										
482	Nguyễn Thị Hà	329.9										
483	Mầu Văn Thọ	342.3										
484	Trần Thị Phú	202										
485	Trần Thị Phú	257.7										
486	Tạ Quang Sử	162.8										
487	Nguyễn Văn Uy	505.4										
488	Mầu Văn Sinh	269										
489	Lê ĐÌnh Thắng	119.5										
490	Lê Thị Lợi	209.2								x		
491	Mầu Văn Thọ	218.7										
492	Cấn Văn Ngọc	504.9										
493	Hoàng Thị Nhiễm	113.2										
494	UBND phường Yên Ninh	166.7										
495	Trần Văn Hải	88.3								x		
496	Nguyễn Thị Hà	58.1										
497	Mầu Văn Thọ	1429.4										
498	Nguyễn Văn Thủy	87.1										
499	Trần Văn Dạnh	446.9										
500	Nguyễn Văn Uy	2453.1										x
501	Tạ Quang Sử	235.3										
502	Mầu Văn Thọ	390.9										
503	Trần Văn Hải	208.5										
504	Trần Văn Hải	93								x		

505	Trần Văn Hải	774										
506	Cấn Văn Ngọc	906.1										
507	Mầu Văn Thọ	26.5										
508	UBND phường Yên Ninh	192.5										
509	Tạ Quang Sử	61.6								x		
510	Nguyễn Văn DŨng	107.4										
511	Trần Mạnh Hùng	95										
512	Phùng Thị Ngân	308.1								x		
513	Tranh chấp	48.6										
514	UBND phường Yên Ninh	36.1										
515	Traần Thị Thu Huyền	22.1										
516	Trần Văn Quang	3073.4										
517	Phùng Hữu Bái	289.9								x		
518	Phạm Thị Quý	508.3										
519	Phùng Hữu Tuấn	44.5										
520	Tranh chấp	13								x		x
521	UBND phường Yên Ninh	107.2										
522	Nguyễn Thị Thịnh	405										
523	Lê ĐÌnh Thắng	293.4										
524	Trần Văn QUang	166.1										
525	Mầu Văn Ngõ	147.1										
526	Vũ Thị Liêm	12.1								x		
527	Lê Thị Lợi	609.4										
528	UBND phường Yên Ninh	92.5										
529	Trần Văn Kiên	186										
530	Nguyễn Thị Hy	557.4										
531	Chu Thị Nga	858.5										
532	Phạm Văn Thịnh	201.4								x		
533	Trần Văn Kiên	168.1										x
534	Nguyễn Thị Hòa	166.9										
535	Nguyễn Thị Hy	447.6										
536	Nguyễn Thị Hy	311.6										
537	Phùng Thị Thủy	192.4				x						
538	Nguyễn Thị Mai	529.3										
539	Phùng Thị Thủy	1808.3										
540	Nguyễn Văn Tước	939.5										
541	UBND phường Yên Ninh	75.1										
542	Phùng Thị Thủy	64.7										
543	Nguyễn Thị Hòa	292.2								x		
544	Phạm Thị Quý	195.2										
545	Phạm Văn Thịnh	155.2										
546	Chu Thị Nga	1892.8								x		

547	Trần Văn Ích	293.1										
548	UBND phường Yên Ninh	149.6										
549	UBND phường Yên Ninh	197.3										
550	Phùng Thị Thủy	141.3										
551	Nguyễn Thị Hy	3432.5										
552	Nguyễn Thị Hy	509.6								x		
553	Trần Văn Kiên	420.9										
554	Nguyễn Thị Thịnh	130.7								x		
555	Tranh chấp	1378.1										
556	Phạm Thị Quý	1235.3										
557	UBND phường Yên Ninh	43.1										
558	UBND phường Yên Ninh	602										
559	UBND phường Yên Ninh	49.9										
560	Lê Thị Định	34										
561	Nguyễn Trí Dũng	323.9										
562	Nguyễn Trí Dũng	910.6										
563	Phạm Văn An	160.1										
564	Chu Thị Nga	56.5										
565	Kiều Quang Trung	293.1										
566	Phạm Ngọc Minh	100.9										
567	UBND phường Yên Ninh	14.8										
568	UBND phường Yên Ninh	0.2										
569	Nguyễn Thị Nhung	200										
570	Nguyễn Văn Bình	137.2								x		
571	Nguyễn Văn Tước	345.7										
572	Nguyễn Văn Tước	571.1								x		
573	Nguyễn Thị Phòng	217.5										
574	Nguyễn Thị Phòng	41.5										
575	Nguyễn Văn Bình	1315.4										
576	Nguyễn Văn Phong	3.9								x		
577	Nguyễn Văn Bình	425.1										
578	Nguyễn Thị Nhung	110.7										
579	Nguyễn Văn DĐồng	102										
580	Nguyễn Văn Quang	60.4								x		
581	Bùi Bích Thảo	43										
582	UBND phường Yên Ninh	285.6								x		
583	Nguyễn Thị Nhung	0.7										x
584	Nguyễn Văn Bình	26.7										
585	Nguyễn Văn Quang	25.2										
586	Hoàng Văn Long	107.3										

587	Nguyễn Thị Phòng	234.2										
588	Nguyễn Thị Múi	231.9										
589	Nguyễn Thị Oanh	199.6										
590	Nguyễn Thị Chén	200										
591	Nguyễn Thị Chén	119.1								x		
592	Bùi Hoàng Lập	751.4										
593	Đoỗ Thị Cúc	200										
594	Ngô Văn Hiếu	208.8										
595	Phùng Thị Ngân	447.4										
596	Phùng Thị Nga	402.1										
597	Nguyễn Đình Kiên	500.6								x		
598	Nguyễn Đình Kiên	400.5										
599	Trần Văn Sung	529.8										
600	Trần Văn Sung	435										
601	Ngô Duy Tân	74.1								x		
602	Trần Văn Sung	370.4										
603	Trần Văn Sung	150.4										
604	Nguyễn Thị Hồng Tâm	167.8										
605	UBND phường Yên Ninh	264.4										
606	Nguyễn Văn Việt	37.8										
607	Nguyễn Văn Việt	26.9								x		
608	Nguyễn Văn Việt	33.8										
609	Nguyễn Văn Việt	122.5										
610	Nguyễn Văn Việt	178.1										
611	Nguyễn Văn Việt	62.7										
612	Bùi Hoàng Lập	194.9										
613	Nguyễn Thị Phú	41.6								x		
614	Nguyễn Thị Chén	89.6										
615	UBND phường Yên Ninh	504.4										
616	Đỗ Thị Cúc	428										
617	Đỗ Thị Cúc	1596.3				x				x		
618	Nguyễn Đình Kiên	6222.6				x				x		
619	Bùi Hoàng Lập	574.4										
620	Nguyễn Văn Tinh	49.4										
621	Nguyễn Thị Thu Cúc	193.3										
622	Nguyễn Thị Thu Cúc	83										
623	Nguyễn Đình Kiên	674.4										
624	UBND phường Yên Ninh	6.6										
625	Nguyễn Đình Kiên	510.3								x		
626	Nguyễn Đình Kiên	2942.5										
627	Ngô Duy Tân	55.9										
628	Đỗ Thị Định	330.2								x		

629	Đỗ Thị Định	280.5										
630	Trần Thị Mến	580.4										
631	UBND phường Yên Ninh	154.2										
632	Ngô Duy Tân	1239.3								x		
633	UBND phường Yên Ninh	19.4										
634	Hoàng Cảnh Vinh	150.1										
635	Hoàng Văn Long	189.3										
636	Nguyễn Thị Múi	26.4										
637	Lưu Phong Quỳnh	497.4										
638	Vũ Thị Hiến	479.7								x		
639	Nguyễn Thị Hồng Tâm	394.4										
640	Vũ Thị Hiến	300.5										
641	Vũ Thị Hiến	278.9								x		
642	Phan Thị Gái	77.6										
643	Nguyễn Thị Thu Cảnh	133.5										
644	Nguyễn Thị Bảo	98.8										
645	Nguyễn Đình Văn	337.8										
646	Nguyễn Tiến Dũng	596.9								x		
647	Ngô Xuân Thịnh	761.2										
648	Đinh Thị Hảo	101.7										
649	Trần Thị Huệ	85.4										
650	Hoàng Huy Phục	269.7										
651	Ngô Xuân Thịnh	230.5										
652	Trần Thị Lý	440.1										
653	Trần Văn Hỹ	467.1										
654	Hoàng Thị Thái	396.4										
655	Nguyễn Thị Nguyệt	111										x
656	Trần Văn Thắng	495.1										
657	Lưu Phong Quỳnh	549.9										
658	Nguyễn Hữu Lễ	461.8								x		
659	Nguyễn Văn Cứ	641.9										
660	Lưu Phong Quỳnh	609.4										
661	Nguyễn Văn Cứ	268.6										
662	Nguyễn Thị Bảo	359										
663	Trần Văn Thắng	338										
664	Đào Đức Tin	168.6										
665	Đào Đức Tin	202.2										
666	Nguyễn Thị Bảo	112.1										
667	Đinh Tiên Hoàng	66.8								x		
668	Nguyễn Thị Bảo	167.5										
669	Nguyễn Thị Luyến	534.9										
670	Nguyễn Văn Thịnh	585										
671	Đinh Tiên Hoàng	176.3								x		

672	Trần Ngọc Sơn	390.4										
673	Trần văn Thắng	242.6										
674	Trần Quang Thọ	207.4										
675	Đinh Trọng Phúc	192.1										
676	Đào Đức Tin	178.5										
677	UBND phường Yên Ninh	5.4										
678	Nguyễn Thị Bảo	2.2								x		
679	Trân Thị Hậu	102.1										
680	Đào Đức Tin	65.7										
681	UBND phường Yên Ninh	12.3										
682	UBND phường Yên Ninh	330.1										
683	Đào Đức Tin	12.4								x		
684	Đào Đức Tin	25.6										
685	Nguyễn Văn Cứ	275.4										
686	Đinh Tiên Hoàng	132.6										
687	UBND phường Yên Ninh	23.2										
688	Trần Quang Thọ	210.4										
689	UBND phường Yên Ninh	31.6										
690	UBND phường Yên Ninh	3532.7										
691	UBND phường Yên Ninh	1107.2										
692	UBND phường Yên Ninh	10.6										
693	UBND phường Yên Ninh	0.4										
694	Đinh Tiên Hoàng	317.1										
695	Đinh Quang Long	79.5										
696	Phan Thị Gái	121.1										
697	Lưu Phong Quỳnh	996.2										
698	Nguyễn Thị Cầm	572.4										
699	Nguyễn Thị Cầm	9.2										
700	Nguyễn Thị Cầm	17.5										
701	Nguyễn Thị Cầm	856.3										
702	Trần Văn Sung	1741.5				x						
703	Nguyễn Thị Hồng Tâm	2830										
704	Nguyễn Thị Luyến	241.8										
705	Trại Giam Hồng Ca	738.5				x						
706	Nguyễn Thị Hồng Tâm	501.6										
707	Nguyễn Thị Hồng Tâm	423.5										
708	UBND phường Yên Ninh	22.3										
709	Trại Giam Hồng Ca	1773										
710	Trại Giam Hồng Ca	119.3										

711	Trại Giam Hồng Ca	8.2										
712	Trại Giam Hồng Ca	3.4										
713	UBND phường Yên Ninh	0.5										
714	Trại Giam Hồng Ca	1.8										
715	Trại Giam Hồng Ca	269.1										
716	UBND phường Yên Ninh	331.4										
717	Nguyễn Văn Tuấn	71.8								x		
718	Nguyễn Văn Thành	81.6										
719	Phan Thị Gái	462.1										
720	UBND phường Yên Ninh	638.4										
721	Nguyễn Văn Cứ	219.5										
722	UBND phường Yên Ninh	6.7										
723	Nguyễn Văn Cứ	256.6										
724	Nguyễn Văn Cứ	14.7										
725	Đinh Thị Hảo	94.9										
726	Đinh Trọng Đức	260.2										
727	Đinh Trọng Đức	139.9										
728	Đinh Trọng Đức	30.8										
729	Ngô Xuân Hưng	475.3										
730	UBND phường Yên Ninh	68.6										
731	Nguyễn Văn Cứ	330										
732	Nguyễn Đình Văn	445.2										
733	Lưu Phong Quỳnh	910.8										
734	Nguyễn Đình Văn	233.4										
735	Nguyễn Thị Nguyệt	279.1										
736	Nguyễn Thị Chính	1645.1										
737	UBND phường Yên Ninh	72.4										
738	Nguyễn Tiến Dũng	146.1										
739	Trần Văn Sung	648										
740	Nguyễn Thị Bảo	544.9										
741	Đinh Thị Hảo	682.2										
742	Nguyễn Thị Cầm	318.9										
743	UBND phường Yên Ninh	240.2										
744	Trần Văn Thắng	46.2										
745	Nguyễn Văn Độ	204.4										
746	Đinh Trọng Lợi	264.1										
747	Đinh Quang Long	11.2										
748	Traần Thị Mến	339.1										
749	Nguyễn Thị Hằng	106.2										
750	UBND phường Yên Ninh	117.6										
751	Nguyễn Thị Bảo	184.8										

752	UBND phường Yên Ninh	40.5										
753	Lưu Phong Quỳnh	1010.3										
754	Lưu Phong Quỳnh	350.5										
755	Đinh Trọng Phúc	498.7										
756	UBND phường Yên Ninh	1741.7				x						
757	Đào Đức Hợi	731.4										
758	Nguyễn Hồng Thái	1430.4										
759	Đào Văn Hiệp	335.2										
760	Nguyễn Văn Thịnh	147.2										
761	Trần Thị phương	125.8										
762	Trần Thị Phương	127										
763	Đoỗ Thị Luyến	983.9										
764	Nguyễn Văn Thịnh	224.3										
765	Trầần Văn Lành	238.5										
766	Trần Văn Dương	132.5										
767	Lê Thị Oanh	250										
768	Nguyễn Hữu Khiết	461.5										
769	Công ty điện lực Yên Bái	6										
770	Nguyễn Văn Thịnh	244.4										
771	UBND phường Yên Ninh	106										
772	UBND phường Yên Ninh	58										
773	Trần Văn Hải	168.7										
774	UBND phường Yên Ninh	1685.2										
775	Đinh Trọng Phúc	1123.5										
776	UBND phường Yên Ninh	10.6										
777	UBND phường Yên Ninh	0.4										
778	Đào Thị Vui	16.5										
779	Hoàng Việt Cường	6										
780	Traần Thị Phương	366.6										
781	Trần Thị Phương	216.2										
782	Lê Thắng	351.6										
783	Trần Thị phương	1189.3										
784	Nguyễn Văn Thịnh	605.1										
785	Lê thị Oanh	2300.4										
786	UBND phường Yên Ninh	1005.3										
787	Hoàng Thị Hương	1568.5										
788	Đỗ Ngọc Bun	860.3										
789	Đào Anh Tuấn	853.5										
790	Nguyễn Tiến Dũng	152.5										
791	Đỗ Xuân Bảng	173.2										

792	Đào Thị Vui	384.7										
793	Nguyễn Văn ngọc	14.5										
794	Nguyễn Thị Hạnh	2999.6										
795	Đinh Trọng Phúc	534.2										
796	UBND phường Yên Ninh	2.5										
797	Nguyễn Văn Thịnh	27.6										
798	UBND phường Yên Ninh	43.4										
799	UBND phường Yên Ninh	167.5										
800	Đinh Trọng Phúc	41.5										
801	Đinh Trọng Phúc	165.9										
802	Đinh Trọng Phúc	104.2										
803	UBND phường Yên Ninh	483.8										
804	Trần Văn Dương	102.5										
805	Đỗ Xuân Bảng	42										
806	UBND phường Yên Ninh	286.7										
807	UBND phường Yên Ninh	33.1										
808	Trần Thị Mai	187.8										
809	Bùi Thị Hạnh	33.6										
810	Đinh Trọng Phúc	1135										
811	UBND phường Yên Ninh	396.3										
812	Trầần Văn Dương	159										
813	Trần Văn Dương	66.9										
814	Trần Văn Dương	89.7										
815	Trần Văn Dương	85										
816	Trần Văn Dương	44.9										
817	Trần Văn Dương	719.5										
818	Nguyễn Kim Cương	276.1										
819	Trần Văn Dương	78.5										
820	Trầần Văn Dương	77.8										
821	UBND phường Yên Ninh	288.6										
822	Nguyễn Kim Cương	61.2										
823	Nguyễn Kim Cương	144.3										
824	UBND phường Yên Ninh	112										
825	Hoàng Việt Cường	95.7										
826	Nguyễn Hữu Bình	94.5										
827	Nguyễn Kim Đông	502.9										
828	Lê Thị Oanh	268.5										
829	Phạm Văn Sơn	45.5										
830	Nguyễn Hữu Văn	1607.7										

831	Điện lực Yên Bái	6										
832	Đinh Trọng Phúc	23.9										
833	Đào Văn Hiệp	311.1				x						
834	Đinh Trọng Thắng	1772.2										
835	Trần Văn Lành	1101.9										
836	Nguyễn Đình Huy	1416.9										
837	Lê Thị Oanh	526.3										
838	Trầần Văn Dương	510										
839	Nguyễn Kim Điều	121.3										
840	Nguyễn Văn Vui	357.4										
841	UBND phường Yên Ninh	183										
842	UBND phường Yên Ninh	336.6										
843	Nguyễn Huy Phương	321.2										
844	Trần Văn Lành	120.6										
845	Nguyễn Xuân Tý	48.5										
846	Trần Văn Dương	120										
847	Trần Văn Dương	677.1										
848	**Xây dựng kè chống lũ suối Hào Gia**											
849	Nguyễn Văn Tường	7								x		
850	Hoàng Minh Tâm	14.9										
851	Hoàng Minh Tâm		x									
852	Quyền Thị Lợi	60.4										
853	Nguyễn Thị Vương Bích	992.5						x				
854			x									
855	Hà Nguyễn Thành Li	30.4										
856	Hà Nguyễn	47										
857	Hà Phú Nhuận	351.3										
858	NH NN&PTNT YB	348										
859	UBND Phường	112.5										
860	Trần Xuân Tiến	113.1								x		
861	Trần Xuân Tiến	31.8										
862	Chu Thị Hoan	7.7								x		
863	Lưu Văn Dũng	59.8								x		
864	Lưu Văn Dũng	55.9	x									
865	Ban nội chính tỉnh YB	92.7	x									
866	UBND Phường	77.9										
867	Mai Kim Nhiên	31.8								x		
868	Vũ Thị Loan	103	x									
869	Nguyễn văn Hiển	91.4								x		
870	Nguyễn văn Hiển	26.6	x									
871	Vũ Đình Ta	223.5	x									

872	Đào Văn Nấm	34.9										x
873	Lương Văn Tuyển	118.2										
874	Đỗ Thị Huệ	112.1						x				
875	Hoàng Thị Cúc	58.9										
876	UBND Phường	40.3										
877	Vũ Thị Tư	20.5										
878	Lê Đức Hải	6.5								x		
879	Nguyễn Thị Chiều	23.9								x		
880	Lê Văn Phúc	63.1										
881	Lê Văn Phúc	143.8				x				x		
882	Đặng Ngọc Lương	25.6									x	
883	UBND Phường	939.4										
884	Đặng Ngọc Lương	122										
885	UBND Phường	4.4								x		
886	Vũ Ngọc Minh	1.4										
887	Cty Bảo Việt YB	33										
888	UBND Phường	66.4										
889	Đỗ Lê Thắng	18.9										
890	Phạm Thị Kim Tính	3.5										
891	Cao Thị Biên	5.9										
892	Phạm Quốc Hùng	3.7								x		
893	Nguyễn Trọng Đại	2.4										
894	Phạm Quang Vinh	1.7								x		
895	Nguyễn Quang Vinh	1.6										
896	Nguyễn Phong Phú	4.9										
897	Đỗ Thúy Mùi	5.1										
898	Nguyễn Đức Việt	6.8										
899	Nguyễn Văn Quý	7.7								x		
900	Trương Thị Sửu	3.8										x
901	Đỗ Xuân Hành	2.2										
902	Nguyễn văn Hà	1.7										
903	Trần Thị Thơ	4.6								x		
904	Nguyễn Công Uyên	12.6										
905	Đinh Văn Thao	4.3										
906	Lưu Thị Chân	5.5										
907	Lưu Bá Cường	4.9										
908	Nguyễn Thị Bích Ngọc	7.3										
909	Lương THị Hành	2.6								x		
910	Mai Văn Sinh	7.1										
911	Hà Thị Thu	10.9								x		
912	Nguyễn Trung Hà	1.4										
913	Nguyễn Ngọc Tới	1.1										
914	Phạm Thị Ngọ	5.2										

915	Nguyễn Thanh Tâm	3.8										
916	Nguyễn Quang Phong	9.5								x		
917	Nguyễn Thị Xuân	1.8										
918	Nguyễn Văn Hồng	2.5										
919	Vũ Văn Cường	2.8								x		
920	Vũ Kim Hoàng	6.6										
921	Đặng Văn Ổn	8.8										
922	Cao Thị Nguyệt	7.3										
923	Kiều Văn Tuấn	9.2										
924	Đinh Quang Huy	9.8									x	
925	Định Thị An	37.1								x		
926	Phạm Thị Hành	2.1										
927	Phạm Thị Hành	13.4								x		
928	Nguyễn Bá Nghiệp	1.1										
929	Đảng Ủy khối các cơ quan	82.9										
930	Bùi Thị Mây	158.4	x							x		
931	Lê Thị Thúy Nhu	388.7										
932	Lê Thị Thúy Nhu	136.9	x					x				
933	Nguyễn Hồng Tuyến	1										
934	Bùi Vượng	90.5	x									
935	Ngô An Dương	10.3										
936	Lê Sơn Lâm	168.9	x							x		
937	Lê Mạnh Hùng	28.9										
938	Lê Mạnh Hùng	11.9										
939	Phan Thị Bốn	438.6										
940	Lương Thị Nhung	10										
941	Lương Thị Nhung	70.1								x		
942	Phan Thị Bốn	580.3										
943	Đỗ Văn Hiền	222.2	x									x
944	Đỗ Văn Hiền	148.5								x		
945	Đỗ Văn Sáng	103	x									
946	Đỗ Văn Hiền	446.5	x									
947	Đỗ Văn Hiền	31.4										
948	Nguyễn Văn Tư	76.4										
949	Đoàn Thị Mừng	46.9										
950	Đoàn Thị Mừng	44.5								x		
951	Nguyễn Song Toàn	184.1										
952	Nguyễn Song Toàn	231.2										
953	Nguyễn Song Toàn	346.8	x							x		
954	UBND Phường	155.2										
955	Ngô Văn Vân	5								x		
956	Ngô Văn Vân	331.4										
957	Trần Ngọc Diệp	15.2										

958	Trần Ngọc Diệp	469.3	x							x		
959	Bùi văn Hậu	8										
960	Lương Thị Gái	41.2										
961	Vũ Thị Tơ	218.7										
962	Vũ Thị Tơ	120.2								x		
963	Đặng Văn Khanh	25.3										
964	Nguyễn Duy Thơi	13.5										
965	Vũ Hữu Thặng	8.2								x		
966	Hồ Thị Sinh	35.8										
967	Phùng Thị Hằng (tranh chấp)	171.2										
968	Nguyễn Hữu Thắng (tranh chấp)	192.5	x									
969	Nguyễn Hữu Thắng	12.8	x							x		
970	Phạm Thị Hằng	113.1	x									
971	Phạm Thị Hằng	46.6										
972	Lại Thái Bình	75.8										
973	Lại Thái Bình	42										
974	Nguyễn Hữu Tình	155.8										
975	Nguyễn Hữu Tình	9										
976	Phạm Thị Hằng	167.4										
977	Lại Thái Bình	67.8								x		
978	Lại Thái Bình	54.5	x									
979	Nguyễn Hữu Tình	232.3										
980	Tô Thị Hảo	225										
981	Tô Thị Hảo	251.3	x					x				
982	Tô Thị Hảo	197.1										x
983	Tô Thị Hảo	301.8										
984	Tô Thị Hảo	199.2										
985	Bùi Thị Hòa	241.3	x									
986	Trần Đăng Vụ	113.8	x									
987	Trần Đăng Vụ	313.4										
988	Phạm Hồng Thanh	25										
989	Phạm Hồng Thanh	18.3										
990	Trương Mạnh Hùng	519.9										
991	Nguyễn Văn Hợi	182.2								x		
992	Phạm Thị Yến	81.8										x
993	Phạm Thị Yến	155.2										
994	Nguyễn Văn Hợi	107.8	x									
995	Nguyễn Văn Hợi	95.6								x		
996	Nguyễn Thanh Hằng	167.6										
997	Đào Đức Thơm	81.4										
998	Đào Đức Thơm	5.6										
999	Tô Thị Chiển	17.5								x		
1000	Tô Thị Chiển	20										

1001	Mai Thị Ngọc Anh	15.8										
1002	Cao Danh Tuyền	14.2								x		
1003	Đào Ngọc Tuấn	7										
1004	Ngô Thị Bíc Cầu	22.6										
1005	Nguyễn Thị Hồng Hải	5.2										
1006	UBND Phường	408.4										
1007	Đào Văn Đông	30.2										
1008	Phạm Thị Thục	102.4										
1009	Lê Kim Ngân	72.8										
1010	Lê Hồng Quân	71.2										
1011	Hoàng Trung Sơn	153.8										
1012	Lê Hồng Sơn	106.2										
1013	Lê Hồng Sơn	70.4	x									
1014	Vương Quang Hải	251.9										x
1015	Vương Quang Hải	145.2										
1016	Trần Khang	297.4										
1017	UBND Phường	81.8										
1018	Trần Khang	41.5										
1019	Hầu Thị Gia	393.6										
1020	Nguyễn Văn Yên	221.2										
1021	Nguyễn Văn Yên	67										
1022	Nguyễn Văn Hưng	121.1	x									
1023	Phạm Gia Ngân	155										
1024	Phạm Gia Ngân	47.2	x									
1025	Nguyễn Thị Xoa	139.1	x									
1026	Trần Huy Chi	147.5	x							x		
1027	Đinh Văn Hữu	76.2										
1028	Đinh Văn Hữu	256.3	x									x
1029	Đinh Văn Hữu	43.3										
1030	Nguyễn Thị Xoa	88.1										
1031	Mai Văn Sinh	228										
1032	Nguyễn Văn Phấn	549										
1033	Mai Văn Sinh	95.2	x									
1034	Nguyễn Văn Phấn	163.5	x									
1035	Nguyễn Văn Phấn	202.7										
1036	Nguyễn văn Nhàn	140.8	x									
1037	Nguyễn văn Nhàn	16.6										
1038	Lê văn Quy	17										
1039	Tống Thị Vinh	434.3										
1040	Tống Thị Vinh	29.1										
1041	Đoàn Thị Lý	30.2										
1042	Đoàn Thị Lý	134.1	x									
1043	Đoàn Thị Lý	130.1								x		
1044	Đoàn Thị Lý	16.7										

1045	Đỗ Thị Yến	124.9	x									
1046	Đỗ Thị Yến	89.3										
1047	Nguyễn Thị Đằng	65.8	x									
1048	Đỗ Thị Yến	34.9										
1049	Trương Thị Lan	124.1	x							x		
1050	Trương Thị Lan	12.6										
1051	Trương Thị Lan	17.4										
1052	Bùi Thị Hiền	108.3	x									
1053	**Xây dựng kè chống lũ suối Cầu Dài**											
1054	Bành Trung chiến	66.5								x		
1055	Bình	406.5										
1056	Bình	689.1									x	
1057	Bùi Đức Quân	65.55										
1058	Bùi Hoàng Lập	379.6										
1059	Bùi Hoàng Lập	130.8	x									
1060	Bùi Hồng Quang	575.8								x		
1061	Bùi Huy Liệu	196.8										
1062	Bùi Mạnh Hùng	17.3										
1063	Bùi Mạnh Hùng	116.7								x		
1064	Bùi Mạnh Hùng	11.3	x									
1065	Bùi Quang Hội	898.7										
1066	Bùi Quang Hội	719.87					x					
1067	Bùi Quang Hội	82.97								x		
1068	Bùi Quang Hồng	556.5										
1069	Bùi Thanh Binh(Ngát)	94.4										
1070	Bùi Thanh Sơn	204.6					x					
1071	Bùi Thị Chiến	186.1								x	x	
1072	Bùi Thị Chiến	137.3										
1073	Bùi Thị Chiến	100.7										
1074	Bùi Thị Chiến	352.9	x									
1075	Bùi Thị Đào	234.2	x									
1076	Bùi Thị Đào	247.3										
1077	bùi thị tuyến	134.97				x		x				
1078	Bùi Văn Chiểu	15.8								x		x
1079	Cao Minh Hòa	639.2										
1080	Cao Thị Sớm	26.95										
1081	Chỉnh	674.3										
1082	Chỉnh	628.3								x		
1083	Chu văn đàn	774					x					
1084	Công	631.8										
1085	Công ty cổ phần sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn	146.8	x									
1086	Công ty Cổ phần Trường Tín	95.4	x									

1087	Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng Giao thông	776										
1088	Đào Ánh Tuyết	68.2										
1089	đào Thị Khám	14								x		
1090	Đào Văn Kiên	2.9										
1091	Đào Xuân Thủ	262.9										
1092	Đào Xuân Thủ	59	x							x	x	
1093	DĐỗ Thị Kim Phượng	10										
1094	Đinh Công Thanh	23.6	x									
1095	Đỗ Kim Hoàn	235.1										
1096	Đỗ Kim Hoàn	44.4										
1097	đỗ thị minh	205.3					x			x		
1098	đỗ thị Minh	780.3										
1099	Đỗ Thị Nga	50.03										
1100	Đỗ thị Nhường	202.93	x									
1101	Đỗ thị Nhường	269.23										
1102	Đỗ Thị Ninh	283.3										
1103	Đỗ Thị San	34.9										
1104	Đỗ Thị Thảo	1.3						x				
1105	Đỗ thị Thu	1521.4										
1106	Đỗ thị Vân	12.3								x		
1107	Đỗ thị Vân	171.4										
1108	Đỗ Văn Kính	10.2	x									
1109	Đỗ Văn Luyến	57.2	x									
1110	Đỗ Văn Luyến	313.6										
1111	Đoàn thị Ngọ	93.4	x							x		
1112	Đoàn Tuấn Anh	49.5										
1113	Đoàn văn Tam	226.3	x									
1114	Đoàn Văn Tính	273.66										
1115	Đoàn Văn Tính	55.3										
1116	Đông Quang Chắc	32.1										
1117	Đông Quang Chắc	16.4										
1118	Dương Bá Đạt	24.8										
1119	Dương Bá Đạt	16.5	x									
1120	Giang Thị Thu	68.4								x		
1121	Hà Thành Đê	25.6	x									
1122	hà văn thứ	283.84										x
1123	Hoa	88.6										
1124	Hoàng Đình Chơn	35.5								x		
1125	Hoàng Minh An	33.8	x									
1126	Hoàng Thị Bích Thủy	178.8										
1127	Hoàng Thị Hai	434.9										
1128	Hoàng Thị Kim	78.8										

1129	Hoàng Thị Liễu	61.2										
1130	Hoàng Thị Minh	7.2								x		
1131	Hoàng Thị Oanh	8.1										
1132	Hoàng thị Phương	188.1	x					x				
1133	Hoàng Thị Tuệ	22.8										
1134	Hoàng Văn Ngãi	128	x									
1135	Hoàng Văn Ngãi	93								x		
1136	Hoàng Văn Thanh	29.4										
1137	Hoàng Văn Toàn	904.7					x					
1138	Hoàng Xuân Long	48.8										
1139	Hoàng Xuân Trường	37.2										
1140	Hùng	772.9								x		
1141	Không tên	92.5										
1142	Không tên	373.6										
1143	Không tên	185.4										
1144	Không tên	16.3										
1145	không tên	33.6								x		
1146	không tên	52.5										
1147	không tên	259.1										
1148	không tên	84.2										
1149	không tên	335.5								x		
1150	không tên	112.6										
1151	không tên	759.9										
1152	không tên	278.5										
1153	không tên	626										
1154	không tên	121.7								x		
1155	không tên	1515										
1156	không tên	581										
1157	không tên	159.5										
1158	không tên	688.4						x				
1159	không tên	789.3										
1160	không tên	2327.3										
1161	không tên	460										
1162	không tên	326.1										
1163	không tên	448.5								x		
1164	không tên	49.4										
1165	không tên	1147.3										
1166	không tên	138.6										
1167	không tên	579								x		
1168	không tên	392.6										
1169	Lại Thị Huệ	74.7										
1170	Lại Thị Lan	46.6										
1171	Lại Thị San	0.9										
1172	Lâm Phúc Khang	15								x		

1173	Lê ĐIÌnh Luân	224.1										
1174	Lê Điình Nhân	134.8										
1175	Lê Điình Nhân	321.6										
1176	Lê Đinh Nhân	481.9										
1177	Lê Hồng Sơn	15.7	x							x		
1178	Lê Thị Thành	196.3										
1179	Lê Thị Thú	133.9	x									
1180	Lê Thùy Linh	13										
1181	Lê Văn Hậu	69.9										
1182	Lê Văn Hậu	220.3								x		
1183	Lê Văn Hậu	30.3										
1184	Lê Văn Hậu	112.3										
1185	Lê Văn Hậu	38.4										x
1186	Lộc Văn Huân	127.2										
1187	Lộc Văn Huân	41.2	x							x		
1188	Lộc Văn Huân	1223.3										
1189	Lộc Văn Huân	213.3										
1190	Lộc Văn Huân	80.2										
1191	Lương Công Việt	112.8								x		
1192	Lương Thị Cậy	466.2										
1193	Lương Thị Cậy	1										
1194	Lương Thị Hòa	15.6										
1195	Lương Thị Phượng	9.1										
1196	Lương Văn Chinh	238.9										
1197	mai ngọc sơn	243.9								x		
1198	Mai thị oanh	2104.5										
1199	Mai thị oanh	210.11							x			
1200	Mai thị oanh	164.57										
1201	Mai Thị Tú Hảo	28.4										
1202	Mai Văn Cường	755.5										
1203	Mai Văn Cường	536.29										
1204	Mương	59.8										
1205	Nguyễn Anh Sâm	11.86										
1206	Nguyễn Anh Sâm	289.96										
1207	Nguyễn Chí Dũng	54.85										
1208	Nguyễn Công Thúy	27.1	x									
1209	Nguyễn Đăng Dự	131.5										
1210	Nguyễn Đăng Dự	122.2								x		
1211	Nguyễn Đình Bang	715										
1212	Nguyễn Đức Cầu	79.8										
1213	Nguyễn Đức Thành	434.3	x									
1214	Nguyễn Đức Vỹ	71.6										
1215	Nguyễn Hoàng Khải	153.4								x		
1216	Nguyễn Hồng Quân	41.4										

1217	Nguyễn Hữu Định	1178.8							x			
1218	Nguyễn Hữu Lâm	78.5										
1219	Nguyễn Hữu Lâm	64.4	x									
1220	Nguyễn Hữu Lâm	62.2										
1221	Nguyễn Khắc Tưởng	9.4	x									
1222	Nguyễn Mạnh Chư	148.4								x		
1223	Nguyễn Mạnh Chư	103.8										
1224	Nguyễn Mạnh Chư	530.5										
1225	Nguyễn Mạnh Cường	10										
1226	Nguyễn Mạnh Dũng	13.5								x		
1227	Nguyễn Minh Thế	16.8										
1228	Nguyễn Minh Thế	31.5										
1229	Nguyễn Minh Thế	47.4	x									
1230	Nguyễn Ngọc Đĩnh	112.6										
1231	Nguyễn Ngọc Dũng	6.3										
1232	Nguyễn Ngọc Minh	33.7										
1233	Nguyễn Quốc Doanh	65.4										
1234	Nguyễn Quốc Tuấn	18.7										
1235	Nguyễn Quý Khang	24.3										
1236	Nguyễn Thị Bích Dung	51.5	x							x		
1237	Nguyễn Thị Bính	11.1										
1238	Nguyễn Thị Bính	47.8										
1239	Nguyễn thị Bình	264										
1240	Nguyễn Thị Đào	127.9										
1241	Nguyễn Thị Đinh	439.3										
1242	Nguyễn Thị Đinh	1903.8							x			
1243	Nguyễn thị Được	3.4										
1244	Nguyễn Thị Gái	102.6										
1245	Nguyễn Thị Gái	206										
1246	Nguyễn Thị Hải	110	x									
1247	Nguyễn Thị Hảo	12.1								x		
1248	Nguyễn Thị Hồi	1.5										
1249	Nguyễn Thị Hồng Dung	490										
1250	Nguyễn Thị Kim Phượng	13.8										
1251	Nguyễn Thị Kim Phượng	0.8										
1252	Nguyễn Thị Lê	32.2										
1253	Nguyễn Thị Nghĩa	431.4										
1254	Nguyễn Thị Nghĩa	439.2										
1255	Nguyễn Thị Nghĩa	576.8										
1256	nguyễn thị nhạn	326.2										
1257	Nguyễn Thị Nhiễm	16.4										

1258	Nguyễn Thị Nhon	54.7										
1259	Nguyễn Thị Nhon	206.6										
1260	Nguyễn Thị Nhuận	33										
1261	Nguyễn Thị Phương	278.8							x			
1262	Nguyễn Thị Quý	20										x
1263	Nguyễn Thị Sinh	144.1										
1264	Nguyễn Thị Sự	486.2										
1265	Nguyễn Thị Sự	255.4										
1266	Nguyễn Thị Sự	655.1										
1267	Nguyễn Thị Sửu	7.23										
1268	Nguyễn Thị Tâm	851.3										
1269	Nguyễn Thị Tân	3								x		
1270	Nguyễn Thị The	55.7	x									
1271	Nguyễn Thị The	43										
1272	Nguyễn Thị Thịnh	220.1										
1273	Nguyễn Thị Thịnh	9.3										
1274	Nguyễn thị thông	1498										
1275	Nguyễn thị Thúy	1261.22						x	x			
1276	Nguyễn thị Thúy	8.1										
1277	Nguyễn Thị Tuất	152	x									
1278	Nguyễn Thị Ty	9.8										
1279	Nguyễn thị Xuyến	242.24										
1280	Nguyễn Tiến Lợi	55.8	x									
1281	Nguyễn Tiến Ngưu	6.2										
1282	Nguyễn Tiến Thành	37										
1283	Nguyễn Tiến Vững	26.8	x									
1284	Nguyễn Tống Vinh	40								x		
1285	Nguyễn Trọng Ngữ	20.2										
1286	Nguyễn Tuấn An	108.9										
1287	Nguyễn Tuấn Thanh	115.4										
1288	Nguyễn Văn Bình	24										
1289	Nguyễn Văn Cầu	83.7								x		
1290	Nguyễn Văn Cầu	409										
1291	Nguyễn Văn Cầu	93.9										
1292	Nguyễn Văn Cầu	182								x		
1293	Nguyễn Văn Chi	59.5										
1294	Nguyễn Văn Chiến	64	x									
1295	Nguyễn văn Chính	1.91										x
1296	Nguyễn Văn Cường	32.4										
1297	Nguyễn Văn Đồng	33.1										
1298	Nguyễn Văn Đường	30.7	x									
1299	Nguyễn Văn Đường	117.6								x		
1300	Nguyễn Văn Đường	63.3										

1301	Nguyễn Văn Đường	116.2										
1302	Nguyễn Văn Đường	188.4										
1303	Nguyễn Văn Kha	130.5	x									
1304	Nguyễn Văn Kha	66										
1305	Nguyễn Văn Liêm	18.4	x									
1306	Nguyễn Văn Lợi	689.1										
1307	Nguyễn Văn Lợi	272.2								x		
1308	Nguyễn Văn Lợi	153.7	x									
1309	Nguyễn Văn Lợi	153.7	x									
1310	Nguyễn Văn Lợi	33.2										
1311	nguyễn Văn Thành	22.3										
1312	Nguyễn Văn Toàn	258.8	x									
1313	Nguyễn Văn Vượng	28.2	x									
1314	Nhâm Thị Mải	43.1										
1315	Nhâm Thị Mải	94.3	x									
1316	Nông Đình Mạc	45.2										
1317	Nông Thị Thìn	2.2										
1318	Phạm Công Nghiệp	37.3										
1319	Phạm Công Nghiệp	59.3										
1320	Phạm Công Nghiệp	115.2										
1321	Phạm Minh Phương	145.8										
1322	Phạm Minh Tiếp	55.5	x									
1323	Phạm Thị Đoài	116										
1324	Phạm Thị Hà	904.9							x			
1325	Phạm Thị Hà	183.5										x
1326	Phạm Thị Hạnh	252	x									
1327	Phạm Thị Hoa	3.8										x
1328	Phạm Thị Hòa	70.2										
1329	Phạm Thị Hòa	44.6										
1330	Phạm Thị Hưng	88.6	x									
1331	Phạm Thị Lê	116										
1332	Phạm Thị Liên	243.4	x							x		
1333	Phạm Thị Liên	991.7										
1334	Phạm Thị Minh	38.1										
1335	Phạm Thị Minh	38.5										
1336	Phạm Thị Phúc	349.6										
1337	Phạm Thị Phúc	64.3	x									x
1338	Phạm Tiến Chung	21.8										
1339	Phạm Văn Bái	632.4										
1340	Phạm Văn Bái	495.6										
1341	Phạm Văn Bái	5										
1342	phạm văn Cách	541.66										
1343	Phạm Văn Hạnh	398.9										
1344	Phạm Văn Lương	347	x									

1345	Phạm văn Mùi	170.6										
1346	Phạm văn Mùi	690.6							x			
1347	Phạm văn Mùi	116.3	x									
1348	Phạm văn Mùi	514										
1349	Phạm văn Mùi	698.5										
1350	Phạm văn mùi	302.5										
1351	Phạm Văn Nở	386.8										
1352	Phạm Văn Quyến	1084.6										
1353	Phạm văn Tập	318.44										
1354	Phạm Văn Tiến	28.8										
1355	Phạm Văn Tiến	2.2										
1356	Phạm Văn Vinh	359	x									
1357	Phan Quốc Vương	492.2										
1358	Phan Quốc Vương	77.9										
1359	Phan Quốc Vương	139.4										
1360	Phan Thanh Bình	15.4	x									
1361	Phan Thanh Minh	77.5										
1362	Phan Văn Trượng	62.2										
1363	Phùng Chí Dũng	116.8										x
1364	Phùng Đình Dũng	192.9	x									
1365	Phùng Đình Dũng	83.8	x									x
1366	Phùng Đình Dũng	280.6										
1367	Quang	416.4							x			
1368	Thường	253.5										
1369	Tống Xuân Lương	16.2										
1370	Trần Bằng	288.3										
1371	Trần Bích Hồng	5.1										
1372	Trần Bích Hồng	106.2										
1373	Trần Chung Kiên	41.4										
1374	Trần Chung Kiên	188.9										
1375	Trần Chung Kiên	140										
1376	Trần Đình Mười	103.7										
1377	Trần Đức Thắng	402.3										
1378	Trần Đức Thắng	201.5										
1379	Trần Đức Thắng	759.8										
1380	Trần Kim Chung	4.6										
1381	Trần Mạnh Hùng	10.2										
1382	Trần Quốc Đạt	50.3										
1383	Trần Thị Hằng	19.6										
1384	Trần Thị Nga	289.7							x			
1385	Trần Thị Nga	2.2										
1386	Trần Thị Nga	218.62										
1387	Trần Thị Nga	507.04						x				
1388	Trần Thị Phương	91.9										

1389	Trần Tuấn Anh	103.6										
1390	Trần Văn Chiến	295.9										x
1391	Trần Văn Chiến	482.6										
1392	Trần Văn Chiến	160.6										
1393	Trần Văn Chiến	221.6										
1394	Trần Văn Chiến	876.7										
1395	Trần Văn Chiến	334.6										
1396	Trần Văn Chiến	109.8										
1397	Trần Văn Chiến	105.3	x									
1398	Tranh chấp	72.4										
1399	Trương Hồng Thông	9.5										
1400	Trương Hồng Thông	31.4										
1401	Tuấn	463.2										
1402	Tuấn	469.6										
1403	UBND	900.2							x			
1404	UBND Phường	498.3										
1405	UBND phường	317										
1406	UBND Phường	250.5										
1407	UBND Phường	25.1										
1408	UBND Phường	52.7										
1409	UBND Phường	57.2										
1410	UBND Phường	89.2										
1411	UBND Phường	244.3										
1412	UBND Phường	21.9										
1413	UBND Phường	4132										
1414	UBND Phường	268.4										
1415	UBND phường	50.3										
1416	UBND Phường	1127.6										
1417	UBND Phường	89.8										
1418	UBND Phường	57.4										
1419	UBND Phường	65										
1420	UBND Phường	126.8										
1421	UBND Phường	191.7										
1422	UBND Phường	333.1										
1423	UBND phường	53.4										
1424	UBND phường	1722.5										
1425	UBND Phường	562.8										
1426	UBND phường	1125.5										
1427	UBND Phường	178.7										
1428	UBND Phường	776.6							x			
1429	UBND Phường	253.3										
1430	UBND Phường	765.1										
1431	UBND Phường	2893										

1432	UBND Phường	146.9										
1433	UBND Phường	120.8										
1434	UBND Phường	79.1										
1435	UBND Phường	1353.76										
1436	UBND Phường	119.28										
1437	UBND Phường	3055.5										
1438	Vi Thị Chi	113.8										
1439	Vi Thị Chi	439.5										
1440	Vi Thị Chi	261.4										
1441	Vi Thị Chi	61.1	x									
1442	Vi Tiến Dũng	79.1										
1443	Võ Xuân Chín	640.5	x									
1444	Võ Xuân Chín	559.6										
1445	Vũ Công Trình	255.5										
1446	Vũ Công Trình	12.7										
1447	Vũ Đức Long	40.3										
1448	Vũ Hùng Cường	28.2										
1449	Vũ Ngọc Cảnh	433.4							x			
1450	Vũ Ngọc Hợi	80.2	x									
1451	Vũ Thanh Nguyên	10										
1452	Vũ Thị Duyên	4.4										
1453	Vũ thị Hoa	21.04										
1454	Vũ thị Hoa	919.3										
1455	Vũ thị Hoa	357.1										x
1456	Vũ thị Hoa	227.2										
1457	Vũ Thị Kim Quế	15.8										
1458	Vũ thị Nụ	159.4										
1459	Vũ Thị Tấm	140.31										
1460	Vũ Thị Tấm	2.2										
1461	Vũ Thị Thực	750.68										
1462	Vũ Tiến Thịnh	10										
1463	Vũ văn Hậu	599.67							x			x
1464	Vũ Văn Ổng	201.8										
1465	Vũ Văn Ổng	332.9										
1466	Vũ văn Phong	413.6										x
1467	Vũ văn Phong	111.6										
1468	Vũ văn Phong											
1469	Vũ Văn phong	866.9										
1470	**Xây dựng đường nối từ đường Điện Biên đến đường nối cầu Bách Lẫm - cầu Văn Phú**											
1471	Đinh THị Xuyến	8.1	x									
1472	Nguyễn Thạc Sơn	23.5	x									
1473	Phạm Hùng Tráng	105	x									
1474	Hoàng Thị Hành	53.5	x							x		

1475	Nguyễn Thị Thu Dung	25.5	x									
1476	Nguyễn Thị Nhung	8.8	x									
1477	Nguyễn Xuân Cường	5.9	x									
1478	Hoàng Văn Duyệt	5.1										
1479	Đoàn Hiếu	1.75	x									
1480	Đoàn Hùng	2.9										
1481	Lê Đình Toàn	3.9										
1482	Lê Hữu Nghị	30.78						x				
1483	Lê Hữu Nghị	454.98							x			
1484	Hà minh Đức	399.6	x								x	
1485	Hà minh Đức	399.6	x									
1486	Hà minh Đức	32.87										
1487	Ko tên	21.9										
1488	Hoàng Hồng Đức	270.13										
1489	Trần Thị Hoa	28.8										
1490	lê quý hòa	130.32										
1491	lê thị nguyệt	199.39										
1492	đỗ.t.thanh Hiền	50.78										
1493	nguyễn thị sửu	653.71										
1494	nguyễn thị sửu	32.5										
1495	Đỗ Thị Thu Hà	57.8										
1496	Đỗ Thị Thu Hà	361.37										
1497	Nguyễn Ngọc Quyền	385.92										
1498	Nguyễn Ngọc Quyền	233.6										
1499	vũ văn phước	619.68								x		
1500	lê thành đô	842.1										
1501	lê thành đô	987.1										
1502	Nguyễn Anh Hùng	44.23								x		
1503	Đỗ văn thế	136.73										
1504	Đỗ văn thế	277.97										
1505	Đỗ văn thế	288.7										
1506	UBND Phường Quản lý	255.3										
1507	UBND Phường Quản lý	288.68										
1508	vũ Đăng Thóc	431.21										
1509	vũ Đăng Thóc	159.12										
1510	Nguyễn Quang Luận	342.03										
1511	Mai Anh Tuấn	124.67										
1512	Nguyễn thị lụa	1213.5								x	x	
1513	Nguyễn thị lụa	270.81	x									x
1514	Ko tên	151.4										
1515	Thành	45.6										

1516	Thanh	37.35										
1517	không tên	110.02	x									
1518	Bùi Minh Kính	7.5										
1519	Bùi Minh Kính	330.75	x						x	x		
1520	Bùi Minh Kính	330.75	x									
1521	Bùi Minh Kính	120.3										
1522	Bùi Minh Kính	196.57										
1523	ko tên	3.1										
1524	Phan văn cường	2.39										
1525	ko tên	284.63							x			
1526	UBND Phường Quản lý	3821.4										
1527	Nguyễn Đăng Lộc	41.9										
1528	Trần thị Thu Huyền	289.9	x							x		
1529	Trần Văn Hậu	85.2	x									
1530	Nguyễn Thị Thịnh	1.68									x	
1531	Nguyễn Thị Thịnh	65.4										
1532	Nguyễn Thị Thịnh	149.9						x				
1533	Nguyễn Thị Thịnh	136.9										
1534	Trần Văn Kiên	16.4								x		
1535	Trần Văn Kiên	427.39										
1536	Nguyễn Thị Hòa	87.13										
1537	Nguyễn Thị Hy	534.46										
1538	Nguyễn Thị Hy	377.92										
1539	Kiều Quang Trung	393.67										
1540	**Xây dựng đường nối Nguyễn Tất Thành - Âu Cơ**											
1541	Bùi Đức Quang	3620.65										
1542	Bùi Đức Quang	762.99										
1543	Bùi Đức Quang	756.5										
1544	Bùi Đức Quang	127.3								x		
1545	Bùi Đức Quang	90.5										
1546	Bùi Đức Quang	36.8										
1547	Bùi Đức Quang	167.5										
1548	Bùi Quang Chính	1008.38										
1549	Bùi Quang Chính	569.62										
1550	Bùi Quang Chính	585.26										
1551	Bùi Quang Chính	327.1										
1552	Bùi Quang Chính	543.83										
1553	Bùi Văn Định	206.7								x		
1554	Bùi Văn Liệu	309.8										
1555	Bùi Văn Liệu	526.35										
1556	Bùi Văn Liệu	112.5										x
1557	Bùi Văn Nghiêm	431										
1558	Bùi Văn Nghiêm	285.1										

1559	Bùi Văn Nghiêm	302.19										
1560	Bùi Văn Nghiêm	58.26										
1561	Bùi Văn Nghiêm	66.1										
1562	Bùi Văn Nghiêm	311.7									x	
1563	Bùi Văn Nghiêm	3077.17										
1564	Bùi Văn Quý	22.89										
1565	Bùi Văn Quý	231.08								x		
1566	Bùi Văn Quý	25.58										
1567	Bùi Văn Sơn	243.66										
1568	Bùi Văn Sơn	89.57										
1569	Bùi Văn Thương	1299.9										
1570	Bùi Văn Thương	160.06										
1571	Bùi Văn Thủy	2										
1572	Bùi Văn Thủy	34.81										
1573	Bùi Văn Thủy	337.89										
1574	Cao Thị Nhuần	179.1										
1575	Cao Thị Nhuần	342.6	x									
1576	Cao Thị Nhuần	568.7										
1577	Cao Thị Nhuần	4704.3										
1578	Chanh	39.9										
1579	Chanh	30.2										
1580	Đặng Văn Thắng	248.96										
1581	Đặng Văn Thắng	281.3										
1582	Đặng Văn Thắng	1329.86										x
1583	Đào Lương Thịnh	66.85										
1584	Đào Quang Việt	484.15										
1585	Đào Trọng Nam	590.34							x			
1586	Đào Văn Minh	8.5										
1587	Đoàn Thanh Tiến	5282.9										
1588	Đoàn Thanh Tiến	105.6										
1589	Đoàn Thanh Tiến	247.8										
1590	Đoàn Thanh Tiến	919.8										
1591	Đoàn Văn Mùi	134.3										
1592	Đoàn Văn Mùi	64									x	
1593	Đoàn Văn Mùi	1067.6										
1594	Đoàn Văn Mùi	45.4										
1595	Đoàn Văn Mùi	46.5										
1596	Đoàn Văn Mùi	40.8										
1597	Đoàn Văn Mùi	10.9										
1598	Đoàn Văn Mùi	300.4	x									
1599	Đoàn Văn Mùi	500.8										
1600	Đoàn Văn Mùi	820										
1601	Đoàn Văn Mùi	3003.3								x		

1602	Đoàn Văn Mùi	8.8										
1603	Họ Giáo Tân Thịnh	71.43										x
1604	Hoàng Đình Khoát	248.9										
1605	Hoàng Đình Khoát	139.1										
1606	Hoàng Đình Khoát	136.7								x		
1607	Hoàng Đình Khoát	65.02										
1608	Hoàng Thanh Quang	391.7										
1609	Hoàng Thanh Quang	191.03										
1610	Hoàng Thanh Quang	139.33										
1611	Hoàng Thanh Quang	200.6										
1612	Hoàng Thanh Quang	3036.47										
1613	Hoàng Thanh Quang	202.84										
1614	Hoàng Thế Lưu	15.3										
1615	Hoàng Thế Lưu	65.7										
1616	Hoàng Thế Lưu	336.6										
1617	Hoàng Thị Bắc	249								x		
1618	Hoàng Thị Duyên Hải	1176.5										
1619	Hoàng Thị Liên	136.3									x	
1620	Hoàng Thị Liên	83										
1621	Hoàng Thị Lược	826.28										
1622	Hoàng Thị Lược	106.4										
1623	Hoàng Thị Lược	306.9										
1624	Hoàng Thị Lược	533.5										
1625	Hoàng Thị Lược	3.5										
1626	Hoàng Thị Nga	80										
1627	Hoàng Thị Thủy	20.1										x
1628	Hoàng Thị Tuyết	68.35										
1629	Hoàng Thị Tuyết	118.6										
1630	Hoàng Thị Tuyết	169.5										
1631	Hoàng Thị Tuyết	163										
1632	Hoàng Thị Tuyết	43.9										x
1633	Hoàng Thị Tuyết	137.2								x		
1634	Hoàng Văn Cảnh	224.4										
1635	Hoàng Văn Cảnh	620.1										
1636	Hoàng Văn Cảnh	158.9	x									
1637	Hoàng Văn Cảnh	394.4										
1638	Hoàng Văn Cảnh	1255.6							x			
1639	Hoàng Văn Cảnh	361.3										
1640	Hoàng Văn Đăng	495.3										
1641	Hoàng Văn Đăng	294.3										
1642	Hoàng Văn Định	324.1										

1643	Hoàng Văn Hà	3439.1							x			
1644	Hoàng Văn Hà	244.9	x									
1645	Hoàng Văn Hà	77.6										x
1646	Hoàng Văn Hòa	268.8										
1647	Hoàng Văn Hòa	68.9								x		
1648	Hoàng Văn Hòa	1175.4										
1649	Hoàng Văn Lý	151.1										
1650	Hoàng Văn Mai	164.7										
1651	Hoàng Văn Phong	316.1										
1652	Hoàng Văn Phong	350.6										
1653	Hoàng Văn Toàn	506.4										
1654	Hoàng Văn Tuấn	150.6										
1655	Hoàng Văn Tuấn	1486.8									x	
1656	Hoàng Văn Tuấn	775.5										
1657	Hoàng Văn Vận	96.5										
1658	Không tên	1548.32										
1659	Không tên	127.43										
1660	Khuất Hồng Quân	73.1										
1661	Khuất Hồng Quân	195.8										
1662	Lê Đình Chung	114.2										
1663	Lê Đình Chung	10.25										x
1664	Lê Đình Lộc	329.82							x			
1665	Lê Đình Luận	62.27										
1666	Lê Đình Luận	164.09										x
1667	Lê Đình Luận	71.51										
1668	Lê Đình Luận	546.47										
1669	Lê Đình Luận	334.1										
1670	Lê Đình Thực	355.59										
1671	Lê Đình Thực	75.3										
1672	Lê Đình Thực	101.02										
1673	Lê Đình Thực	200.77										
1674	Lê Đình Thực	1097.93										
1675	Lê Kim Điền	718.26										
1676	Lê Thị Gia	849.1										
1677	Lê Thị Gia	279.51										
1678	Lê Thị Gia	120.28										
1679	Lê Thị Gia	745.21								x		
1680	Lê Thị Gia	295.37										
1681	Lê Thị Gia	658.71										
1682	Lê văn Nhiên	768.4										
1683	Lê Văn Sinh	81.1										
1684	Lê Văn Sinh	125.6										
1685	Lê Văn Thanh	764.94										

1686	Lê Văn Thanh	127.15										
1687	Lê Văn Thanh	310										x
1688	Lê Văn Thanh	245.7										
1689	Lương Thị Kế	59.55										
1690	Lương Thị Kế	598.7										
1691	Lương Thị Kế	99.9										
1692	Lương Thị Kế	840.8										
1693	Lương Thị Mùi	1091.56										
1694	Lương Thị Mùi	2026.97							x			
1695	Lương Thị Mùi	1111.4								x		
1696	Lương Văn Trình	321.4										
1697	Lương Văn Trình	142.5										
1698	Ngô Thị Tước	105.7										
1699	Ngô Thị Tước	308.9										
1700	Ngô Thị Tước	139										
1701	Ngô Văn Cầu	20.3										
1702	Ngô Văn Cầu	49.7										
1703	Ngô Văn Cầu	1662.7										
1704	Ngô Văn Cầu	257.4	x									
1705	Ngô Văn Cầu	126.6										
1706	Ngô Văn Cầu	29.2										
1707	Ngô Văn Cầu	813.6										
1708	Ngô Văn Cầu	19	x									x
1709	Ngô Văn Cầu	122.6										
1710	Ngô văn Chưng	87										
1711	Ngô văn Chưng	165.5										
1712	Ngô Văn Chưng	5.1										
1713	Ngô Văn Đồng	1728.5										
1714	Ngô Văn Đồng	180.6	x									
1715	Ngô Văn Đồng	513.1	x									
1716	Ngô Văn Đồng	24.1										
1717	Ngô Văn Đồng	14.3										
1718	Ngô Văn Đồng	3										
1719	Ngô Văn Đồng	162.6										
1720	Ngô Văn Đồng	117										
1721	Ngô Văn Thường	43.4										
1722	Ngô Văn Thường	151.7										
1723	Ngô Văn Thường	172.1										
1724	Ngô Văn Thường	75.5										
1725	Ngô Văn Thường	247										
1726	Ngô Văn Thường	136.3										
1727	Ngô Văn Thường	66.2										
1728	Ngô Văn Tỵ	41.2										

1729	Ngô Văn Ty	75.7										
1730	Ngô Văn Ty	37.5										
1731	Ngô Văn Ty	1455.3										
1732	Ngô Văn Ty	981.9										
1733	Ngô Văn Ty	299.6	67.5									
1734	Ngô Văn Ty	2487.3										
1735	Ngô Xuân Tình	12.8										x
1736	Ngô Xuân Tình	51.3	x									
1737	Nguyễn Đức Thắng	1311.54										
1738	Nguyễn Hữu Toàn	281.85										x
1739	Nguyễn Hữu Toàn	983.58										
1740	Nguyễn Kim Hoạt	77.54										
1741	Nguyễn Ngọc Dương	112.03								x		
1742	Nguyễn Ngọc Quân	5.36										
1743	Nguyễn Thành Đô	412.33										
1744	Nguyễn Thành Đô	143.31										
1745	Nguyễn Thành Đô	341.8										
1746	Nguyễn Thành Đô	105.82										
1747	Nguyễn Thành Đô	31.6										
1748	Nguyễn Thị Bình	9.21										
1749	Nguyễn Thị Bình	193.5										
1750	Nguyễn Thị Bình	14.53										
1751	Nguyễn Thị Cung	1054.2										
1752	Nguyễn Thị Cung	2794.4										
1753	Nguyễn Thị Cung	385.5	x									
1754	Nguyễn Thị Hạnh	194.8										
1755	Nguyễn thị Kim Chi	507.24										
1756	Nguyễn thị Kim Chi	199.23										x
1757	Nguyễn Thị Ngọ	190										
1758	Nguyễn Thị Nhàn	4.1										
1759	Nguyễn Thị Oanh	124										
1760	Nguyễn Thị Sáng	74.3										
1761	Nguyễn Thị Sáng	171.7										
1762	Nguyễn Thị Sáng	80.6										
1763	Nguyễn Thị Sáng	367.9										
1764	Nguyễn Thị Sáng	220.14										
1765	Nguyễn Thị Tâm	783.1										
1766	Nguyễn Thị Thu	296.17										
1767	Nguyễn Thị Thu Trang	21.75										
1768	Nguyễn Thị Tước	44.6										
1769	Nguyễn Thị Vui	475.7										
1770	Nguyễn Thị Vui	183.88										

1771	Nguyễn Thị Vui	493.5										
1772	Nguyễn Thị Vui	485.99										
1773	Nguyễn Thị Xuân	221.43										
1774	Nguyễn Thị Xuân	138.53										
1775	Nguyễn Thị Xuân	158.36										
1776	Nguyễn Thị Xuân	97.83										
1777	Nguyễn Tiến Kim	1237.44								x		
1778	Nguyễn Tiến Kim	49.32										x
1779	Nguyễn Tiến Kim	512.3								x		
1780	Nguyễn Văn Chấn	159.7										x
1781	Nguyễn Văn Chiều	797.6										
1782	Nguyễn Văn Chiều	21.2										
1783	Nguyễn Văn Côi	62.94										
1784	Nguyễn Văn Công	801.02										
1785	Nguyễn Văn Công	301										
1786	Nguyễn Văn Công	1102.93										
1787	Nguyễn Văn Công	1878.97										
1788	Nguyễn văn Doãn	344.2										
1789	Nguyễn Văn Dũng	434.63										
1790	Nguyễn Văn Hồng	19.6										
1791	Nguyễn Văn Hồng	239.38										
1792	Nguyễn Văn Huy	240.36										
1793	Nguyễn Văn Khanh	2767.7										
1794	Nguyễn Văn Khanh	257.8	x									
1795	Nguyễn Văn Khanh	808.9	x									
1796	Nguyễn văn Khanh	456.7										
1797	Nguyễn văn Khanh	42.3										
1798	Nguyễn văn Khanh	237.1										
1799	Nguyễn văn Khanh	1211.3										
1800	Nguyễn Văn Lục	552.8										
1801	Nguyễn Văn Mẫn	184.85										
1802	Nguyễn Văn Mẫn	82.8										
1803	Nguyễn Văn Mẫn	388.87										
1804	Nguyễn Văn Nhân	267.5										
1805	Nguyễn Văn Nhân	110.28										
1806	Nguyễn Văn Phương	298.24										
1807	Nguyễn Văn Soạn	207.96										
1808	Nguyễn Văn Soạn	140.31								x		
1809	Nguyễn Văn Soạn	89.12										
1810	Nguyễn Văn Soạn	1499.82										
1811	Nguyễn Văn Thành	173.48										
1812	Nguyễn Văn Tĩnh	178.57										

1813	Nguyễn Văn Ước	45.08										
1814	Nguyễn Văn Vy	751.2										
1815	Nông Văn Bích	119										
1816	Nông Văn Bích	0.67										
1817	Nông Văn Bích	41.91										
1818	Nông Văn Dũng	198.8										
1819	Nông Văn Dũng	93.2										
1820	Nông Văn Dũng	26										
1821	Nông Văn Dũng	430.4										
1822	Nông Văn Dũng	25.55										
1823	Nông Văn Dũng	146.2										
1824	Nông Văn Dũng	339										
1825	Nông Văn Dũng	1288.14										
1826	Nông Xuân Long	296.17										
1827	Nông Xuân Long	11.5										
1828	Nông Xuân Long	11.1										
1829	Phạm Kim Cương	13.1										
1830	Phạm Kim Cương	35.4										
1831	Phạm Thị Loan	185.9										
1832	Phạm Thị Loan	84										
1833	Phạm Thị Loan	163.6										
1834	Phạm Thị Loan	110										
1835	Phạm Thị Ngân	6.6										
1836	Phạm Thị Thịnh	97										
1837	Phạm Thị Thuộc	21										
1838	Phạm Tiến Dũng	899.1										
1839	Phạm Văn Chung	2451.2							x			
1840	Phạm Văn Đông	631.2										
1841	Phạm Văn Đông	10										
1842	Phạm Văn Đông	47.6										
1843	Phạm Văn Đông	2.9										
1844	Phạm Văn Đông	68.8										
1845	Phạm Văn Đông	1.9										
1846	Phạm Văn Nhẫn	129.6										
1847	Phạm Văn Nhẫn	101.1										
1848	Phạm Văn Nhẫn	272.5										
1849	Phạm Văn Thảng	1138.3										
1850	Phạm Văn Thảng	164.5										
1851	Phạm Văn Thiệu	25.2										
1852	Phạm Văn Thiệu	625.5										
1853	Phạm Văn Thiệu	1389.53										
1854	Phạm Văn Trung	80										
1855	Phạm Văn Trung	286.4										

1856	Phạm Văn Trung	163.6										
1857	Phạm Văn Trung	1007.7										
1858	Phạm Văn Trung	190	x									
1859	Phạm Văn Trung	83.4										
1860	Phạm Văn Trung	195.7										
1861	Phạm Xuân Cách	1004.8										
1862	Phạm Xuân Cách	116.2	x									
1863	Phạm Xuân Cách	167.6										
1864	Tạ Văn Chín	233.4										
1865	Tạ Văn Chín	20.3										
1866	Tạ Văn Chín	32.4										
1867	Tạ Văn Chín	68.1										
1868	Tạ Văn Túc	1547.5										
1869	Tạ Văn Túc	324	x									
1870	Tạ Văn Túc	967.8										
1871	Tạ Văn Túc	243										
1872	Thành	815.31										
1873	Thịnh Kim	734.25										
1874	Trần Công Tấn	1603.41										
1875	Trần Công Tấn	604.76										
1876	Trần Công Tấn	875.74										
1877	Trần Công Tấn	185.1										
1878	Trần Công Tấn	159.74										
1879	Trần Công Tấn	53.37										
1880	Trần Ngọc Phú	35.18									x	
1881	Trần Văn Bái	550.2										
1882	Trương Thị Sự	172.5										
1883	Trương Thị Sự	38.6										
1884	UBND xã	269.3										
1885	UBND xã Lương Thịnh 1	2372.21	x									
1886	UBND xã Lương Thịnh 2	172.56										
1887	UBND xã Lương Thịnh 2	137.3										
1888	UBND xã Lương Thịnh 2	319.4										
1889	Vũ Mạnh Tuân	425.95										
1890	Vũ Mạnh Tuân	178.9										
1891	Vũ Mạnh Tuân	503.5										
1892	Vũ Thị Rền	96.6										
1893	Vũ Thị Rền	63.8										
1894	Vũ Thị Rền	3661.8										
1895	Vũ Thị Thìn	36.6										
1896	Vũ Thị Thìn	74.4										
1897	Vũ Thị Thìn	107										

1898	Vũ Thị Thìn	232.8										
1899	Vũ Thị Thìn	196.7										
1900	Vũ Văn Bách	925.51										
1901	Vũ Văn Lý	159.6										
1902	Vũ Văn Lý	1028.6										
1903	Vũ Văn Lý	1336.5										
1904	Vũ Văn Phú	101										
1905	Vũ Văn Tú	116.3										
1906	Không tên	76.7										
1907	Không tên	76.8								x		
1908	Không tên	70.9										
1909	Không tên	143.8										
1910	Không tên	4.1										
1911	**Cải tạo 3 hồ sinh thái Nam Cường**											
1912	Nguyễn Thị Đông	1545.1										
1913	Nguyễn Thị Đông	255										
1914	Đỗ Ngọc Lân	190.5			x							
1915	Đỗ Ngọc Lân	47.4										
1916	Phạm Thị Do	71.9										
1917	Nguyễn Văn Hải	29.5										
1918	Tô Việt Bắc (Phạm Thị Châu)	10.7										x
1919	Phạm Thị Quỳnh	24.8										
1920	Đỗ anh Tuấn (Giang)	15.1								x		
1921	Nguyễn Chí Thiện (Ngô Thị Sửu)	25.5										
1922	Đặng Văn Đào	200										
1923	Phạm Văn Lợi	400										
1924	Nguyễn Văn Hoan	300										
1925	Đỗ Quang Tuyến	200										
1926	UBND	5085.45										
1927	**Khu tái định cư**											
1928	Nguyễn Tiến Kim	1736.8										
1929	Nguyễn Văn Mẫn	560.5										
1930	Phạm thị Ngân	157.3										
1931	Nguyễn Văn Huy	1273.1										
1932	Bùi Quang Chính	478										
1933	Lương Thị Mùi	200.3										
1934	Bùi Minh kính	4308										
1935	Vux Văn Khu	2163.8										
1936	Lê Thị Nhạn	1292.8										
1937	Phạm Thị Lượt	2082.4										
1938	Đào Đức Quang	2105.1										
1939	Nguyễn Thị Sáng	2178.5										
1940	Nguyễn Mạnh	591										

	Thắng											
1941	nguyễn Thị Chén	503										
1942	Nguyễn Thị Tích	243.8										
1943	Nguyễn Thị Tích	347.1										
1944	Nguyễn Đăng Lộc	214.8										
1945	Nguyễn Thị Tuyết	379.6										
1946	Đàm Quang khải	666.8										
1947	Cấn Văn Minh	517										
1948	Nguyễn Khắc Hoàn	135.8										
1949	Đào Thanh Quỳ	245.3										
1950	Đỗ Trường Giang	98.9										
1951	Vị Văn Khải	70.1										
1952	UBND	1044										
1953	Nguyễn Văn Tuyết	32.5										
1954	UBND	372										
1955	Nguyễn Văn Uy	452.8										
1956	Mầu Văn Thọ	162.5	x									
1957	Mầu Văn Sinh	77.2	x									
1958	Mầu Văn Thọ	223.4										
1959	UBND	490.9										
1960	Nguyễn Thị Hà	213.3	x									
1961	Lê Thị Lợi	19.5										
1962	Lê Thị Lợi	111.7										
1963	Nguyễn Thị Hà	315.7										
1964	Mầu Văn Thọ	218.8										
1965	Trần Văn Quang	630.7										
1966	Phạm Thị Quý	114.2										
1967	Phạm Văn An	134.9										
1968	Phạm Văn An	158.2										
1969	Phạm Thị Quý	319.7										
1970	Phạm Văn An	319										
1971	Lưu Phong Quỳnh	513.5										
1972	Lưu Phong Quỳnh	55.4										
1973	Lưu Phong Quỳnh	269.1										
1974	Trần Ngọc Sơn	429.5										
1975	Nguyễn Thị Hồng Tâm	1057.8										
1976	Trại Hồng Ka	89.6										
1977	Vuũ Thị Hiến	379										
1978	Vũ Thị Hiến	220.9										